VĂN HỌC Nghệ thuật

SÁNG TÁC • NHẬN ĐỊNH

HỒ TRƯỜNG AN □ NGUYÊN THỊ HOÀNG BẮC □ PHẠM DUY □ ĐÀO TRUNG ĐẠO □ □ VÕ ĐÌNH □ VI KHUÊ □ □ NGUYỄN ĐÌNH HÒA □ ĐỊNH NGUYÊN □ VÕ PHIẾN □ ĐÀO TRƯỜNG PHÚC □ VŨ HUY QUANG □ NGUYỄN ĐÌNH SỞ □ CUNG TIẾN □ NGUYỄN BÁ TRẠC □ KIỆT TẤN □ LÊ TÂM □ ĐOÀN THÊM □ ĐINH TUẤN □ MAI THẢO □ NGU YÊN □

BỘ MỚI * SỐ 6 * THÁNG 10 NĂM 1985

tạp chí văn nghệ đầu tiên của người việt hải ngoại

Trong số này :

NHẬN ĐỊNH

VÕ PHIẾN 659 Chúng ta đọc có ít chăng ?
CUNG TIẾN 667 Chất liệu và kỹ thuật tạo thanh mới (bài kỳ hai)
NGUYỄN BÁ TRẠC 685 Văn chương và Chối bỏ
PHẠM DUY 691 Dương thiệu Tước. Nhóm Myosotis Hà nội
VŨ HUY QUANG 733 Giới thiệu Go Rin No Sho (Kỳ thư ngũ đại) .
ĐÀO TRUNG ĐẠO 756 Chủ thể văn chương

TÀI LIỆU

MAI THẢO Nghe đất

TRUYỆN NGẮN TÙY BÚT

HỒ TRƯỜNG AN 697 Trường hợp của Nhường.
VÕ ĐÌNH 714 Paris có gì lạ đâu em ?
KIỆT TẤN 723 Chú tiểu bìm bịp
HOÀNG LIÊN 737 Ánh sáng và Bóng tối
LÊ TÂM 743 Nhìn một mắt

THƠ

ĐOÀN THÊM 666 Vầng trăng xứ lạnh
ĐÀO TRƯỜNG PHÚC 689 Chiều nắng vàng phương xa
690 Mưa trên quê hương tôi
NGUYỄN THỊ HOÀNG BẮC 711 Đôi ngả
NGU YÊN 712 Chiều nhậu chả giò ở Houston
VI KHUÊ 713 Đọc thơ Ngu Yên
ĐINH TUẤN 720 Nhập cuộc tử sinh
ĐỊNH NGUYÊN 722 Cho nhau

SINH HOẠT VHNT

V H N T 761 Thời sự văn học nghệ thuật
NGUYỄN ĐÌNH SỞ 768 Sách mới nhận, Điểm sách
NGUYỄN ĐÌNH HOÀ 770 Hai kiệt tác VN dịch sang tiếng Nhật
V H N T 772 Hộp thư toà soạn

Võ Phiến

Chúng ta đọc có ít chăng ?

1

Nhìn lướt qua sinh hoạt văn nghệ thời kỳ 1954-1975, thấy một hiện tượng ngộ nghĩnh : Số tác giả sau 54 ở miền Nam vượt cao hơn hồi tiền chiến toàn quốc rất xa, thế mà số độc giả thì không thấy tăng.

Trong cuốn *Văn thi sĩ tiền chiến* (1), Nguyễn Vỹ có nói về chuyện in sách: các nhà văn tự in lấy tác phẩm của mình và tự phát hành lấy. Ông bảo: *"Một số đại lý sẵn sàng gửi bưu phiếu về tác giả, để mua một số sách trừ tiền hoa hồng khá cao, thường thường là 25 phần trăm hoặc 30 phần trăm. Họ có thể mua từ 100 quyển đến 500 quyển hoặc 1000 quyển tùy theo quyển sách mà họ biết trước sẽ bán được nhiều hay ít, và tùy theo địa điểm của họ".* Tôi ngạc nhiên. Đại lý có thể mua đến hàng nghìn cuốn sách một lần? Theo Nguyễn Vỹ, có "một số đại lý sẵn sàng" làm như thế: "một số" là bao nhiêu? Thực ra trên toàn cõi Việt Nam chỉ cần được hai đại lý như thế đã đủ làm nên sự lạ, bởi vì riêng hai nhà họ tiêu thụ tất cả số ấn hành trung bình mỗi tác phẩm ở miền Nam sau 1954.

Thật vậy, trong khoảng 54-75 số sách tiêu thụ không lên xuống mấy, đại khái từ nghìn rưỡi đến ba nghìn cuốn mỗi lần in. Ba nghìn là chuyện hiếm hoi, ít khi xảy ra; nghìn rưỡi, vài nghìn là thông lệ. Phải vận dụng mọi cách phát hành mới tiêu thụ nổi chừng ấy sách, làm gì có chuyện hai đại lý gửi bưu phiếu mua hết veo ngay ! Nguyễn Vỹ nhớ lầm chăng ? Nếu "một số đại lý" mua được mỗi nhà một nghìn cuốn thì tổng số sách bán được e lên đến hàng vạn cuốn mỗi lần ấn hành. Lẽ nào rực rỡ quá vậy ?

Cứ theo số lượng ấn hành ghi ở phần nhiều các sách tiền chiến thì đại khái cũng không khác thời kỳ 54-75 ở miền Nam, tức hai nghìn cuốn mỗi kỳ. Như thế đã đáng suy nghĩ rồi.

Mặc dù quần chúng độc giả tiền chiến của Nguyễn Vỹ là quần chúng toàn quốc, còn độc giả miền Nam sau 54 là quần chúng nửa

nước, nhưng dân số có gia tăng lớn và cuộc di cư 1954 đã đưa thêm người vào Nam cho nên sự chênh lệch không bao nhiêu. Trước 1945 trên toàn cõi Việt Nam và sau 54 ở miền Nam đại khái dân số cùng xấp xỉ vài chục triệu. Tuy nhiên trong cái số đông của tiền chiến đại đa số là thất học, hạng thoát nạn mù chữ đã ít, kẻ có trình độ trung học rất hiếm hoi (cả xứ Trung kỳ chỉ có bốn trường trung học công lập ở Vinh, Huế và Qui Nhơn!), nói gì đến tầng lớp đại học. Sau 1954 ở miền Nam trường học mở đầy dẫy, trong giai đoạn sau của chế độ sinh viên các phân khoa nhân văn từ Huế vào đến An Giang có đến hàng trăm nghìn: thế mà số người đọc sách không tăng thêm, ít ra là không tăng một cách rõ rệt, đáng kể. Lạ chứ.

Nhớ có lần nói chuyện với một nhà sách kỳ cựu ở Sàigòn, đã hành nghề dưới nhiều chế độ, theo dõi tâm lý của độc giả trải qua nhiều thời kỳ - tức ông Khai Trí - có nghe ông đưa ra một nhận xét: Quả là sau này người ta ít mua sách hơn thời tiền chiến. Một trong các lý do là cuộc sống bất định của thời buổi chiến tranh. Ngày trước mỗi khi có cuốn sách mới của văn sĩ nổi danh vừa phát hành thường thường độc giả mua ngay, dù có thì giờ để đọc hay không cũng mua. Mua cất vào tủ sách gia đình cho đủ, để đọc dần. Sau 1945 nhiều biến cố liên tiếp xảy ra khiến thiên hạ rời nhà rời quê chạy tán loạn, nay lánh cư chỗ này mai lánh nạn nơi khác, tủ sách gia đình hao hụt dần, mười phần mất bảy còn ba, rồi mất hai còn một! Khắp Nam kỳ Lục tỉnh sau 45, nhất là sau 68, chẳng còn mấy ai giữ được tủ sách gia đình nữa. Đã không có tủ sách thì sách chỉ mua khi nào cần đọc mà thôi. Nghĩa là ít đi nhiều lắm.

Về các tai họa xảy đến cho sách vở trong thời loạn, có thể nghe qua một vài câu chuyện do ông Vương Hồng Sển kể:

"Một bữa trưa, tháng 2 năm 1946, để tránh nạn "dân thổ dậy", tôi và gia quyến đưa nhau đến gõ cửa xin tá túc dưới mái ngói một giáo đường mà cụ cố già trên tám mươi tuổi được đôi bên Miên Việt kính vì và đồng lòng chừa khu vực giáo đường không đốt phá. Trưa bữa ấy, tôi ngồi dưới gác chuông, chiếc nóp lá trên vai, mặt ngó ra sông, xảy thấy một Miên già gánh hai giỏ tre lớn đựng đầy sách vở chữ Hán, từ xa đi lại. Giỏ đi ngang mắt tôi, may thời tôi đọc được hai chữ "... Thi Tập" *trên một quyển sách ghép thành bộ có bìa bọc gấm đỏ và gồm bốn chữ mà tôi đã đốt hết hai! Tôi chạy theo cố nài mua cho được bộ sách ấy. Sau biết lại là bộ "*Vĩ dã thi tập *của Tuy Lý Vương" (2).*

"Đến năm đảo chánh 1945-1946, khi chạy vô làng Hòa Tú một đêm trăng bị binh Tây bố, bắn đạn hỏa châu đỏ trời, chúng tôi sợ quá bỏ nhà chạy vào rừng, cách mươi hôm sau trở về thì tủ sách bị lục phá tơi bời, nhiều sách in trên giấy mỏng, nhứt là loại xuất bản trên giấy bản xứ vào thời chiến tranh Nhật, đã bị các nông dân cứu quốc trong

xóm dùng làm giấy hút thuốc thay cho lá chun bầu, lá dừa nước non" (3).

Ngoài lý do an ninh, sách còn bị khổ vì lý do chính trị. Sau 1945 ở vùng cọng sản mà chứa sách Pháp hay sách "trong thành", ở trong thành mà chứa sách ngoài khu; sau 1954 ở vùng cọng sản mà chứa sách "quốc gia", ở vùng quốc gia mà chứa sách cọng sản, đều có thể gặp rắc rối. Sách đôi khi thành ra một món nguy hiểm, không tiện chứa chấp, tích trử.

Lại vẫn nhà chơi sách Vương Hồng Sển góp thêm với chúng ta một mẩu chuyện nữa: *"Một ông cưng sách như trứng mỏng, cắp nắp ôm đồm từ những quyển sách học trường lớn bên Pháp đến những tập hai ba xu Việt văn, Việt Minh bùng dậy, phá làng đốt xóm. Tủ sách ông ra tro. Từ ấy, tóc ông càng bạc thêm, ông chuyên về tu hành, nghiên cứu Phật giáo, những ai dở chuyện sách ra nói, mí mắt ông ướt hồi nào không hay". (4)*

Sách mà gần đây không bán được nhiều, cái ấy lại còn có một lý do khác tưởng cũng quan trọng. Sau 1960 tình hình miền Nam mỗi ngày mỗi khẩn trương, thanh niên bị động viên. Muốn được hoãn dịch để tiếp tục học vấn, họ phải lên lớp không ngừng, phải thi đậu liên tiếp. Vì vậy ai nấy lo chúi đầu vào sách giáo khoa, học trối chết, không mấy ai dám "phí" thì giờ vào các trò nghệ thuật văn chương.

Cùng trong khoảng thời gian ấy sách ở miền Bắc nêu lên số lượng ấn hành cao hơn ở miền Nam: thường thường mỗi nhan đề in đến hàng vạn cuốn.

Những con số ghi trên sách miền Bắc đúng được tới chừng nào? Liệu có nên liên tưởng đến những con số xác "địch" trên chiến trường, số phi cơ "địch" bị bắn rơi v.v... trong các bản thông cáo chiến sự của Hà Nội trước đây chăng? Ở Tây phương người ta vẫn không mấy khi dám tin vào con số thống kê từ các xứ cọng sản. Dù sao, trước khi có chứng liệu rõ ràng hãy cứ cho rằng sách ở miền Bắc phát hành nhiều hơn ở miền Nam.

Có chênh lệch chăng, sự chênh lệch Nam Bắc không do sở thích đọc sách của quần chúng, mà là do cách phổ biến sách, do chính sách phổ biến văn hóa mỗi nơi một khác. Ở Nam, viết và đọc sách báo là chuyện tự do của công dân; sách báo lắm khi gây khá nhiều khó khăn cho chính quyền, cho chế độ, bởi vậy chính quyền có vẻ không mấy sốt sắng phổ biến, cứ mặc cho nó... tự do. Ở Bắc, sách báo là phương tiện tuyên truyền chủ nghĩa, quảng cáo chế độ, xưng tụng chính quyền, mê hoặc dân chúng; dân càng đọc nhiều càng thấm nhuần công đức nhà nước, càng ngoan ngoãn, càng hồ hởi, vì thế nhà nước lúc nào cũng hăng say phổ biến sách báo. Sách nào in nhiều sách nào in ít, sách nào

phổ biến rộng sách nào phổ biến hẹp, chuyện ấy không do đòi hỏi của độc giả mà do sự cân nhắc "lợi hại" của nhà nước. Thơ "Bác" với thơ Tố Hữu số in cao hơn thơ Xuân Diệu, Nguyễn Bính, Hoàng Cầm, Hồ Dzếnh là tất nhiên. Cuốn *Chữ nôm* của Đào Duy Anh in 5.200 bản, cuốn *Tìm hiểu xã hội Việt Nam thời Lý Trần* in 6.400 bản, cuốn *Thơ văn Nguyễn Công Trứ* của Trương Chính in 10.000 bản, mà cuốn *Tây Dương Gia Tô bí lục* in 20.500 bản, lẽ nào vì quần chúng ham đọc bí lục hơn xem thơ Nguyễn Công Trứ hay tìm hiểu chữ nôm! Ở Bắc nhà nước tha hồ đưa sách xuống tận xã thôn: hễ công văn đi tới đâu thì sách báo đi tới đó. Trái lại trong Nam sách báo chỉ xuống đến tỉnh lỵ là cùng đường. Họa hoằn mới gặp một đôi quận lỵ có tiệm sách bày bán dăm ba thứ kiếm hiệp nhảm nhí. Thiện chí của các tổ chức phát hành tư nhân biểu lộ đến chừng ấy là quá mức rồi: xuống quá tỉnh lỵ nhu cầu không có mấy, lợi lộc chẳng bao nhiêu, mà tình hình an ninh có lúc không tốt đẹp, bảo họ phiêu lưu làm chi? Chính quyền không thiết, tư nhân không ham, chuyện đưa sách báo đến dân quê gặp bế tắc. Trước tình trạng ấy trong các phiên họp Hội đồng Văn Hóa Giáo Dục (nhiệm kỳ 70-74) chúng tôi nhiều lần đề nghị thành lập tủ sách xã thôn, bằng cách khuyến khích các xã dành một khoản trong ngân sách hàng năm để mua sách báo cho dân chúng địa phương mượn đọc. Nhưng tình hình đất nước lúc bấy giờ đã quá rối ren, chính quyền bận đối phó với nhiều vấn đề khẩn bách nên chuyện văn hóa bị bỏ qua.

Ấy miền Nam với miền Bắc sự tình khác nhau như thế, cho nên khó có sự so sánh đứng đắn.

Chúng ta đã đem số lượng độc giả miền Nam thời 54-75 đối chiếu với thời tiền chiến, rồi đối chiếu với miền Bắc. Đối chiếu tình hình thời chiến tranh với thời thanh bình, đối chiếu tình hình dưới chế độ tự do với chế độ độc tài, không phải để rút ra những kết luận dễ dãi. Chẳng qua chỉ thấy nếu không có sự can thiệp của chính quyền, đồng bào ta đọc chưa lấy gì làm nhiều.

Nếu lại đem ra so sánh với số lượng ở lắm nước ngoài, vẫn thấy có sự thua sút đáng buồn. Chẳng hạn ở những nước Tây phương như Anh, Pháp v.v..., ở nhiều nước Đông phương như Đại Hàn, Đài Loan, Nhật Bản v.v... tỉ số độc giả so với dân số cao hơn ở ta rõ rệt. Ở ta một tờ nhật báo có uy tín như tờ *Chính Luận* phát hành mỗi ngày không quá 20 nghìn số, trong khi Đại Hàn (dân số chừng 30 triệu trước 1975). Các tờ *Chosun Ilbo và Dong A Ilbo* mỗi ngày in ngót một triệu số. Tạp chí và sách ở Đại Hàn, Đài Loan đều được ấn hành nhiều hơn ở ta, vượt ta rất xa. Ở đó có tự do, ở đó người ta đọc là vì thích đọc, không có chuyện nhà cầm quyền dúi sách báo vào tay dân chúng để giáo dục lòng yêu đảng, yêu chủ nghĩa v.v...

Dĩ nhiên Việt Nam là nước văn hiến, nhưng cái văn hiến ấy nó phát huy có phần éo le: kẻ viết càng ngày càng đông mà người đọc cứ thưa thớt mãi, thế có khổ không ?

2

Nghĩ ngợi loanh quanh về cái tính ít đọc của đồng bào ta, tôi đoán chừng nguyên nhân của nó không phải chỉ ở gần đây, như chuyện ngoại thuộc với chế độ ngu dân, như tình hình chiến tranh v.v... Có lẽ có những lý do xa hơn.

Chẳng hạn sự xuất hiện muộn màng của văn tự dân tộc. Không hiểu sao mãi cho tới khi tiếp xúc với Tây Phương chúng ta không chịu đặt ra một thứ văn tự riêng, ta xài tạm chữ Hán, chế biến qua quít, vừa xài vừa coi rẻ thứ chữ chế biến ấy. Cái gì mà muốn viết được đọc được tiếng ta lại phải biết qua chữ nước người mới xong. Mà chữ Hán đâu phải dễ học! Thành thử trong suốt quá trình lịch sử dài dằng dặc tối đại đa số đồng bào ta chẳng hề đọc cái gì bao giờ. Những gì họ biết là biết qua tai nghe. Chuyện đọc chữ là chuyện của một số người hiếm hoi trong xã hội. Riết rồi thành thói quen. Đến khi ta có chữ, có sách, ta vẫn chưa kịp tập được thói quen xem sách. Làng trên xóm dưới, khắp khóm phường khu phố, đâu là một gia đình có sắm tủ sách? Cái kỷ niệm về sách vở đậm đà nhất trong một đời người, cho đến khi đã luống tuổi, đối với một số đông vẫn là mấy bài quen thuộc trong cuốn *Quốc văn giáo khoa thư.*

Không viết không đọc được bằng ngôn ngữ dân tộc, quần chúng khó lòng thưởng thức văn chương xứ người, khó lòng vui buồn với thơ phú Trung Hoa, quần chúng chỉ sống với nền văn chương truyền khẩu. Cho nên văn chương truyền khẩu đóng một vai trò hết sức quan trọng trong lịch sử văn học nước ta. Nó rất phong phú, nó lại có sức sống mạnh: lệ thường khi văn học ký tải xuất hiện thì văn học truyền khẩu tàn lụi, nhưng ở ta nó không chịu tàn lụi, nó cứ sống, tiếp tục sống, sinh sôi phát triển cho đến những thời gần đây nhất, cho đến tận ngày nay; nó cứ tồn tại hoài, song song với nền văn học ký tải hiện đại. Ngay bây giờ, bất cứ ở nơi nào trên đất nước Việt Nam, từ Bắc chí Nam, người ta đều có thể nhặt được những câu chuyện, những câu hát câu ca châm chọc nhà cầm quyền liên quan đến những thời sự mới toanh.

Văn chương truyền khẩu sở trường về vận văn. Có vần có điệu mới dễ nhớ, dễ truyền. Phải chăng vì vậy mà có cái địa vị ưu tiên đặc biệt cho thi ca trong nền văn học quốc âm của ta xưa nay? Mặc dù phát triển trong vòng ảnh hưởng văn hóa Trung Hoa hàng ngàn năm, văn học ta vẫn giữ những nét đặc thù căn bản khác biệt với văn học

Trung Hoa; cái đặc thù ấy liên hệ đến thi ca: truyện Tàu không hề bắt nguồn từ thơ, trong khi truyện và thơ của ta cứ dính liền nhau cho đến tận đầu thế kỷ này! Trên thế giới có được mấy nơi mà văn loại tiểu thuyết cứ bám chặt lấy thi ca không chịu rời ra như thế? Thật vậy tác phẩm nổi tiếng nhất của dân tộc, *Truyện Kiều*, là một truyện bằng thơ, ra đời giữa bao nhiêu truyện thơ khác; thế rồi mãi cho tới gần đây, khi chúng ta đã có những tiểu thuyết gia du học từ Âu Châu về, khi trên lãnh vực tiểu thuyết trong nước đã có những xôn xao bàn luận về trường phái lãng mạn, tả chân, về xu hướng tâm lý, xã hội v.v..., tức những món rất "hiện đại" của Tây phương, thì trong dân gian người ta vẫn cứ còn "nói" vè *Thông Tầm*, "nói" thơ *Sáu Trọng*, thơ *Thầy Thông Chánh*, thơ *Cậu Hai Miên* v.v... như thời trung cổ. "Nói" và nghe vẫn còn thích hợp hơn là viết và đọc.

Ngâm nga mãi, chúng ta có hẳn cái khiếu về thi ca. Thơ bàng bạc khắp cuộc sống: buồn làm thơ, vui cũng làm thơ, sinh đẻ có thơ mừng, chết chóc có thơ khóc, thưởng cảnh đẹp có thơ, gặp hoạn nạn cũng có thơ..., và mọi người ai nấy đều như làm thơ được cả. Cả dân tộc như thở ra thơ. Gần đây báo chí nói đến một người Gia-Nã-Đại đi nghiên cứu về thái độ chết của con người khắp nơi đến Việt Nam bỗng ngạc nhiên về một tử tội ê a hát xướng gì đó trong đêm trước buổi thọ hình: hỏi ra thì người ấy ngâm thơ. Đã lấy gì làm quái dị? Đêm trước hãy còn xa cái chết chán; trong lịch sử có nhiều người Việt Nam ra đến pháp trường hãy còn ngâm thơ. Người Việt Nam ngâm thơ vào cái lúc thiên hạ đọc kinh cầu nguyện Thượng Đế. Khắp Âu Mỹ, nhật trình mỗi ngày tuông ra từng đống chẳng hề có bài thơ nào, trên nhật trình Tàu, Nhật ở Á Đông cũng không thấy thơ, nhưng ở ta thì có: có một mảnh giấy in ra là có thơ trên đó rồi. Bởi thơ được trau luyện như thế, cho nên ở ta nó vượt bỏ tản văn rất xa. Cùng một thời với nhau mà thơ *Kiều* đã đạt tới tuyệt đỉnh tinh vi, mà văn xuôi trong các lá thư của vua Gia Long, vua Quang Trung còn thô sơ biết chừng nào. Thậm chí, đến thời Trương Vĩnh Ký, thời *Đông Dương Tạp Chí* tản văn Việt Nam vẫn hãy còn xa cái trình độ có thể dùng được vào một công trình nghệ thuật.

Tóm lại, vì nhiều nguyên nhân, người Việt Nam tuy có yêu văn chương, có khiếu thi ca nhưng ít đọc sách, mà thời buổi chinh chiến lại càng thêm trở ngại cho việc phổ biến, lưu trữ sách báo, vì vậy số lượng độc giả ở Miền Nam sau 54 không gia tăng mấy. Sự kiện ấy có lẽ cũng có ảnh hưởng đến sự phát triển của văn học, không chừng đến giá trị của một số tác phẩm bấy giờ cũng nên! Nếu đồng bào ta cũng đọc nhiều như người Nhật người Anh chẳng hạn, nếu mỗi tác phẩm đem lại cho người viết món tác quyền lớn hơn thì những tác giả đã

thành danh như Bình Nguyên Lộc, Thụy Vũ v.v... đâu đến nỗi phải chạy đôn chạy đáo kiếm đôi ba công việc, phải dành cái phần thì giờ "ngon lành" nhất trong ngày cho việc làm báo mưu sinh, phải viết văn bằng tay trái? Có nhiều thì giờ hơn dành cho nghệ thuật, chắc chắn họ viết kỹ hơn, và có nhiều hi vọng hay hơn.

Nghe một tác giả nào đó đổ tội viết kém hay cho độc giả lười đọc, ai nấy tha hồ cười cợt mỉa mai. Mặc kệ, tôi vẫn cứ ngờ rằng giá mỗi ngày có thể ngồi nhẩn nha viết tới viết lui, chữa đi chữa lại đôi ba trang sách thì kết quả vẫn có cơ tốt hơn là phải còng lưng viết ào ào mười cái phơi-dơ-tông để kiếm sống. □

Võ Phiến

(Trích *Hai Mươi Năm Văn Học Miền Nam*

This research was assited by a grant from the Joint Commitee on Southeast Asia of the Social Science Research Council and the American Council of Learned Societies with funds provided by the Ford Foundation, the National Endowment for the Humanities and the Henry Luce Foundation).

---

(1) Khai Trí xuất bản, Sàigòn, năm 1970, trang 508.
(2, 3, 4) Vương Hồng Sển, Thú chơi sách, *Tự Do xuất bản, Sàigòn, 1961 - các trang 53, 54, 92 và 112.*

ESSENTIAL
ENGLISH - VIETNAMESE
DICTIONARY [từ-điển anh-việt]

Cuốn từ-điển Anh-Việt cơ-sở
do Giáo-sư Nguyễn Đình-Hoà biên-soạn

Bản bìa mềm, cỡ bỏ túi — US$ 7.50
in ở Mỹ năm 1980 — thêm cước-phí 80¢

Bản bìa cứng, khổ 6X9 inches — US$ 22.50
in ở Nhật-Bản năm 1982 — thêm cước-phí $1.50

Xin gửi chi-phiếu hay
ngân-phiếu mua sách cho:

A S I A B O O K S
P.O. Box 873
CARBONDALE, IL 62901
U.S.A.

Đoàn Thêm

Vầng trăng xứ lạnh

Nửa giấc, qua mành, lộng ánh trăng
Đêm khuya gió lạnh, đất đầy băng
Cây đương ôm bóng, người đương mộng
Mây hợp mây tan vẫn một vầng

Trăng của ngàn xưa mọc lỗi thời
Mơ màng đã trốn tuổi hai mươi
Câu thơ trăng nước nằm trong sách
Ai gọi trăng thanh để khóc cười

Trăng ở phương xa lạc cõi này
Cuộc đời theo nhịp bánh xe quay
Mải tìm no ấm vùng sương tuyết
Ai thiết nhìn trăng lúc tỉnh say

Nơi đây không phải bến Tầm Dương
Trăng muốn lên cao cũng thiếu đường
Chịu khuất sau trăm tầng cốt sắt
Hãy đi tìm lại một sông Hương...

Cung Tiến

Chất liệu và kỹ thuật tạo thanh mới (2)

3

Kỳ trước, ở cuối Phần II loạt bài này về âm nhạc Tây phương hiện đại, tôi có nêu một số nguyên nhân đưa đến sự xụp đổ những nền tảng của nhạc cổ truyền Âu Châu thuộc quĩ đạo Áo-Đức, kéo xuống theo luôn ngai vàng của chủ nghĩa Lãng mạn; đó là: sự xuất hiện của những phong trào nhạc "dân tộc chủ nghĩa" ở Đông Âu, nhất là Nga; tình trạng kiệt sức của phương thức hòa âm bán cung *(Chromatic harmony)* nói riêng và của nhạc có chủ âm nói chung; cùng sự thay đổi trong mỹ quan của những nhà soạn nhạc, chuyển từ trục trầm ngâm triết lý Bắc Âu tới trục khoái lạc giác quan Địa-trung-hải, với những khai phá đầu tiên của Claude Debussy và trường phái Ấn tượng (Impressionism) ở Pháp.

Tôi nói "tình trạng kiệt sức của hòa âm bán cung", bởi lẽ sau Wagner — người đã đẩy nó tới ranh giới của chủ âm tính — phương thức tạo thanh ấy đối với giới soạn nhạc Âu châu dường như không còn sức quyến rũ nữa, không còn khả năng sáng tạo nữa. Tuy vậy, trước thềm Đệ I thế chiến, có một số nhà soạn nhạc thuộc thế hệ "Lãng mạn muộn" dường như có ý muốn kéo dài triều đại Lãng mạn Đức và muốn khôi phục chủ âm, như Mahler (1860-1911), Richard Strauss (1864-1949), với những hòa tấu khúc thật đồ sộ (9), những "bài thơ âm thanh" *(tone poems)* thật lộng lẫy, những vở nhạc kịch thật nguy nga. Nhạc phẩm của họ mặc dù còn đẹp, và đến nay quần chúng vẫn còn ngây ngất khi nghe, nhưng đó là cái đẹp não nùng của xế chiều, của tàn-thế-kỷ: nhạc của họ, cũng như của Chaikópxki trước kia (1840-93), của Elgar sau này (1857-1934), của Sibelius, v.v... nghe như những nuối tiếc, những bóng hình và tiếng vang của một thời vàng son đã mất, như những vẫy tay chào tạ từ lần cuối, vĩnh biệt

cái thế giới Lãng mạn đã tàn tạ đó.

Riêng tôi không thấy khúc nhạc nào bộc lộ được những nuối tiếc ấy, gợi lại được những vang bóng ấy, bằng khúc *valse viennoise* nổi tiếng, trong vở *Hồng hoa Hiệp sĩ* của R. Strauss (Thí dụ 7), mà tác giả đặc biệt dặn dò ban đàn dây phải chơi lướt *(glissando)* những nốt dướn lên từ phách chót mỗi nhịp, cho thật réo rắt, thật "ngọt ngào kiểu Vienne".

Và đoạn nhạc nào cho thấy cảm tưởng dùng dằng, quyến luyến bằng đoạn kết thúc liên ca khúc *Khúc hát của trần gian* của Mahler (thí dụ 8) phỏ sáu bài cổ thi Trung quốc, soạn cho giọng nam cao, nữ trầm, và dàn nhạc, trong khúc hát chót có tên, thật hợp tình cảnh, là "Tống biệt" đó? Có bài thơ nổi tiếng của Vương Duy (699-759):

Hạ mã ẩm quân tửu
Vấn quân : " Hà sở chi ?"
Quân ngôn : " Bất đắc ý,
Quy ngoạ Nam sơn thùy."
Đãn khứ, mạc phục vấn,
Bạch vân vô tận thì.

đượm nỗi ngậm ngùi của hoàng hôn, nhật mộ cảnh bạn tiễn chân khách, người khách lãng du mệt mỏi mong được hồi hương, giữa lúc trần gian đang hồi sinh với mùa xuân rộn rã, và chân trời xa thì rực rỡ sáng xanh, mãi mãi..., mãi mãi... *(Ewig... ewig...)*. Nốt *la* (gọi là "nốt 6 thêm") của hợp âm *Do* chấm dứt tập nhạc nghe lưu luyến như hương thời gian. (thí dụ 7, 8).

Thí dụ 7: R. Strauss,
Hồng hoa Hiệp sĩ, Op. 59 (1911)
(Hồi II)

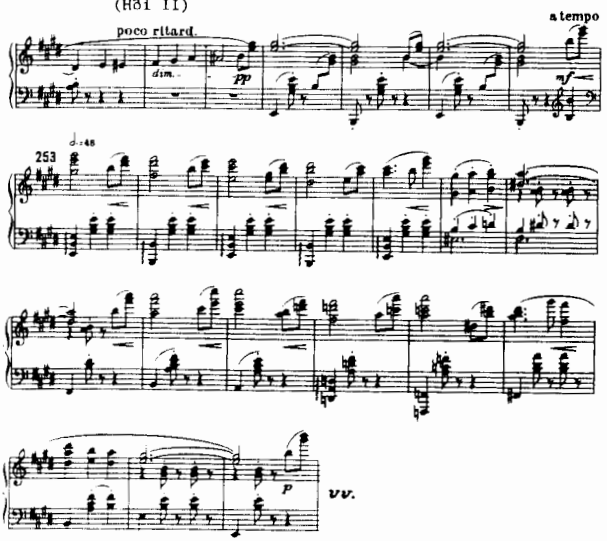

Thí dụ 8: G. Mahler, *Khúc hát của trần gian* (1908)
("Tống biệt", những nhịp chót)

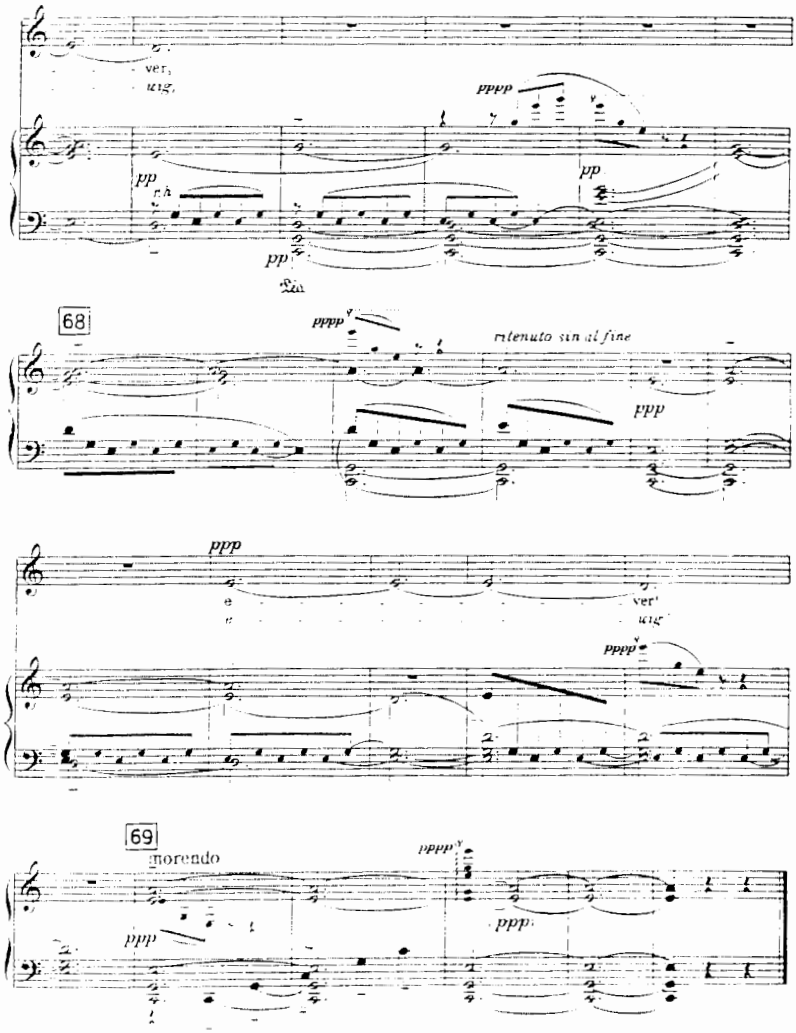

Thế nhưng xét về kỹ thuật tạo thanh, thì sau khi nghe hai thí dụ trên, ta mới hiểu được tại sao họ đã được gọi là "nhạc sĩ cuối cùng của âm giai nguyên" (10) !

Nhưng có lẽ nguyên nhân chính, động cơ chủ yếu, đã khiến giới tạo thanh hiện đại Tây phương đi tìm kiếm những chất liệu và kỹ thuật mới, là ý muốn đi tìm một tiếng nói mới để phát biểu được cái "tinh thần của thời đại" mà tôi đã nói trong Phần mở đầu loạt bài này, bởi chất liệu cũ đã không còn đủ khả năng, và phương thức sáng tạo cũ đã không còn thích hợp nữa. Tiếng nói mới ấy, ngôn ngữ âm nhạc mới ấy, đã được nghe thấy, từ trên ba phần tư thế kỷ nay, qua tất cả những thành tố (nay gọi là "thông số", *parameters)* tạo nên âm nhạc (nay gọi là tập hợp những "biến cố âm thanh" / "âm học", *sonic/acoustical events)*: hiện tượng và cao độ âm thanh, giai điệu, nhịp tiết, hòa âm, âm sắc, nhạc thể, v.v...

Trong các phần sau đây của loạt bài, ta sẽ lần lượt đi sâu hơn vào những nguyên liệu tạo thanh đó, để thử tìm xem tại sao nhạc hôm nay nghe "lạ tai", hầu như khác hẳn với nhạc hôm qua, và tại sao người ta thường dùng những từ ngữ như "giải phóng", "cách mạng", mỗi khi phân tích chúng trong nhạc phẩm hiện đại.

Giải phóng tiếng động.

Không như các thế hệ trước phần lớn đã chỉ đón nhận âm thanh (giọng hát, tiếng đàn) như những dữ kiện có sẵn để sáng tạo mà không thắc mắc đặt câu hỏi, giới tạo thanh thế kỷ này có lẽ là lớp người đầu tiên ý thức được, và phân tích thấu đáo, bản chất và bản sắc của âm thanh, để khám phá được nhiều chất liệu mới, đặc biệt là "tiếng động" *(noise; bruit; Gerausch)*, phân biệt với "tiếng nhạc" *(sound; son; tone)*, và hội nhập chúng vào dòng âm nhạc chính nguồn.

Tiếng động, xưa nay trong các nền văn minh vẫn thường được xếp hạng thấp kém trên thang giá trị âm nhạc, cho nên vẫn thường được định nghĩa theo hướng tâm lý / chủ quan ấy, chẳng hạn là "âm hay hỗn hợp âm không có đặc tính đáng kể, do đó không có ý nghĩa đáng kể đối với người nghe" (11), hoặc "bất cứ âm hay nhiều âm nào phát ra lớn, nghe chói tai, hoặc làm khó chịu" (12).

Thế nào mới là "đáng kể"? Thế nào mới không "chói tai"? Thử hỏi những tiếng hỏa tiễn đội, tiếng trái phá xé tim người, có "đặc tính đáng kể" không? Tiếng la rú hay thở dài trong ngục tối hay phòng tra tấn của cộng sản, phát-xít, *apartheid*, có "đáng kể đối với người nghe" không? Và tại sao "chói tai", "khó chịu" lại không được kể là nhạc.

Thực ra, ngày nay ta đã biết từ âm học rằng sự khác biệt giữa tiếng nhạc và tiếng động chỉ là tương đối, khác biệt về *mức độ* hơn là

về *bản chất*. Trong bản chất, cả tiếng nhạc (của nhạc cụ, giọng người, giọng chim hót như họa mi, sơn ca...) và tiếng động (của thác đổ, gió cuốn, mưa rơi, lá rụng, xe hơi chạy, quạ kêu...) đều thuộc loại "âm phức hợp" có nhiều tần số, được phân biệt với "âm thuần túy" có một tần số duy nhất với chuyển động sóng sin (mà chỉ có âm thoa hay máy dao động âm thanh mới tạo ra được). Thế nhưng về mức độ, thì tiếng nhạc có ít tần số hơn (và do đó ít cấu trúc họa âm đi kèm hơn) là tiếng động, vì thế có độ rung tương đối đều đặn hơn, có chu kỳ hơn, để cho một cao độ âm thanh tương đối nhất định, có thể nghe nhận ra được là "nốt" gì, thuộc nhạc cụ nào, chim loài gì, v.v...

Và nếu như phụ âm (chính là "tiếng động" so với nguyên âm) đóng một vai trò thiết yếu trong hệ thống tạo nghĩa của loài người là ngôn ngữ (vì không có phụ âm thì sẽ không có được sự truyền đạt như ta thấy ngày nay, bởi không một ngôn ngữ nào chỉ dùng nguyên âm mà thôi), thì ở một chừng mực nhất định nào đó tiếng động cũng có một vai trò thiết yếu tương tự trong hệ thống tạo thanh / truyền cảm là âm nhạc vậy. Vì lẽ đó, tiếng động phải được dành cho một địa vị xứng đáng trong công trình sản xuất biến cố âm học, và phải được giải phóng khỏi những định kiến chủ quan, phân ngôi thứ trong âm nhạc.

Nhận thức được như thế rồi, giới tạo thanh của thế kỷ 20 đã đưa vào tác phẩm của họ đủ loại tiếng động (13). Trong lĩnh vực nhạc để hát, kể từ Schoenberg (coi kỳ trước), người ta đã dùng các tiếng nói trơn, hay tiếng nói / hát, cho cả đơn ca lẫn hợp xướng, với phương thức khác hẳn với thể kịch mê-lô ngày xưa (chỉ đọc hay nói tự do giống như lối nói trong hát bội của ta, không nhịp, không phối hợp với nhạc đệm): ngày nay nó được ký âm rõ ràng, với thời khoảng chặt chẽ, nhịp tiết nhất định, như Stravinsky đã làm trong *Lịch sử người lính* (1918); A. Berg (1885-1935) trong hai vở nhạc kịch *Wozzeck* (1921) và *Lulu* (1935); P. Boulez (sinh 1925) trong kiệt tác *Búa không chủ* (1953); Ligeti (sinh 1923) trong *Những phiêu lưu mới* (1965); và Penderecki (sinh 1933) trong *Khổ hình ca theo thánh Luke* (1965). Giây thanh đới ngày nay còn được dùng như một nhạc cụ (gọi là "kèn dây") với đủ âm sắc để tạo những âm thanh đặc biệt (14) như: la, hú, hét, rú, huýt sáo, thở/hít, thở hổn hển, nói thầm, ngậm miệng, thở dài, cười, khóc, hôn kêu, tặc lưỡi, bập môi, v.v... (thí dụ 9).

Thí dụ 9: K. Penderecki,
Khổ hình ca theo Thánh Luke (1965)

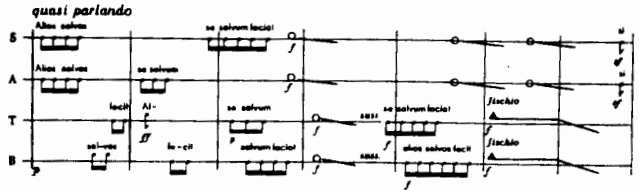

(Các ký hiệu: hình tam giác trỏ những nốt cao nhất có thể hát được; hình tròn, cười chế nhạo; các đường thẳng trỏ độ cao tương đối so với đường nằm ngang, nhưng tất cả đều không có cao độ nhất định).

Trong lĩnh vực nhạc để tấu, cuộc giải phóng tiếng động đã được tiến hành bằng nhiều cách. Ngoài sự tận dụng và nới rộng khả năng của các nhạc cụ qua những "ngón chơi" đặc biệt, đã được phổ biến từ thời Cổ điển / Lãng mạn, như chặn tiếng *(muting)*, lướt tiếng *(Glissando)*, tạo những họa âm *(harmonics)*, v.v..., giới tạo thanh hôm nay còn biến những nhạc cụ có cao độ âm thanh nhất định (như kèn gỗ, kèn đồng, đàn dây, *harpe*, pianô...) thành những nhạc cụ gõ và chà-xát để tạo tiếng động cùng với, hay thay vì, tiếng nhạc. Chẳng hạn (15) khi chơi sáo hay kèn, nhạc công có thể được chỉ dẫn là vừa thổi vừa đánh lưỡi mạnh vào miệng kèn hay lưỡi gà để tạo thành những "âm vòm mềm" *(velar sounds)*, hoặc gõ ngón tay vào ống kèn, vào nút bấm hay cần bấm để tạo những tiếng lách cách cho nghe cùng với tiếng nhạc thổi. Nhạc cụ thổi cũng còn được sử dụng để tạo ra tiếng hơi thở, hay tiếng gió xoáy, tiếng hôn chùn chụt (như trong *Tây Nguyên* của Nguyễn Thiện Đạo), độc lập với tiếng nhạc.

Với đàn dây, nhất là nhóm vĩ cầm, rất nhiều kỹ thuật đặc biệt đã được "chế ra" để tạo tiếng động: dùng nguyên bàn tay, hay phần gỗ của mã vĩ, đập nhẹ lên giây đàn, lên ngựa đàn, lên chốt mắc dây đàn; gõ lên một chỗ nào của thân đàn (bụng, lưng, sườn...) bằng đốt hay móng tay (thí dụ 10).

Thí dụ 10: T. Baird,
Espressioni varianti (1961)

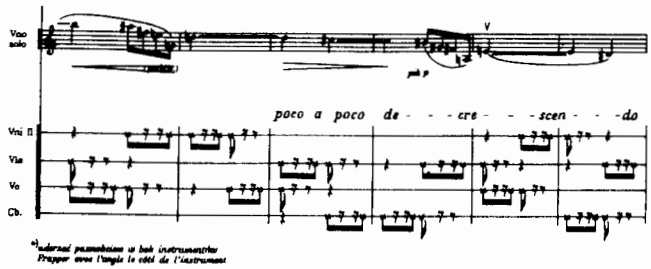

*) Chú thích của tác giả: Gõ sườn đàn bằng móng tay.

Riêng pianô, trong thế kỷ này, đã là một nhạc cụ được khai thác nhiều nhất về khả năng tạo tiếng động cũng như về toàn bộ *sonorités* của nó. Ngoài cách chơi lướt phím (bằng đầu ngón tay, móng tay, bàn tay, khủyu tay), người ta còn búng dây *bên trong* đàn với nhiều cách (dùng ngón/ bàn/ nắm tay, dùi trống, bàn chải tóc, bàn chải răng, thìa, dao...), hoặc gõ, đập, vuốt ve lên tất cả những bộ phận bên ngoài và bên trong đàn. Âm sắc của pianô còn được biến đổi bằng cách đặt những vật như đinh, bù-loong, cao su, vải, v.v...) trên hoặc giữa các dây đàn, theo một phương thức gọi là "pianô có sửa soạn" *(prepared piano)* mà nhà soạn nhạc Mỹ John Cage (sinh 1912) là người đầu tiên áp dụng. Và có lẽ tác dụng gây nhiều chú ý nhất, vừa cho tai lẫn cho mắt người nghe, là đóng sầm nắp đậy phím xuống, như Cage đã làm trong *Nhạc Dịch IV (Music of Changes)*, để gọi thức dậy hàng triệu họa âm đang nằm ngủ trong đàn.

Và, đương nhiên, tạo nhiều loại tiếng động nhất, bằng nhiều kỹ thuật nhất, vẫn là ban nhạc cụ gõ, mỗi năm mỗi nhiều hơn về số lượng, với nhiều xuất xứ ngoài Âu Châu, đến từ nhiều chân trời và nhiều nền văn hóa "xa lạ", *"exotic"*, và mỗi năm mỗi nhiều hơn về số nhạc công. Thí dụ đến nay với trí nhớ phải kể là *Ion hóa (Ionisation)* của E. Varèse (1883-1965) soạn năm 1931 hoàn toàn cho nhạc cụ gõ và chà-xát, gồm 35 thứ khác nhau, với 13 nhạc công: đó là nhạc phẩm

đầu tiên của Tây phương khai thác triệt để khả năng tạo thanh của những nhạc cụ không cao độ nhất định, để "nhạc hóa" "nhân tính hóa" tiếng động (16), và để trả lại cho chúng quyền tự trị và độc lập trong dàn nhạc giao hưởng, biến chúng thành một dàn nhạc nhỏ trong dàn nhạc lớn ấy, và biến mỗi nhạc công trở thành một nhạc sĩ độc tấu, thay vì chỉ "phụ họa" như trong dàn nhạc thời cổ điển.

Tiếng hót của loài chim, "những tràng líu lo và láy rền của bầy tôi bé nhỏ thờ phụng niềm vui vô hình" mà Messiaen nói đó (17), cũng đã là nguyên liệu cho âm nhạc thế kỷ này, phức tạp và đa dạng, đa lượng hơn tiếng "cú-cu" duy nhất được mang vào nhạc thời barôc hay Cổ điển. Chính Messiaen (sinh 1908), người cho rằng loài chim có được những giai điệu "vượt trội hẳn trí tưởng tượng phóng túng nhất của loài người" (17), và "có lẽ là những nhạc sĩ lớn nhất nương náu ở hành tinh này" (18), đã ký âm được tiếng hót của hàng trăm loài chim trên thế giới, ở Pháp, Thụy Điển, Bắc Mỹ, Nhật, và đã chế biến, pha trộn những nguyên liệu ấy, giống như nhà nghệ sĩ tạo hình pha chế màu sắc, thành giai điệu, nhịp tiết, hòa âm, và âm sắc cho các nhạc phẩm của mình, như trong *Tứ tấu khúc cho tận cùng thời gian* (1941), *Chim thức giấc* (1953), *Chim miền lạ* (1956), *Thời sắc (Chronochromie,* 1960), và nhất là trong *Bảng liệt kê những loài chim (1958),* tác phẩm lớn nhất cho pianô của ông. Tác phẩm này, ngoài những mô tả bằng nhạc những đặc tính tiếng hót (ngắn, dài, đồng âm, giai điệu, liên tục hay đứt quãng, v.v...) của gần 100 loài khác nhau (từ chim cú, gà lôi, đến quạ, diều hâu, đến sáo, chích chòe, chim hét, sơn ca, họa mi, v.v...), còn gợi hình và gợi thanh những cảnh trí thiên nhiên, môi trường của từng loài chim, như núi, sông, biển, mỏm đá, lúc rạng đông cũng như buổi sáng hoàng hôn. Thí dụ 11 sau đây cho thấy một "môtíph" của sơn ca mà Messiaen gọi là môtíph "tiếng trăng" *("son lunaire").*

Thí dụ 11: O. Messiaen,

Bảng liệt kê những loài chim (1956-58)
(Khúc 9, "La Bouscarle", Sơn ca)

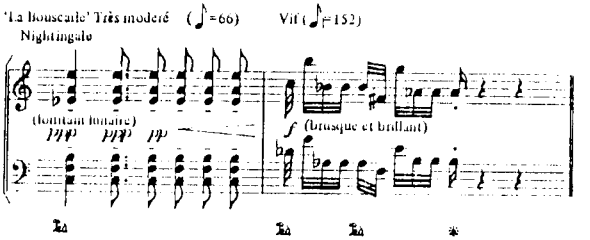

Và, sau hết, từ những vận động giải phóng nhạc cụ gõ, và thâu thập tiếng chim kêu, sóng vỗ, mưa rơi, lá đổ, gió thì thầm (hãy nghe Debussy), tới phong trào giải phóng tiếng động của bất cứ "vật tạo âm" *(objet sonore)* nào, và biến nó thành "vật tạo nhạc" *(objet musical)*, đã chỉ là một diễn tiến lôgic: đó là sự hình thành của trường phái "nhạc cụ thể" *(musique concrète)*, được khởi hứng từ những quan niệm giáo đầu của trường "Tương lai chủ nghĩa" *(Futurismo)* ở Ý hồi đầu thế kỷ, với Marinetti (1876-1944) nhà văn, và Russolo (1885-1947), họa sĩ và tác giả cuốn *Nghệ thuật của tiếng động* (1913). Trong cuốn này, Russolo chủ trương dùng đủ loại tiếng động làm chất liệu cho âm nhạc, và đã phát minh những "nhạc cụ" đặc biệt (như tạo tiếng nổ, tiếng sấm, tiếng huýt/hụ, v.v...) Dẫn đầu trường "nhạc cụ thể" ở Pháp là P. Schaeffer (sinh 1910), kỹ sư/ nhà soạn nhạc, với tác phẩm đầu tiên (1948) dùng tiếng động không do một nhạc cụ tạo ra, mà dùng những tiếng máy (như tiếng xe lửa chạy trên đường rầy, được thu vào băng từ tính) bằng kỹ thuật *collage* của nghệ thuật tạo hình. Nhạc cụ thể cũng tượng trưng cho những bước khai phá đầu tiên cho các loại nhạc "for tape" và nhạc điện tử tương lai (sẽ nói sau), cũng như "nhạc cơ ngẫu" *(chance music)*, và đã quyến rũ được những nhà soạn nhạc "trừu tượng" sau này như Messiaen và các môn sinh của ông như Boulez, Barraqué (1928-73), và Philippot (sinh 1925).

Tóm lại, khi giành lại được quyền tự trị cho tiếng động, đưa nó lên ngang hàng với tiếng nhạc cổ truyền trong chức năng truyền cảm tuyệt vời của nó, nhạc cụ thể đã "xóa bỏ mọi ranh giới nhân tạo chia rẽ âm nhạc với chính nó": "Với nghệ thuật tạo thanh mới này, tất cả mọi loại âm nhạc — của người, của thiên nhiên, của máy - đã gặp nhau và hòa giải, truyền đạt cho nhau và cảm thông nhau" (G. Brelet, Sđd, tr. 1207).

Khối âm — Vi quãng — Âm giai "mới".

Một số nguyên liệu âm thanh mới khác được dùng trong âm nhạc Tây phương hiện đại là khối âm *(sound-mass)*, vi quãng *(micro-intervals)*, và những âm giai khác với âm giai trưởng/ thứ.

Khối âm, còn gọi là cụm âm *(tone-clusters)*, nằm ở biên giới giữa tiếng nhạc và tiếng động, là những nhóm gồm mười nốt hay nhiều hơn, nằm sát cạnh nhau, được tấu lên cùng một lúc để tạo thành những âm hưởng dọc *(Vertical sonorities)*. Chúng là những cột "hợp âm" lập thành bởi những quãng nhỏ nhất của một âm giai (quãng hai trưởng/thứ), và các nốt cá biệt của hợp âm thì không có chức năng riêng biệt nào khác hơn là góp tiếng vào khối âm tập thể đó để tất cả mang cho cột âm dọc đó một thực thể riêng (tuy nhiên khi các khối âm di chuyển, thì những nốt trên cùng và dưới cùng được nghe rõ hơn).

Sau những bước khai phá cũng lại của Debussy với những chùm ba nốt nhạc trong khúc "Nữ thủy thần", thuộc tập 2 của *Préludes cho pianô* (1910-1913), Stravinsky có thể được coi là người thứ nhất mang khối âm vào dàn nhạc, thí dụ như "vũ khúc thanh nữ" trong *Lễ xuân* (thí dụ 12). H. Cowell (1897-1965), nhà soạn nhạc Mỹ, dùng chúng lần đầu tiên trong pianô, như *Mặt trời anh hùng* (1922) với cách ký âm riêng của ông (coi thí dụ 13); rồi Bartók, trong "Giai điệu trong sương mù" (thí dụ 14), là tên thật đúng cho bài tập pianô thứ 107 của *Thế giới vi mô* (1926). Từ đó trở đi khối âm đã trở thành chất liệu thông dụng và phổ biến trong nhạc hiện tại: chẳng hạn trong *chuyển hóa (Metastasis)* của Xenakis (sinh 1922) viết năm 1955, 61 nhạc công chơi 61 "bè" hoàn toàn độc lập nhau; Penderecki trong *Điếu ca cho nạn nhân Hiroshima* (1960) đã tạo những khối âm lập thành bởi 52 đàn dây chơi 52 nốt cách nhau 1/2 cung (thí dụ 15) với những ngón chơi đặc biệt như rung thật nhanh (ký hiệu đường sóng mỏng trong thí dụ vừa nói), hoặc rung với sai biệt cao độ 1/4 cung (ký hiệu đường sóng dầy), tất cả cho người nghe một ấn tượng kinh hoàng giống như nhạc điện tử sau này. Cùng với không biết bao nhiêu họa âm vang dội, cộng hưởng, khúc nhạc này đưa ta tới gần hiện tượng "âm thanh trắng", giống như "ánh sáng trắng" trong quang học, hơn bất cứ tập nhạc hiện đại nào khác.

Thí dụ 12: Stravinsky,
Lễ xuân (1913)
("Vũ khúc thanh nữ", các nhịp mở đầu)

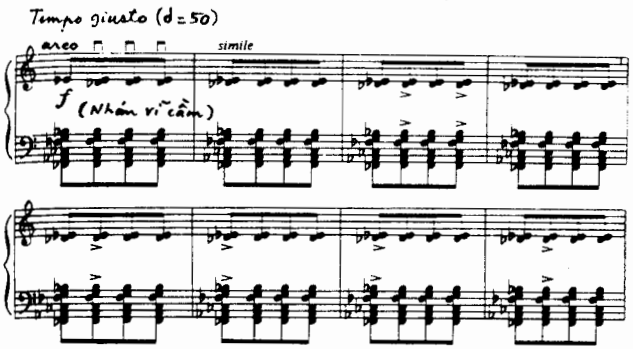

Thí dụ 13: H. Cowell,
Mặt trời anh hùng (1922)

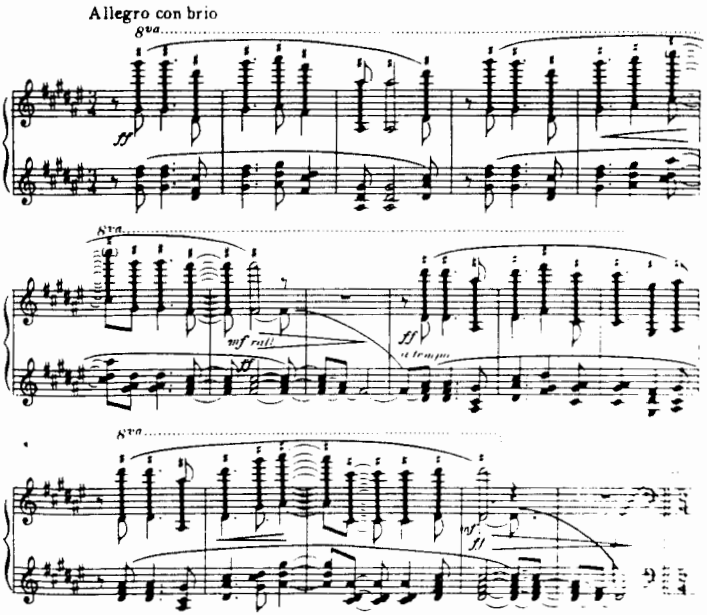

(Dấu ♯ ở trên các cột hợp âm trỏ các phím đen;
dấu ♮ trỏ phím trắng; tấu bằng cẳng tay mặt).

Thí dụ 14: B. Bartók,
Thế giới vi mô (1926-37)
(Số 107, "Giai điệu trong sương mù")

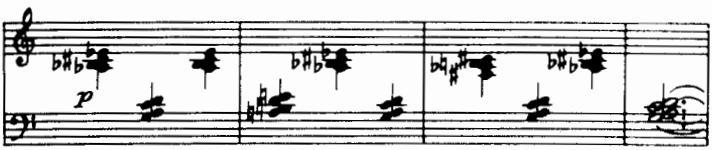

Thí dụ 15: K. Penderecki,
Điếu ca cho nạn nhân Hiroshima (1960)
(Trang cuối)

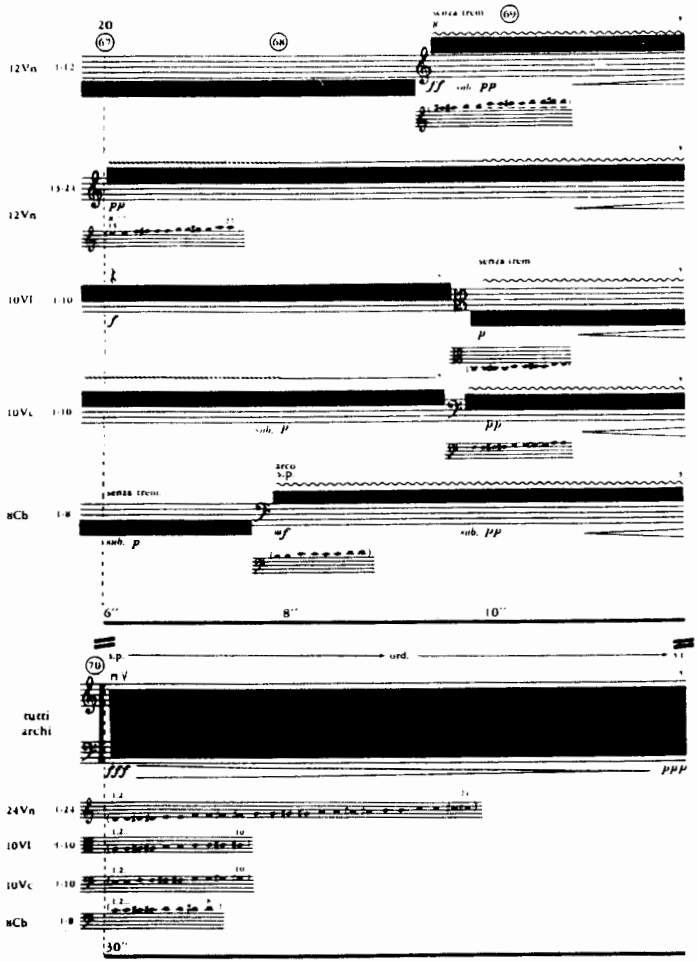

(Những dải băng đen trò tất cả những nốt nhạc phải tấu, với lối ký âm thông dụng ghi ở dưới; thời khoảng đo bằng giây).

Vi quãng, thường gọi là vi cung *(microtones)*, là những quãng nhỏ hơn 1/2 cung hài hòa. Trong dân ca các miền thế giới, ta thường bắt gặp những nốt nhạc không tương ứng với nốt nhạc nào trong âm giai nửa cung Tây Phương. Đó là những nốt có cao độ chênh lệch chừng 1/3, 1/4, 1/6, hay 1/8 cung so với các nốt trong âm giai bán cung hài hòa. Như thế, vi quãng đã xuất hiện cả ngàn năm nay, nhưng chưa bao giờ được hệ thống hóa thành âm giai. Tuy nhiên, nếu đã chia được một quãng tám thành 12 nửa cung đều nhau, hài hòa, thì trên nguyên tắc ta có thể tiếp tục chia quãng ấy thành những quãng đều nhau nhỏ hơn thế nữa (19). Và trong thế kỷ 20, trong nỗ lực đi tìm chất liệu mới, các nhà soạn nhạc đã bắt đầu thí nghiệm với các hệ thống vi quãng, như: Busoni (1866-1924) chủ trương âm giai 36 vi quãng, với quãng nhỏ nhất là 1/6 cung; Hába (1893-1972) mới đầu sáng tác với hệ thống 1/4, rồi 1/3 cung, sau còn khai triển hệ thống 1/12 cung, chia quãng tám thành 72 vi quãng.

Tất nhiên, ngoài những khó khăn về lối ký âm chưa tiêu chuẩn hóa, các hệ thống vi quãng còn đặt ra nhiều vấn đề khác như sửa đổi nhạc cụ, cách so giọng cho các nhạc cụ, cách trình tấu (ngoại trừ nhạc điện tử), sự huấn luyện và giáo dục trong các trường âm nhạc, v.v... Vấn đề nghiêm trọng nhất, tuy nhiên, vẫn là vấn đề thẩm âm của giới nghe nhạc mà, đối với họ, ngay đến nhạc 1/2 cung ngày nay cũng đã là "khó nghe" rồi. Nhạc vi quãng do đó là nhạc của tương lai, khi mà tai đã được luyện lại, cả cho giới tấu nhạc lẫn giới nghe nhạc.

Một loại nguyên liệu âm thanh khác, tuy cũ trong xuất xứ nhưng mới trong cách sử dụng, để sản xuất giai điệu cũng như hòa âm của thế kỷ 20, là những âm giai cổ Âu Châu và những âm giai Đông Á và Đông-Nam Á. Chúng được dùng không phải vì tính cách lịch sử của chúng, hay để gây một không khí cổ xưa, mà để nhạc thoát ra khỏi từ trường, khỏi trọng lực của âm giai trưởng/ thứ cổ truyền.

Các âm giai cổ, thường gọi là "cổ điệu" hay "điệu nhà thờ" *(archaic/church modes)*, do các nhà lý thuyết thời trung cổ Âu châu đặt tên theo các điệu của cổ Hy Lạp (thí dụ 16) đã từng là nền tảng

Thí dụ 16: CÁC ĐIỆU NHÀ THỜ TRUNG CỔ ÂU CHÂU

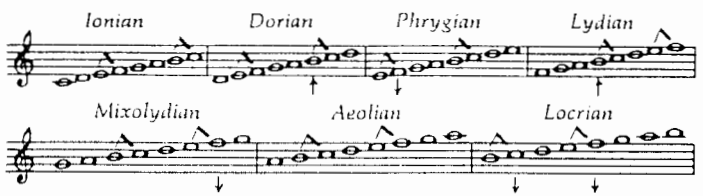

(Các dấu ∧ trỏ quãng ½ cung; các nốt có đánh dấu ↑ hay ↓ là các nốt cao hay thấp hơn các bậc tương đương trong âm giai trưởng/thứ).

cho âm nhạc Âu châu khoảng một ngàn năm, kể từ khi những khúc kinh cầu được thâu tập dưới thời Giáo Hoàng Gregory đệ I cuối thế kỷ 6 (nên gọi là *"Gregorian chants"*), rồi cực thịnh trong thời Trung cổ và Phục hưng (thế kỷ 14, 15, 16), mà cao đỉnh là nhà soạn nhạc Ý Palestrina (1525-94). Nhưng sau đó chúng đã bị nhạc chủ âm trưởng/ thứ lên truất ngôi, và rồi bị xao lãng trong suốt 300 năm.

Giai điệu và hợp âm xây trên các cổ điệu này nghe phân biệt được hẳn với nhạc Cổ điển/ Lãng mạn vì những quãng đặc trưng của chúng trong thang âm (có đánh dấu trong thí dụ 16) mang cho chúng một màu sắc khác hẳn với điệu trưởng/ thứ, và nhất là vì tác dụng bắt buộc của "nốt hướng dẫn" hay "nốt cảm ứng" *(leading note; note sensible)* phải kết về chủ âm, đã không còn nữa.

Các âm giai khác, đến từ dân ca Đông Âu, và từ các chân trời "mới lạ" khác như Trung Hoa, Việt Nam, Nhật, Ấn Độ, Java, Trung Đông, cũng đã được dùng làm phương tiện thay thế âm giai trưởng/thứ: thí dụ những âm giai ngũ cung (thí dụ 17), chung cho

Thí dụ 17: CÁC ÂM GIAI NGŨ CUNG ĐIỂN HÌNH

Trung Hoa: Ngũ cung, ngũ điệu

(1) (2) (3) (4) (5)

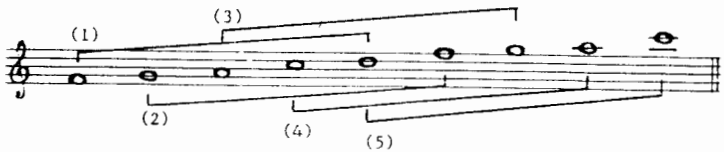

(1) *Cung* điệu (2) *Thương* điệu (3) *Giốc* điệu (4) *Chủy* điệu (5) *Vũ* điệu

Nhật Bản

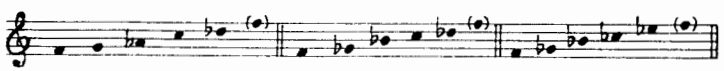

Hira-joshi (*Bình** điệu) *Hon-kumoi-joshi* (*Vân-tình** điệu) *Iwato-joshi* (*Thạch-hộ** điệu)

(*Người viết xin cầm tạ Ô. Nguyễn Ngọc Bích đã tìm dùm các từ Việt tương đương này.)

Việt Nam Java

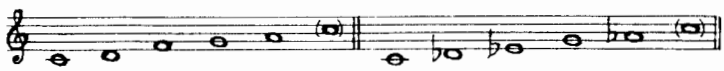

Điệu *Bắc* Điệu *Pelog*

toàn thể nhân loại khắp nơi (bởi thảy đều bắt nguồn từ chuỗi họa âm thiên nhiên) nhưng khác nhau ở cấu trúc các quãng, vì chúng đã bị chi phối bởi những yếu tố không gian, thời gian, kỹ thuật (cách chế tạo nhạc cụ, chất liệu tạo nên nhạc cụ, cùng cách ấn định độ cao âm thanh cho từng giây đàn, ống sáo), và bởi những nguyên do thuần mỹ quan hay xúc cảm của người nghệ sĩ (20).

Các âm giai khác đã được dùng trong nhạc hiện đại là lục cung (thí dụ 18), nhất là ở dạng thức "nguyên cung" *(whole-tone)*, như trong một số tác phẩm của Debussy và Bartók; bát cung (thí dụ 19), mà dạng thức "đối xứng" của chúng đã là ngôn ngữ và kỹ thuật sáng tác của Stravinsky mặc dù người ta có thể truy nguyên đến Rimsky-Korsakov (thày của Stravinsky) và đến Liszt (21).

Thí dụ 18: CÁC ÂM GIAI LỤC CUNG ĐIỂN HÌNH

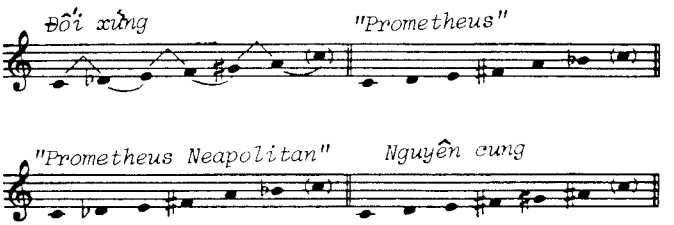

Thí dụ 19: HAI ÂM GIAI BÁT CUNG ĐIỂN HÌNH

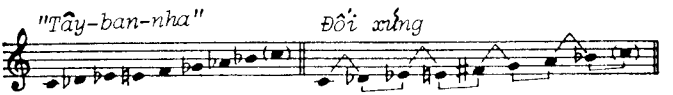

Sau hết phải kể đến những âm giai tổng hợp, bao gồm tất cả những thang âm nào khác với thang âm bảy nốt trưởng thứ, mà người soạn nhạc tự sắp xếp lấy cho riêng nhạc của mình, chẳng hạn: "âm giai bí hiểm" của Verdi (1813-1901) dùng trong ca khúc *Ave Maria* (1880); "âm giai Prometheus" của Scriabin trong hòa tấu khúc *(Prometheus — Bài thơ của lửa* (1910); hay "âm giai bội âm" (thí dụ 20), được lập bởi các họa âm thứ 8 đến thứ 14 của một chuỗi họa âm, mà Bartók đã thí nghiệm trong bài tập số 41 của *Thế giới vi mô* và trong *Xônat cho hai pianô và ban nhạc cụ gõ* (1937).

Thí dụ 20: ÂM GIAI BỘI ÂM

Tuy coi là "mới", nhưng mới đây, một giáo sư âm nhạc tại Swarthmore College lại chứng minh rằng âm giai bội âm nói trên, mà bà gọi là "điệu Podhalean", đã là thang âm căn bản cho một số dân ca Balan (22) và đã được dùng trong 20 bài *Mazurka* cho pianô *(Op. 50,* 1924-26) của Szymanowski (1882-1937), nhà soạn nhạc và "nhạc sĩ dân tộc" của Ba Lan sau Chopin, và là cha đẻ của nhạc thế kỷ 20 của nước này.

Ngoài ra, trong loại âm giai tổng hợp, ta không thể bỏ quên những âm giai đặc biệt của Messiaen, mà ông đặt tên là "những điệu có chuyển giọng giới hạn" *(modes de transpositions limitées)*: chúng được xây trên 12 nửa cung của hệ thống hài hòa, nhưng được sắp xếp (theo các quãng 2 cung, 1 cung, 1/2 cung) cách nào để cho khi chia thành nhóm từ 2 đến 6 nốt, các nhóm đó đối xứng nhau. Thí dụ 21 sau đây cho thấy "điệu 3" của hệ thống âm giai Messiaen, gồm ba nhóm đối xứng 1 cung - 1/2 cung - 1/2 cung :

Thí dụ 21: HỆ THỐNG ÂM GIAI MESSIAEN
(Điệu 3)

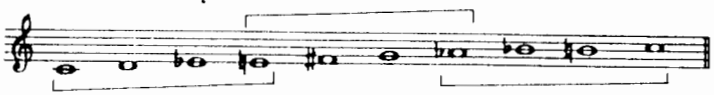

(Để có một trình bày và giải thích đầy đủ về hệ thống này, xin coi Messiaen, sđd trong chú thích 17, Ch. XVI).

Tóm lại, những đóng góp cá nhân này vào kho chất liệu âm thanh đã mang lại cho nhạc thế kỷ 20 một nền tảng không kém vững chắc hơn nền tảng trưởng/thứ cổ truyền, bởi chúng đã cho giai điệu và hòa âm hiện đại những khung quy chiếu cần thiết cho sự mạch lạc, đồng nhất, dễ lĩnh hội được, của nhạc hôm nay — khung quy chiếu để thay thế thiên đường chủ âm đã mất.

(Kỳ tới: Giai điệu, Nhịp tiết, Hòa âm trong âm nhạc hiện đại).

CHÚ THÍCH

(9) Chẳng hạn Hòa tấu khúc số 8 *của Mahler soạn cho một dàn nhạc nới rộng, cộng thêm một ban kèn đồng, tám giọng đơn ca, một ban đại hợp xướng kép, một đội hợp xướng thiếu niên giọng nam, và* orgue!

(10) Coi J. Machlis, Introduction to Contemporary Music *(W.W. Norton & Co., New York, 1961), tr. 79.*

(11) Từ điển tiếng Việt, *in lần thứ hai có chỉnh lý và bổ sung (Nhà xuất bản khoa học xã hội, Hà Nội, 1977).*

(12) Webster's New Twentieth-Century Dictionary of the English Language, *bản không cô gọn, x.b. lần 2, 1980.*

(13) Tất nhiên, một số nhạc cụ gõ (percussion instruments) *như trống cái, trống con, chũm chọe, kẻng ba góc, v.v..., đã được dùng từ thời baróc, nhưng chúng đã chỉ đóng vai phụ để tạo những "tác dụng đặc biệt", để cho một không khí "ngoại lai" (exotic)* mà thôi.

(14) Coi Cope, David H.: New Directions in Music, *xuất bản lần 4, (Wm. C. Brown Publishers, Dubuque, Iowa 1984), tr. 98-101.*

(15) Coi Read, Gardner: Contemporary Instrumental Techniques *(Schirmer Books, New York, 1976), tr. 60-102.*

(16) Chữ của Gisèle Brelet trong bài viết về âm nhạc hiện đại ở Pháp, trong Histoire de la musique, *sđd, tập 2, tr. 1188.*

(17) Olivier Messiaen, Technique de mon language musical *(Alphonse Leduc, Paris, 1944), trang 34.*

(18) Trong Claude Samuel, Entretiens avec Olivier Messiaen *(Ed. Pierre Belfond, Paris, 1967), tr. 102.*

(19) Về lịch sử các lối chia quãng tám thành nhiều phần nhỏ, chẳng hạn thành 19, 31, 53 phần, v.v..., để chúng tới gần được những "quãng đúng", nghĩa là đúng với tần số của các họa âm thiên nhiên trong một chuỗi – , coi J. Backus, sđd, ch. 8, và Roderick P. Gordon, The World of Musical Sound *(Kundall/Hunt Publishing Co., Dubuque, Iowa, 1983), ch. 3.*

(20) Chẳng hạn, có người cho rằng sở dĩ ba điệu ngũ cung của Nhật (coi thí dụ 17) nghe buồn thảm, da diết như vậy, là vì chúng đã xuất hiện khoảng tk. 13 hay 14 khi các nhà sư mù còn đi hát dạo, kể lại sự tích nội chiến giữa hai họ Bình-gia (Heike) *và Nguyên-thị* (Gengi) *hồi thế kỷ 12, là thời kỳ đen tối và trầm thống nhất của lịch sử Nhật. (Theo thuyết của Noel Péri trong* Essais sur les gammes japonaises *(1934), được dẫn trong "La musique japonaise" của A. Hauchecorne trong* Histoire de la musique, *sđd, tập 1, tr. 308).*

(21) Coi R. Taruskin, "Chernomov to Kashchei: Harmonic Sorcery; or, Stravinsky's 'Angle' " trong Journal of the American Musicological Society, *Bộ 38, số 1, Xuân 1985, tr. 72-142.*

(22) Coi Ann K. Mc Namee, "Bitonality, Mode, and Interval in the Music of Karol Szymanowski", trong Journal of Music Theory, *bộ 29, số 1, Xuân 1985 (Yale University, 1984), tr. 61-84.*

HIỆU ĐÍNH

Xin quí bạn đọc vui lòng lượng thứ cho những lỗi sắp chữ trong bài "Chất liệu và kỹ thuật tạo thanh mới trong âm nhạc Tây Phương hiện đại" của Cung Tiến, xuất bản trong VHNT số 5, tháng 9/1985.

Tr 529, dòng 3, từ dưới lên, "thì sự đổi thay ấy" thay vì "tình sự đổi thay ấy".

Tr. 531, dòng 2, xin thêm dấu ")" đằng sau "Nhạc cổ điển".

Tr. 531, dòng 8 của phần 2, "Brahms" thay vì "Brahins".

Tr. 531, dòng 7, từ dưới lên, "nhạc Cổ điển" thay vì "nhạc cổ điển".

Tr. 532, dòng 11,"để hát, nghe," thay vì "đã hát, nghe"

Tr. 533, dòng 20, "trong không gian" thay vì "trong thông gian".

Tr. 533, dòng 25, "*natural chord*" thay vì "*natual chord*".

Tr. 534, dòng 1-2, xin gạch bỏ "đo bằng tần số (hay số rung trong một giây)"

Tr. 534, dòng 10, "thế kỷ 6" thay vì "thế kỷ 16"

Tr. 534, dòng 16, "(hai, bốn thăng/" thay vì "(hai bốn thăng".

Tr. 534, dòng 4, từ dưới lên, sau "*(consonant chord)*" xin thêm ", để phân biệt với hợp âm nghịch (*dissonant chord)*"

Tr. 535, dòng 8, xin thêm "hòa âm," sau "Trong thời thịnh hành"

Tr. 535, dòng 9, "hoà âm" thay vì "hoạ âm".

Tr. 535, dòng 3, từ dưới lên "(hiểu theo thời thịnh hành)" thay vì "(hiểu theo thời thịnh hành"

Tr. 537, dòng 9, "Lãng mạn" thay vì "lãng mạn".

Tr. 541, dòng 3, "Tập 2" thay vì "quyển 3".

Nguyễn Bá Trạc

Chuyện trời ơi.

Văn Chương và chối bỏ.

Một buổi mùa đông ảm đạm cuối năm 1943 ở New York, một anh chàng mảnh khảnh ăn mặc chỉnh tề bước vào tòa soạn của ông chủ báo George Graham đưa ra một tập bản thảo xin duyệt đăng. .

Bản thảo một tập thơ.

Chủ báo Graham lật ra xem không thấy một chút tài năng nào nơi tập thơ cả. Nhưng tấm lòng trắc ẩn của ông động đậy khi thi sĩ thở dài bảo rằng vợ chồng anh ta đang lâm vào một hoàn cảnh quẫn bách. Ông bèn quyết định để các nhân viên tòa soạn phê phán lại xem sao.

Một ủy ban tuyển chọn văn chương gồm có chủ bút, nhân viên văn phòng, *tùy phái, thợ in* liền đó được kêu cả đến để thưởng thức tác phẩm. Mở từng trang giấy. Chúi mũi vào xem. Cả đám đọc, *nhìn nhau , chả có gì hay ho.* Nhưng thương hại cho thi sĩ vốn cũng là một cựu nhân viên tòa báo, họ hùn hạp quyên góp mỗi người 15 đô la biếu cho anh cựu đồng nghiệp nghèo (chút đỉnh gọi là qua cơn túng đói).

Bản thảo ấy chính là bản thảo tập "The raven" (con quạ) tới nay đã bán ra hàng triệu cuốn. Đã đứng hàng đầu của văn chương cận đại Hoa Kỳ. Anh chàng thi sĩ ấy không là ai khác hơn Edgar Allan Poe, một tác giả đầy cá tính đã làm hãnh diện cho văn học Mỹ trong văn học thế giới.

Sách của Edgar Allan Poe đến bây giờ vẫn tiếp tục tái bản. Tái bản một cách trang trọng, với bìa da chữ mạ vàng, khảm giấy vàng bên cạnh những bộ sách sưu tập: Crime and Punishment của Fyodor Dostoevsky, Wuthering heights của Emily Bronte, David Copperfield của Charles Dickens, The return of the native của Thomas Hardy, những truyện, sách, kịch của Shakespeare, Ibsen, Chekov để cho người ta đọc và... *chưng trong các tủ sách quý.*

Kể từ khi máy in ra đời, những câu chuyện như thế xảy ra không

hiếm. Thơ của Emily Dickinson từng bị Houghton Mifflin khinh miệt: *"Kỳ quặc dị dạng, vần điệu trật chìa hết trơn"*. Sách của D.H. Lawrence bị các nhà xuất bản Anh quốc chê bai. Tác phẩm của Thomas Wolf bị lắc đầu quầy quậy.

Những tác phẩm có tính sáng tạo, không thương mại, không theo quy ước, muốn *bán* được đều đòi hỏi ở tác giả một cái tên.

Một tác giả nữ của văn chương Hoa Kỳ hiện đại, Doris Lessing, từng cho ra đời nhiều cuốn best seller, đang được các nhà xuất bản lớn chào đón mời mọc. Năm vừa qua bà thử làm một hành vi cao cả. Bà viết một cuốn sách mới. Viết thiệt hay nhưng chơi ngẫng: ký một bút hiệu khác. Cuốn này được chính nhà xuất bản đã in sách của bà, Jonathan Cape bên Anh lễ độ gửi trả lại. Không in.

Tờ điểm sách The New York Times Book Review gần đây có làm một cuộc nghiên cứu. Trong 16 tác giả nổi tiếng hiện đại được phỏng vấn, chỉ có hai nhà văn cho biết là họ chưa bao giờ bị chối từ.

Vài tác giả khác như John Updike và Joyce Carol Oates được các nhà xuất bản cũng như độc giả chuẩn nhận mau lẹ ngay từ lúc họ đang ở tuổi thanh xuân. Họ đơm hoa kết trái sớm, nhưng cũng từng bị loại bỏ và từng bị từ chối hơi nhiều vào tuổi thiếu niên lúc mới bước chân vào làng văn nghệ.

John Updike còn giữ cả lố những bài thơ, hình vẽ tranh khôi hài, thư từ giấy má do các tòa soạn gửi trả vào hồi 15 tuổi.

Joyce Carol Oates năm 14 tuổi gửi đến các nhà xuất bản ở New York một cuốn tiểu thuyết dày 250 trang viết về giới nghiện ngập ma túy. Năm 19, 20 tuổi cô viết những cuốn tiểu thuyết *người lớn*. Không tác phẩm nào được nhận. Nhưng cũng nhờ những cuốn ấy nhà xuất bản để ý tới những cuốn sau này và in sách cho cô vào năm mới có 22 tuổi.

Cũng nên mở một dấu ngoặc: Chúng ta đang nói chuyện văn chương Anh Mỹ. Được một nhà xuất bản lớn ghé *mắt xanh mũi lõ* in cho một cuốn là đỡ phải đi làm thợ điện thợ hàn đến 5, 10 năm. Còn ăn tiêu tằn tiện kiểu văn thi sĩ Việt Nam thì phải nói là *khỏe cả đời*.

Cuộc phỏng vấn của New York Times Book Review cho thấy số phận các tác giả khác không phải dễ dàng như vậy. Lắm kẻ cũng đau đớn trần ai trước khi được các nhà xuất bản *in cho, quảng cáo cho*, được các tay phê bình xem xét tường tận, không bị các anh nhà văn ú ớ khác giới thiệu lẩm cẩm, không bị phán đoán vội vã, không bị kêu là *lạ tai, rối rắm, rườm rà, mơ hồ, bay bổng, nghịch lý*... không bị những vị văn nghệ lão thành thảo luận nhát gừng, chê khéo, xỏ khéo, không bị kêu là cọng sản , C.I.A., được hướng dẫn để độc giả chú ý đọc, chia xẻ, thông cảm sau cùng biết đâu có ngày lại được các ông hàn Thụy Điển đánh điện mời đi tàu bay qua tận Stockholm nghe diễn văn, vỗ

tay và lãnh giải Nobel.

Saul Bellow, trước khi lãnh giải Nobel văn chương, đã lê gót rao bán cuốn *Dangling man* khắp nơi không xong. Một chủ nhà xuất bản từ chối "vì còn phải để dành giấy mà in cuốn hồi ký của chính ông ta".

Isaac Bashevis Singer, cũng Nobel văn chương, kể lể là mình bị chê suốt từ Ba Lan đến Mỹ. *Suốt đời tôi bị chối bỏ. Những truyện hay nhất của tôi cứ bị lắc đầu trả lại.* Cuốn tiểu thuyết đầu tay *Satan in Goray* là cuốn vẫn được coi là hay nhất của Singer "bị xua đuổi từ khi nó còn là nguyên bản bằng tiếng Yiddish, rồi sau này bản dịch tiếng Anh cũng bị lãnh đạm gạt bỏ mãi".

Một cuốn sách quen thuộc với độc giả Việt Nam đã được dịch ra tiếng Việt trước 1975 (và rất nhiều thứ tiếng khác) lúc còn là bản thảo đã lê lết mỏi mòn khắp nơi, đã bị các nhà xuất bản từ chối trên 20 lần. Một ông chủ xuất bản lắc đầu bảo với tác giả, nhà văn Richard Bach: "Nghe đây ông văn sĩ ạ, không có ai buồn đi đọc làm gì cái chuyện của một con hải âu... *biết nói.*" Đây chính là cuốn *Jonathan Livingston Seagull*, một cuốn sách bìa cứng bán trên vài triệu cuốn và vẫn còn tiếp tục bán ra đều đặn khắp các hiệu sách Mỹ ngày nay. Cuốn ấy làm cho gia tài của nhà xuất bản Macmillan thêm đồ sộ với số thâu chưa biết bao giờ dứt.

Văn chương và thương mại. Tác phẩm và cái tên. Mọi thứ đều lôi thôi. Phải có tên mới chắc ăn?

Chưa chắc. Tay tổ về các chuyện khủng khiếp, ông vua ngự trên cái vương quốc tiểu thuyết kinh dị của Mỹ, Stephen King tính ra ít nhất có trên 60 truyện ngắn và bốn truyện dài bị chối từ trong lúc ông đã nổi tiếng và đang đi lên tuyệt đỉnh. Nhưng nhà văn viết nhanh viết nhiều và kiếm tiền khá bộn này bảo: Con số sách truyện bị chối từ của tôi chỉ *đáng lạ* đối với những ai... *không viết được nhiều như tôi.*

Đúng như thế. "Tên tuổi không chống lại nổi sự chối bỏ. Nhiều người tưởng rằng giải văn chương Nobel là một bảo đảm cho thành công, nhưng không phải như vậy". Isaac Bashevis Singer bình phẩm trong cuộc phỏng vấn: *Tôi bị chối bỏ suốt đời. Cả trước và sau khi lãnh giải Nobel.*

"Nhà văn Nobel" Saul Bellow cũng gặp những vấn đề tương tự. Năm 1956 tờ The New Yorker từ tạ không đăng tải truyện *Seize the day* "vì truyện này vi phạm vào một vài chủ trương của họ" Saul Bellow giải thích: "Câu truyện của tôi đã chấm dứt bằng một cái đám ma".

Tờ The New Yorker năm ngoái lại cũng từ chối không đăng một cái truyện ngắn rất đáng yêu của ông. Truyện *Cousins:* "Sau 40 năm lăn lóc trong nghề viết, ít nhất người ta cũng có thể mong đợi tờ The New Yorker đăng tải một cái truyện như vậy". Saul Bellow nói: "Khi

họ từ chối, tôi lấy làm kinh ngạc. Tôi giận điên lên. Nhưng sau rốt tôi bảo: *Kệ bà chúng nó.* (The hell with them).

Saul Bellow nói với người phỏng vấn của tờ New York Times Book Review: Bạn ạ, tôi khám phá ra rằng những sự chối bỏ không phải luôn luôn là một điều xấu.

— Nó dậy cho một nhà văn biết tin vào sự phán đoán của chính mình. Nó dậy cho một nhà văn biết nói chuyện với lòng mình: Anh chối thì anh cứ chối. Anh bỏ thì anh cứ bỏ. *Chuyện ấy kệ bà nhà anh.* (to hell with you).

Các văn thi sĩ Việt Nam mới ra lò không xa lạ gì với những lời nhắn nhủ đại loại *Bài đang đọc, xin tiếp tục gửi thêm* của các tạp chí. Chuyện ấy kệ bà nhà họ. Ursula K. Le Guin một nhà văn nữ của Mỹ đã bước chân lên đài vinh quang sau hơn 6 năm liên tục viết và gửi đi các truyện ngắn, hơn 11 năm dài đằng đẵng cắm cúi sáng tác các truyện dài và đều đặn bị chối bỏ, trả lại.

Tờ New York Times Book Review gọi đây là một *trường hợp thê thảm, một tấm gương kiên nhẫn ngoại hạng.*

Tại sao lại *thê thảm?*

Có phải nhà văn chỉ *kiên nhẫn* là để được độc giả và các nhà xuất bản chuẩn nhận?

Hay họ *phải viết* cũng như phải thở, phải diễn tả, phải ghi xuống ý nghĩ và cảm xúc, phải lưu giữ bằng văn chương những tâm tình của một con người trong giòng đời sống, còn những chuyện khác như *chuẩn nhận hay không chuẩn nhận, chia xẻ hay không chia xẻ...* Tất nhiên được chuẩn nhận và chia xẻ là một hạnh phúc lớn cho bất cứ ai và là một phần thưởng tinh thần cho người viết sau những đêm trường thao thức, những đau đớn không khóc ra được bằng nước mắt, những nụ cười thô bỉ và gượng, những duyệt xét, thắc mắc, hoài nghi, những ám ảnh sâu đậm hay mơ hồ, những niềm tin yêu trong sáng còn sót lại sau những chìm nổi dày vò.

Còn nếu không, *chuyện ấy kệ bà chúng nó.*

Thơ Đào Trường Phúc

Chiều nắng vàng phương xa

Chiều nắng vàng phương xa
Bước chân về phố nhỏ
Mây trên rừng thông già
Gió trong hồn viễn xứ

Theo bóng chiều ra khơi
Lênh đênh hồn du tử
Ngày tắt cuối chân trời
Mơ hồ hương nắng cũ

Chiều nắng vàng phương xa
Khói bay sau đồi vắng
Hay bếp hồng nhà ai
Chiều nay nhen lửa ấm?

Ôi chút lửa yên vui
Không sưởi lòng buốt giá
Chân phiêu du một đời
Vẫn muôn trùng đất lạ

Chiều nắng vàng phương xa
Thoảng gió đưa lời hát
Nhớ khung trời thương yêu
Dịu dàng màu nắng nhạt
Vang mãi trong hồn người
Tiếng sáo diều bát ngát

Chiều nắng vàng phương xa
Ngùi thương tà áo xưa
Bên ấy trời không lạnh
Biết đâu chiều giăng mưa

Mưa trên quê hương tôi

Mưa trên quê hương tôi
Mưa phùn trời Hà nội
Mưa xứ Huế lạnh lùng
Mưa Saigon vời vợi

Mưa trên quê hương tôi
Mưa giăng mắc mù khơi
Những sớm mai hiu hắt
Chẳng hẹn một niềm vui

Những buổi chiều giá băng
Mưa qua sông ảm đạm
Những đêm tối hãi hùng
Mưa thăm nhà ngục xám

Mưa trên quê hương tôi
Trên phố phường tả tơi
Trong xóm nghèo mưa đổ
Lạnh ướt mấy bờ vai

Đêm nay ai chờ nhau
Trời mưa buồn viễn xứ
Đã mấy mùa bể dâu
Bước chân đời trắc trở

Đêm nay trong ánh sáng
Những kinh thành mênh mông
Mưa có rơi dào dạt
Như tiếng gọi muôn trùng?

Em có nghe xứ người
Tiếng mưa khuya quạnh quẽ
Thương mảnh đất quê hương
Chưa khô giòng suối lệ?

Em có mơ cùng anh
Mưa ngày mai thanh bình
Trên những đồng ruộng cháy
Mưa báo giờ hồi sinh?

Phạm Duy
Xu hướng nhạc tình
Dương Thiệu Tước.
Nhóm Myosotis - Hà Nội

Dương Thiệu Tước mới thật sự là người có nhiều sáng kiến trong thời gian khởi sự xây dựng một nền âm nhạc mới mẻ! Trong khi mọi người vay mượn nhạc điệu Tây phương để soạn lời ca tiếng Việt và gọi nó là *"bài ta theo điệu tây"* thì ông lại soạn những bài mà tôi dám gọi là *"bài tây theo điệu ta"*...

Trước cái gọi là *"biến cố tháng ba 1968"* gây ra bởi Nguyễn Văn Tuyên, Dương Thiệu Tước đã là người đánh đàn guitare hawaienne rất giỏi, chủ nhân của một cửa tiệm bán đàn ở phố Hàng Gai, Hà Nội, và có mở cả lớp dạy nhạc nữa! Trong sinh hoạt hàng tuần với các bạn *"nhạc sĩ tài tử"* của mình, ông đã sáng tác mấy bài mang những đầu đề bằng tiếng Pháp, như *Joie d'aimer* (Thú yêu đương) *Souvenance* (Hồi niệm) *Ton doux sourire* (Nụ cười êm ái của em) ! Lời ca của những bài này là do Thẩm Bích (anh ruột của Thẩm Oánh) soạn, lẽ dĩ nhiên là bằng Pháp ngữ...

Có lẽ vì ông tự coi như đã nắm được *"thủ pháp"* soạn nhạc Tây phương, cho nên ông đã tuyên bố, khi được phỏng vấn về cách soạn nhạc Việt Nam, là *"... Nếu đã có nhà văn Việt Nam viết văn bằng tiếp Pháp, thì nhà soạn nhạc Việt Nam cũng có thể viết được những bản nhạc có âm điệu Tây Phương...* (Báo Việt Nhạc số 5, ngày 16 tháng 10, 1948)! Do đó, ngay trong năm 1938, ông đã tung ra những ca khúc như *Tâm hồn anh tìm em, một ngày mà thôi, bên cây lục huyền cầm, dập dìu ong bướm...* Bây giờ, sau gần năm mươi năm, ta mới có dịp để nghiên cứu những ca khúc đầu tiên của nền Tân nhạc, và sau khi cố gắng sưu tập những bản đầu tay của Dương Thiệu Tước vừa kể trên, tôi khám phá ra rằng: tuy nhạc sĩ họ Dương không câu nệ trong việc xây dựng một nhạc ngữ Việt Nam, với *chủ trương dùng âm giai Tây phương để viết nhạc,* nhưng trong những ca khúc tuyệt vời mà ông viết hồi đầu thời của nhạc cải cách, đa số các nét nhạc đều là *nhạc ngũ*

cung!!! Ví dụ bài *Tâm hồn anh tìm em* mà hồi đó ai cũng đều biết:

Trích đoạn

TÂM HỒN ANH TÌM EM

Dương Thiệu Tước (1938)

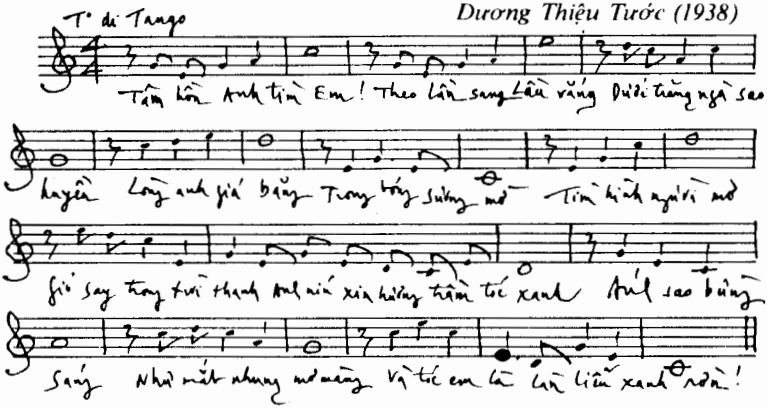

Rõ ràng nét nhạc của đoạn này nằm trong *ngũ cung sol la do ré mi thuần túy!* Dương Thiệu Tước muốn dùng thủ pháp Tây Phương để soạn nhạc cải cách, nhưng ông vẫn bị *nhạc ngũ cung* Việt Nam trói chặt ông. Sau này, trong một nhạc phẩm bất hủ là bài *Trời Xanh Thẳm*, chỉ có đoạn sau là được soạn với *âm giai thất cung* Tây phương, đoạn đầu hoàn toàn là *nhạc ngũ cung thuần túy:*

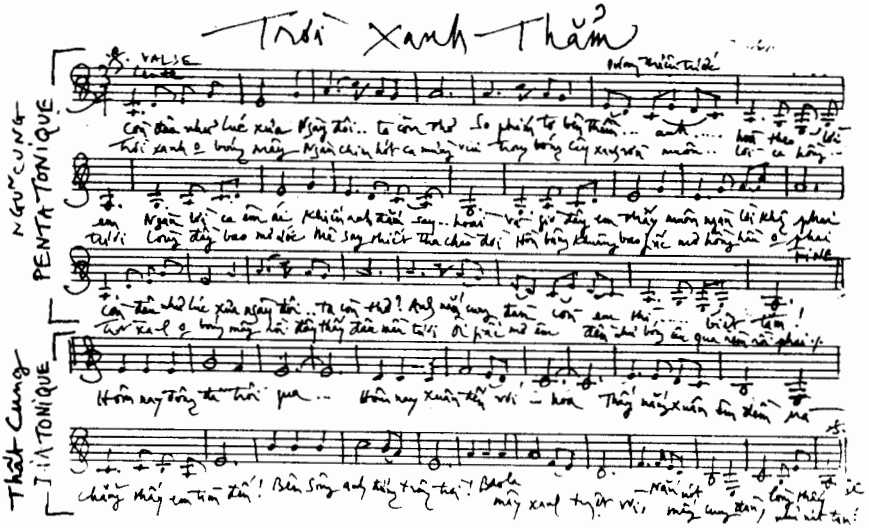

Phạm Duy
Xu hướng nhạc tình
Dương Thiệu Tước.
Nhóm Myosotis - Hà Nội

Dương Thiệu Tước mới thật sự là người có nhiều sáng kiến trong thời gian khởi sự xây dựng một nền âm nhạc mới mẻ! Trong khi mọi người vay mượn nhạc điệu Tây phương để soạn lời ca tiếng Việt và gọi nó là *"bài ta theo điệu tây"* thì ông lại soạn những bài mà tôi dám gọi là *"bài tây theo điệu ta"*...

Trước cái gọi là *"biến cố tháng ba 1968"* gây ra bởi Nguyễn Văn Tuyên, Dương Thiệu Tước đã là người đánh đàn guitare hawaienne rất giỏi, chủ nhân của một cửa tiệm bán đàn ở phố Hàng Giai, Hà Nội, và có mở cả lớp dạy nhạc nữa! Trong sinh hoạt hàng tuần với các bạn *"nhạc sĩ tài tử"* của mình, ông đã sáng tác mấy bài mang những đầu đề bằng tiếng Pháp, như *Joie d'aimer* (Thú yêu đương) *Souvenance* (Hồi niệm) *Ton doux sourire* (Nụ cười êm ái của em) ! Lời ca của những bài này là do Thẩm Bích (anh ruột của Thẩm Oánh) soạn, lẽ dĩ nhiên là bằng Pháp ngữ...

Có lẽ vì ông tự coi như đã nắm được *"thủ pháp"* soạn nhạc Tây phương, cho nên ông đã tuyên bố, khi được phỏng vấn về cách soạn nhạc Việt Nam, là *"... Nếu đã có nhà văn Việt Nam viết văn bằng tiếp Pháp, thì nhà soạn nhạc Việt Nam cũng có thể viết được những bản nhạc có âm điệu Tây Phương...* (Báo Việt Nhạc số 5, ngày 16 tháng 10, 1948)! Do đó, ngay trong năm 1938, ông đã tung ra những ca khúc như *Tâm hồn anh tìm em, một ngày mà thôi, bên cây lục huyền cầm, dập dìu ong bướm*... Bây giờ, sau gần năm mươi năm, ta mới có dịp để nghiên cứu những ca khúc đầu tiên của nền Tân nhạc, và sau khi cố gắng sưu tập những bản đầu tay của Dương Thiệu Tước vừa kể trên, tôi khám phá ra rằng: tuy nhạc sĩ họ Dương không câu nệ trong việc xây dựng một nhạc ngữ Việt Nam, với *chủ trương dùng âm giai Tây phương để viết nhạc*, nhưng trong những ca khúc tuyệt vời mà ông viết hồi đầu thời của nhạc cải cách, đa số các nét nhạc đều là *nhạc ngũ*

cung!!! Ví dụ bài *Tâm hồn anh tìm em* mà hồi đó ai cũng đều biết:

Trích đoạn

TÂM HỒN ANH TÌM EM

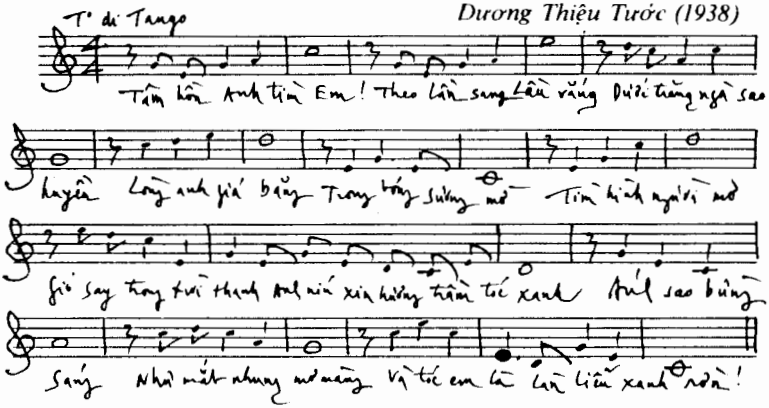

Rõ ràng nét nhạc của đoạn này nằm trong *ngũ cung sol la do ré mi thuần túy!* Dương Thiệu Tước muốn dùng thủ pháp Tây Phương để soạn nhạc cải cách, nhưng ông vẫn bị *nhạc ngũ cung* Việt Nam trói chặt ông. Sau này, trong một nhạc phẩm bất hủ là bài *Trời Xanh Thẩm*, chỉ có đoạn sau là được soạn với *âm giai thất cung* Tây phương, đoạn đầu hoàn toàn là *nhạc ngũ cung thuần túy:*

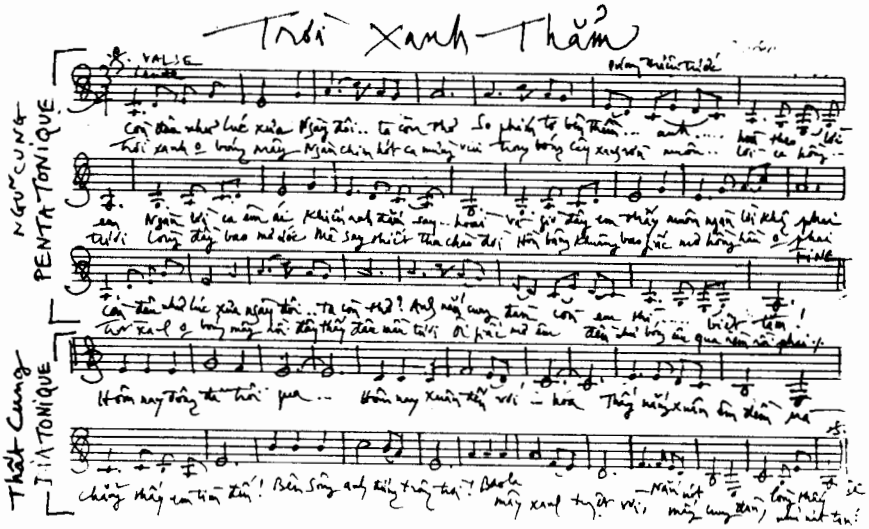

Không còn nghi ngờ gì nữa, hai nhạc sĩ tiền phong trong phong trào âm nhạc cải cách đều dung hòa *cả hai âm giai ngũ cung Á Đông và âm giai thất cung Tây Phương!* Bởi vì họ đều có học thức trong cả hai loại nhạc cổ truyền Việt Nam và nhạc cổ điển Tây Phương cho nên khi họ sáng tác thì nét nhạc mà họ học được từ lâu, đã tự nhiên tuôn ra từ tâm thức!

Qua bài hát *Trời xanh thẳm*, tôi thấy trong tiến trình giai điệu, Dương Thiệu Tước có nét nhạc đẹp hơn Thẩm Oánh, vì không còn là nét nhạc *"âm chuỗi"* (arpège) nữa! Đoạn đầu của bài *Trời xanh thẳm* là ba mệnh đề nhạc ngũ cung, *mô phỏng* (imitation) nhau để tạo cho ta một không khí xa xưa, khi *"chúng ta còn thơ, anh so phím, nắn cung đàn"* để dâng *"ngàn lời ca êm ái"*, rồi thì... *"em biệt tăm"!!!* Đoạn sau là nhạc theo *âm giai thất cung*, với giai điệu giống như nét nhạc của Chopin hay Schumann, kéo ta về ngày hôm nay, cũng vẫn còn buồn bã như ngày hôm xưa! Đoạn này có những *chuyển cung* (modulation) rất cổ điển, rất hợp lý, rất quyến rũ vì nét nhạc không có những *"quãng"* (intervalle) quá xa, quá trúc trắc mà là những nét nhạc có *bán cung* mềm dịu! Cấu phong của ca khúc cũng rất là cổ điển: Từ đoạn A qua B, rồi kết thúc bằng A!

Bài *Trời xanh thẳm* sẽ còn được hát mãi trong những thập niên sau, vì nó đã là bản nhạc tình, hẳn hòi là *"nhạc tình đôi lứa"*, không phải là thứ nhạc tình *"than mây khóc gió"* nữa!

Đặc biệt hơn nữa, *nhạc tình* của Dương Thiệu Tước luôn luônlà *mối tình của nhạc sĩ, của nghệ sĩ!* Có *"so phím tơ"*, có *"nắn cung đàn"*, và sau này cũng vẫn có *"tơ chùng phím loan"* trong một bản nhạc tuyệt vời của ông là bản *Ngọc Lan!* Nhạc Dương Thiệu Tước, theo tôi, là loại nhạc rất tình tứ, nhưng cũng rất sang trọng... Đó là những ca khúc tình ái thốt lên từ con tim của một nghệ sĩ dòng dõi nhà quan.

Tưởng cũng nên ghi lại đây một ca khúc *ngũ cung* nữa của ông mà nhiều ca sĩ đã hát trong những năm 44-45. Giống như những tác phẩm của Thẩm Oánh, Dzoãn Mẫn hay Văn Chung, bài này cũng vẫn nói đến chuyện yêu nhau, *bên hồ, dưới trăng, chiều thu:*

Trích đoạn

VỪNG TRĂNG SÁNG

Dương Thiệu Tước

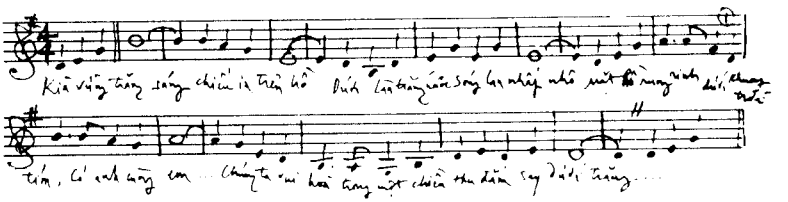

*
* *

Nhóm Myosotis qui tụ được nhiều nhạc sĩ nhưng về mặt sáng tác thì trong bốn năm đầu, từ 1938 cho tới 1942 là lúc Tân Nhạc đã có thêm một xu hướng mới, chỉ có hai người đầu đàn là Dương Thiệu Tước và Thẩm Oánh là có nhiều sáng tác, bài nào cũng có giá trị, không những là giá trị khai phá mà còn phải được coi như đã hoàn mỹ và sẽ phải bất tử!

Nhưng sở dĩ nhạc của hai ông Oánh, Tước (cũng như của các nhạc sĩ trẻ trong nhóm Tricea mà tôi sẽ đả động tới trong những chương tới) được mọi người biết tới trong giai đoạn này, đó cũng là nhờ ở sự tích cực của một người, tuy có nhiều sáng tác, nhưng đã có công kết hợp các nhóm để tổ chức các buổi trình diễn nhạc mới: nhạc sĩ Lê Ngọc Huỳnh, tác giả bản *Trên đường hưng quốc*, anh của quân-nhạc-trưởng Lê Như Khôi sau này. Lúc Tân Nhạc mới ra đời, chưa có những giọng ca lớn để truyền bá bài bản mới, sự phổ biến dựa vào việc ấn hành các bản nhạc hoặc có buổi trình diễn của những ban nhạc tài tử trong đó ban nhạc Orchestre- Amateru do Lê Ngọc Huỳnh kết hợp một số đông các nhạc sĩ trong nhóm để thành lập, là ban nhạc quan trọng nhất.

Trong những năm đầu của Tân Nhạc, tác phẩm của nhóm Myosotis rất là nhiều, nhưng không lưu truyền cho tới về sau, trừ một số bài nào đó, ngẫu nhiên được một giọng ca lớn nào đó (ví dụ: Thái Thanh, Kim Tước) hát lại trong những thập niên sau... Đó cũng là một điều đáng tiếc, vì xét ra những bản nhạc đầu mùa của hai vị tiên phong Dương Thiệu Tước, Thẩm Oánh... đã có một hương vị hoàn toàn trinh trắng, phản ánh một thời rất êm ả của chúng ta trước cơn cuồng phong kéo dài ba, bốn chục năm đang lăm le bước tới...

*
* *

Nếu cần phải biết rõ hơn về tác giả để hiểu biết và yêu mến tác phẩm hơn, tôi thấy trong hai vị sáng lập ra nhóm Myosotis, Thẩm Oánh đã đạo mạo thì sẽ đạo mạo suốt đời, còn Dương Thiệu Tước thì có một đời tình khá chuyển động. Sau 75, với tuổi hạc đã khá cao, ông còn kết duyên với một thiếu nữ rất trẻ và *lão bạn* này vẫn *sinh châu* như thường! Mới hay, nhạc sĩ là hạng người thuộc nòi tình... cho tới hơi thở cuối cùng!

*
* *

Quay về với nhận định trong giai đoạn thành lập này, ta sẽ thấy Nhóm Myosotis không còn là một nhóm thuần nhất nữa. Các thành

viên sẽ chia tay nhau, mỗi người đi theo hành trình của mình...

Nếu như sau này Thẩm Oánh còn sáng tác thêm những bài mới, thuộc nhiều loại khác nhau, thì Dương Thiệu Tước ít khi chịu rời khỏi lĩnh vực nhạc tình tứ và cao sang đặc biệt của ông! Chỉ có một điều ngộ nghĩnh là, trong giai đoạn thành lập nền Tân Nhạc, Thẩm Oánh tuyên bố là soạn nhạc có *mầu sắc Á Đông* thì lắm lúc lại thiên về *giai điệu thất cung Tây Phương*, còn Dương Thiệu Tước muốn diễn dịch tâm hồn Việt Nam bằng *nhạc ngữ Tây Phương* thì lại quay về *nhạc ngũ cung* để cống hiến cho ta hai bài bất hủ là *Tiếng Xưa* và *Đêm Tàn Bến Ngự*, cho ta thấy ông là một trong những người đầu tiên đem được *"ngũ cung hơi ai, giọng oán"* vào tân nhạc. Tựu trung, hai ông đều dung hòa cả hai âm giai Âu Á mà không biết, hoặc biết mà không nói ra chăng?

*
* *

Cho tới 1953, tác phẩm của Dương Thiệu Tước được xuất bản rất mạnh mẽ vì quanh ông không có ai là địch thủ nữa...

Hầu hết các nhạc sĩ trẻ đã rời bỏ thành thị để ra vùng thôn quê, làm cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và dồn hết khả năng của mình để soạn nhạc hùng. Dương Thiệu Tước và một số nhạc sĩ khác như Đoàn Chuẩn, Từ Linh... đã ở lại thành đô và soạn nhạc tình, một số bài còn sống cho tới tháng 4 năm 1975 rồi mới bị bóp chết!

NHỮNG NHẠC PHẨM CỦA NHẠC SỸ DƯƠNG THIỆU TƯỚC

Đã xuất bản :

Trời xanh thẳm
Thuyền mơ
Bến xuân xanh
Áng mây chiều
Dưới nắng hồng
Sóng lòng
Hờn sóng gió
Việt Nam mến yêu
Vườn xuân thắm tươi
Hương Thu
Kiếp hoa
Vời trông cố hương
Việt Nam anh dũng
Xuân tươi
Ngọc Lan
Cánh bằng lướt gió
Giáng xuân
Thiếu niên xuân khúc
Nhớ cánh uyên bay
Vọng chinh phu
Nắng hè
Khúc nhạc dưới trăng
Buồn xa vắng
Chiều lữ thứ
Ước hẹn chiều thu
Bên ngàn hoa thắm
Mơ tiên
Tiếc một trời xuân

Hương giang mộng khúc
Vầng trăng sáng
Tiếng xưa
Khúc thanh xuân
Bóng chiều xưa
Chiều

Vui xuân
Ô! Quê xưa
Tiếng vang sông núi
Đêm tàn bến ngự
Khúc nhạc vàng
Phút say hương

(1953)

---

(1) Ngũ Cung được dùng là: Re mi sol la si — Cung Fa# chỉ là nốt thoáng qua.

Kỳ tới: Nhóm Tricea.

VĂN NGHỆ
XUẤT BẢN VÀ PHÁT HÀNH

** Đại diện phát hành Tạp chí NHÂN VĂN (San Jose) và xuất bản NHÂN VĂN*
** Đại diện phát hành Tạp chí LÀNG VĂN (Canada) và xuất bản VIỆT*
** Đại diện phát hành tủ sách CÀNH NAM (Virginia) nhà xuất bản AN TIÊM (Paris).*
** Đại diện phát hành VN Forum (đại học Yale).*

Nhà xuất bản, các tác giả tự xuất bản không phương tiện phổ biến sách đến các địa phương khác. Văn nghệ thay quí vị phổ biến sách đi khắp các nơi đông người Việt từ Mỹ, Âu, Úc, Á châu. Mọi liên lạc xin đề:

Ông. Võ Thắng Tiết
15551 Pasadena Ave #A
Tustin, Ca 92680
Tel (714) 838-8432

Hồ Trường An

Trường hợp của Nhường.

Chung quanh bình trà, một buổi tối sau tháng 4 dương lịch năm 75 gồm có bốn người đàn ông, một người đàn bà. Đó là Minh, Quảng, ba người khách đã xin Ủy Ban Nhân Dân phường giấy phép để được ngủ đêm ở nhà cặp vợ chồng Nhường và Kim.

Ngoài hẽm, vào khoảng mười giờ tối, người qua kẻ lại còn đông. Đây là con hẻm thuộc đường Nguyễn Huỳnh Đức, gần cổng xe lửa số 6. Tối nay, trên trụ sở của phường không có cuộc họp nên Nhường và Kim rảnh rang hơn. Tuần qua, họ phải đi xuống ven sông Sàigòn làm thủy lợi. Kim nấu nước và châm cho khách một bình trà lớn. Bọn đàn ông cứ uống trà huế, cứ thay phiên đi tiểu và bàn tán đủ mọi chuyện. Tiếng xe gắn máy, thỉnh thoảng lướt qua hẻm và nổ dòn, kéo dài trong tiếng trẻ con đùa giỡn và hát những bài vừa phổ biến trên đài phát thanh lẫn truyền hình. Trong nhà, ngọn đèn điện vàng úa soi năm khuôn mặt hom hem của chủ lẫn khách.

Hôm nay là đêm chót, Minh còn ở trong thành phố Sàigòn nầy. Ngày mai hắn cụ bị khăn gói đi lên vùng Kinh Tế Mới Khánh Hưng, gần quận lỵ Lộc Ninh nằm ven quốc lộ 13. Quảng thì không tính đi đâu cả. Chàng là sĩ quan cấp bậc chuẩn uý đã từng làm việc ở phòng Chính Huấn Quân Đoàn III và Quân Khu 3, mà bản doanh bộ tư lệnh quân đoàn đặt gần phi trường Biên Hòa trong khi đó Nhường làm việc ở Ban Thông Tin Báo Chí của Quân Đoàn III với cấp bậc hạ sĩ, giữ chức vụ phóng viên chiến trường.

Từ hơn một tuần qua, Nhường và Kim cỡi xe đạp lên tận ấp Thảo Điền, gần hồ tắm Thiên Nga tìm Quảng, bảo cho hắn biết rằng, họ đã "bắt mối" với một người tên Phi, chủ tàu đánh cá ở Rạch Giá, để tổ chức "đi chui". Nhường bảo nếu Quảng có "hai mươi cây" thì có thể vượt biển, bằng không, Quảng chỉ giới thiệu ba người là có thể đi không, chẳng cần phải lo về vàng bạc gì hết. Quảng nghĩ tới Lục, người bạn thơ ấu của chàng, trước kia là chủ nhân một cây xăng và

một tiệm thuốc tây ở Vĩnh Long. Chiều nay Lục từ Vĩnh Long lên Sàigòn tìm Quảng và nhờ Quảng đưa tới nhà Nhường.

Quảng nghiêng bình tích rót hết trà vào cái chén đá của mình, nhăn nhó:

— Đài truyền thanh lẫn truyền hình cứ gọi các sĩ quan chế độ cũ cấp chuẩn úy ngành chiến tranh chính trị phải đi đăng ký học tập. Từ đây cho tới ngày ra bãi còn xa quá, tao khó thể ở yên với phường khóm, nếu không chịu đi học tập cải tạo.

Nhường săm soi tờ giấy đăng ký của Quảng làm hồi đầu tháng 5 năm 1975, ngước nhìn bạn, nụ cười ngạo nghễ và diễu cợt:

— Mầy là thằng thiệt thà, chết nhát, lại ngu nữa. Vậy mà không hiểu sao hôm đi đăng ký, phước chí tâm linh hay có ông bà khuất mày khuất mặt nào xuôi khiến mầy không khai chức vụ của mầy mà chỉ khai như vầy: *"chuẩn úy quân đoàn III và Quân Khu 3"* thôi. Không ghi thêm phòng nào, ban nào cả là tốt. Như vậy thì mầy có thể bảo với bọn an ninh xã, hay ủy ban nhân dân xã rằng mầy chỉ là sĩ quan giữ chức vụ coi toán canh gác, hoặc làm ở ban Quân Tiếp Vụ, phòng truyền tin, hoặc làm ở trung tâm Hành Quân cũng được mà.

Quảng thắc mắc:

— Rủi "tụi nó" truy ra biết tao làm ở phòng Chính Huấn thì sao? Chính Huấn là thứ nặng ký trong ngành Chiến Tranh Chính Trị, đâu có kém Tâm Lý Chiến hay An Ninh, hay Tuyên Úy gì....

Nhường mắng:

— Mày ngu, mầy dại dột nên thấy ai cũng khôn, cũng quyền biến hơn mầy. Thiệt ra, tụi nó là thứ khỉ rừng xanh, biết mẹ gì về lối tổ chức trong các ngành, các binh chủng của quân đội mình. Tụi nó có cái ranh mảnh, tinh ma là lợi dụng sự tâng công của nhơn dân phường khóm, xã ấp để biết tẩy "ngụy quân ngụy quyền" tụi mình. Chính dân chúng bị tụi nó khuyến khích việc tâng công nên họ mới tố cáo mình. Mầy đã bỏ phường khóm cũ trong thành phố để về ấp Thảo Điền, xã An Phú rồi, dân chúng ở đó cũng chỉ biết mầy đã từng làm việc ở Quân Đoàn III, chớ họ có biết phòng, ban là cái con khỉ mốc gì đâu.

Kim đang lui cui nhúm lửa, nghe tới đây liền xen vào:

— Đừng đi anh Quảng ơi. Thằng Trúc nó cũng là trung úy phòng Tâm Lý Chiến Sư Đoàn 5, vậy mà từ hôm đó tới nay, nó đổi chỗ ở, làm giấy giả, có ai biết mô tê gì đâu. Giờ đây nó trồi về Lăng Cha Cả, bán thuốc trụ sinh ở chợ trời, coi "tụi nó" có vào đâu.

Nhường và Quảng chơi thân nhau hồi cả hai chưa nhập ngũ. Quảng thích văn nghệ, tuy chưa hề sáng tác một câu thơ, một bài đoản văn hay tùy bút nào. Quảng thích Nhường vì Nhường phóng khoáng, dù không mấy thích đọc sách nhưng Nhường có biệt tài viết phóng sự rất tươi, óc quan sát tinh nhạy, cách dàn xếp độc đáo... Quảng có một

thời ao ước trở thành nhà văn kiêm nhà báo. Nhưng chàng chỉ có thể đọc nhiều, chứ khi cầm bút viết, chàng diễn tả ý nghĩ của mình sao mà khó khăn, văn viết ra gút mắt, cách dàn xếp ý tưởng lộn xộn. Từ ba năm nay, cả hai làm chung ở quân đoàn III, dù bàn giấy phòng ban khác nhau. Tóm lại, cả hai đều là lính kiểng, rất được lòng thượng cấp, con muỗi mà có chích họ một chấm nhỏ, họ cũng lãnh được Chiến Thương bội Tinh như một chiến binh sau khi rời Tổng Y Viện Cộng Hòa hay Bệnh Viện Dã Chiến Vùng.

Khi Quân Đoàn III bị đặt trong tình trạng ứng chiến thì cả hai không về Sàigòn, phải ở đêm tại bộ tư lệnh. Thế là, ngay buổi chiều hôm đó, họ đèo Vespa chở nhau đến Phước Hải hay Hố Nai để nhậu rượu ngâm thuốc và thưởng thức thịt chó. Hoặc, nếu có tiền, cả hai kéo ra rạp hát Biên Hùng; ở đây có nhiều sạp hàng bán nhiều món nhậu "ly kỳ" và ngoài các thứ rượu sản xuất ở Bình Tây như Sâm Nhung Huyết Tửu, rượu nhản Ông Già Chống Gậy, rượu nhản Ông Già Nhức Mỏi, người ta còn bán rượu nếp than màu mắm ruốc tươi đặc sềnh sệch. Món nhắm ở đây ngoài thịt, cá, tôm, cua còn có nhiều thứ ốc luộc: Ốc lác, ốc bươu, ốc dừa, ốc đắng chấm nước mắm gừng, sả, ớt. Ốc gạo chấm nước mắm chanh. Nghêu, sò, chem chép, cồn tiên nướng rồi chấm với muối tiêu vắt chanh... Nhưởng nhậu rất hào sảng, khi say thì ăn nói điềm tĩnh và duyên dáng. Còn Quảng thì khi say hơi ồn ào, nhưng không cà khịa với ai và cũng chẳng ăn nói nhảm nhí quá đáng.

Từ nãy giờ, Minh và Lạc ngồi trầm ngâm. Lạc là kẻ thiếu quyền biến và mưu chước, tự nghĩ mình không thể sống được dưới chế độ nầy. Hắn chỉ nghĩ tới chui, như một kẻ chơi bài đà dách, phải kéo thêm bài, khi gặp bài chưa tới nước lớn, một là được 21 nút, hoặc rủi thì chịu ốắt, chứ không đành để nước non cỡ 16 hoặc 17 nút... Tháng rồi, Lạc nghe lời đường mật của một mụ nái xề ở Tân Định, đưa cho mụ mười lượng vàng để mụ đút lót Sở Ngoại Kiều để mình được sang Pháp vì mụ tự xưng mình đã từng làm việc nơi đó. Tuần qua, hắn mới vở lẽ là mụ nầy chưa hề đặt chân tới Sở Ngoại Kiều. Mụ cũng đã từng gạt gẫm nhiều người về việc đưa người vào làm ở các hãng xưởng vì mụ tự xưng đã từng quen biết các ông tay to mặt bự cộng sản trong các Khối, các Cục.

Minh thì quyết định nai lưng làm lao động để có căn cơ vững chắc. Minh còn tin tưởng Chủ Nghĩa Cộng Hòa Xã Hội Việt Nam, vì chàng theo cha mẹ di cư từ Bắc vào Nam vào lứa tuổi lên năm, lên sáu, chưa hề biết chế độ của cộng sản bao giờ. Chàng không thích đời sống bấp bênh, không thích làm việc phiêu lưu, không thích những gì trái luật lệ. Nhưng vốn nhu nhược, chàng không hề cải, hay can gián Nhưởng. Nảy giờ, nghe Nhưởng khuyên Quảng đừng đi đăng ký để

học tập cải tạo là chàng bất bình rồi. Bọn nầy cứ ưa sống ngoài vòng pháp luật, làm chuyện gian dối, ưa qua mặt nhà nước và chính quyền mà không sợ cửa khám lúc nào cũng mở rộng.

Sắp tới giờ giới nghiêm. Ngoài đường phố, tiếng ồn ào sôi lên. Khách bộ hành bươn bả về nhà. Động cơ xe cộ rú lên từng chập. Nhà Minh ở tận Thủ Đức. Minh hối hận tại sao tối nay mình lại đến đây thăm Nhường, nên giờ đây đi thì cũng lỡ, ở thì khó yên. Vừa lúc chạng vạng, chàng tới đây gặp lúc Kim đang nấu cơm, và nấu món cà om với thịt ba chỉ, đậu phụ, đệm lá tần ô xắt nhuyễn. Giữa bữa ăn thì có một tên thanh niên trẻ tuổi mang tới một chai rượu ngâm rễ cây nhào và một bao cà ròn. Dù Nhường cầm hắn ở lại ăn cơm cho vui, nhưng hắn từ chối, viện cớ mắc việc phải đi ngay. Nhường điềm nhiên đặt bao cà ròn ở ngoài góc sân thượng, và rót rượu mời Minh,Quảng và Lạc. Mãi đến tuần trà, Minh mới biết là bao cà ròn kia đựng các con dấu để làm giấy tờ giả. Nhường bảo Kim nấu trà rồi soạn từng con dấu bằng đồng có, bằng gỗ có, bằng cao su có để làm các giấy đăng ký, giấy di chuyển, biên lai, thẻ, môn bài... Suốt một năm nay, Minh nghe mang máng là Nhường sống bằng nghề làm giấy tờ giả, nay tình cờ chàng mới mục kích. Minh vốn là bạn thân của Nhường, thuộc đàn em. Minh vì là con một khỏi đi lính hồi thời chế độ cũ. Nhưng ai cấm Minh mê những loạt phóng sự chiến trường của Nhường. Chàng lân la làm quen Nhường và xin được làm em kết nghĩa của Nhường.

Kim châm trà lần chót trước khi giăng mùng cho khách. Đó chỉ là cái mùng lớn vá nhiều chỗ, màu cháo lòng. Nàng trải chiếc chiếu đậu và vì không có gối kê đầu nên nàng phải dùng sách báo cũ, bọc một lớp vải dù màu đỏ gạch. Ba tên đực rựa chui vào mùng, mỗi người đeo đuổi một ý nghĩ riêng.

Giữa lúc Lạc mơ đến một thành phố xa lạ ở một nước nào đó bên Âu Châu, giữa lúc Minh mường tượng đến vùng kinh tế mới có nhà cửa san sát như bát úp giữa rẫy bái xanh tươi, giữa vườn cây đầm đầy bóng mát thì Quảng chợt lo lắng về cái bao đựng đầy con dấu. Mặc dầu Kim đã cẩn thận bỏ nó vào thùng rác lớn, phủ rác lên trên, nhưng ai dám bảo đảm cái rủi ro, cái hiểm họa không hề xảy đến? Cũng như Minh, Quảng là kẻ yếu đuối, chết nhát. Khác với Minh, Quảng hời hợt, sống cẩu thả trong khi Minh chăm chỉ, thích khuôn nếp trật tự. Lại nữa, ít khi Minh dám tự tin là cuộc đời mình được suông sẻ hoài. Bất trắc như lúc nào cũng đón đợi chàng. Chàng sinh vào tuổi Mậu Dần, can và chi xung khắc nhau, chi khắc ngược lại can, nên càng xấu hơn là can khắc chi theo chiều xuôi. Ngay lúc chàng và Mỹ Ngọc, em gái một cha khác mẹ của Minh yêu nhau đắm đuối, chàng thấy biển hạnh phúc bao la rợn ngợp quá, dễ để cho mầm mống ác hiểm lọt vào, tai ương như rình rập đâu đó.

Tuy khác tính nhau, Quảng phục và yêu mến Nhường. Bao lần chàng tự hỏi trong chiếc trán cao uy nghi và sáng nhuận của Nhường, trong đôi mắt vui rạo rực của Nhường đã thao thức những cảm hứng gì, những ý nghĩa gì mà Nhường lúc nào cũng thích hoạt động, thích giỡn với lửa, đùa cợt và va chạm với bất trắc. Hồi đi học tập ba tháng ở Trung tâm Huấn luyện Quang Trung, Nhường thích nhảy dù về Sàigòn vào chiều thứ bảy, thích ký sự vụ lệnh giả để qua mặt cán binh, cán bộ cùng huấn luyện viên. Nhường thích mua xe cũ để có dịp ra tay sửa chữa, thay pièce mới và khi xe chạy ngon lành là Nhường bán lại để mua một chiếc xe "xập ký nình" mạt rệp khác. Có một dạo, Nhường có nhiều tiền, đi mua một cái nhà ở trong cuộc đất của một kẻ thứ ba, tức là cuộc đất ấy không thuộc về người bán nhà và chủ đất đã bao lần hăm đuổi chủ nhà. Lại phải chạy chọt giấy tờ, lại phải điều đình, o bế chủ đất... mãi đến khi được nhà thì chàng thấy cái nhà ở xa chợ, bất tiện đủ thứ... Nhường lại bán nhà, tìm nhà mới. Nhường thích hoạt động, thích múa may trong hoàn cảnh nghiệt ngã. Năng lực của chàng phung phí vào những việc phiền toái vô bổ thế đó. Nhường xem tiền như rác, hầu như không thích giữ cho mình một món gì. Chàng vừa sắm một bộ côm lê áo bốn túi bỏ ngoài quần theo kiểu côm lê mà ông Hoàng Đức Nhã thường mặc, thì có thằng bạn tới mượn rồi cuỗm luôn. Nhường chỉ cười, mặt tươi rói và hồng hào: "Ừ, thằng đó cũng cao lớn, mặc bộ đồ đó coi cũng bảnh trai vậy". Nhường với tiền lương hạ sĩ dĩ nhiên không đủ ăn tiêu — tiền lính thì tính liền vào đầu tháng. Chàng viết báo dân sự lậu, vì trong quân đội có ra chỉ thị cấm các ký giả khi vào lính rồi thì không được phép hành nghề. Viết báo lậu cũng không khá, Nhường còn một cái nghề làm áp phe. Chàng làm quen với các nhân viên tay gộc, tay tổ trong Giám Sát Viện, bao cho họ nhậu nhẹt để họ cho chàng hồ sơ các tay cầm đầu địa phương tham nhũng trong lãnh thổ Quân Khu 3: những ông tỉnh trưởng kiêm Tiểu Khu Trưởng, những ông Quận Trưởng kiêm Chi Khu Trưởng, những ông Phó Hành Chánh Tỉnh, những ông Phó Hành Chánh Quận, những ông Tiểu Khu Phó, những ông Chi Khu Phó, các ông Trưởng Ty, Trưởng Chi v.v... Nắm đầy đủ hồ sơ của họ, Nhường tìm đến họ giao du rồi xin xỏ tiền bạc của họ. Họ đành phải đóng tiền hối lộ lại chàng vì họ sợ nếu làm phật lòng chàng, việc tham nhũng của họ sẽ bị phanh phui trên báo. Kèm thêm cái nghề tống tiền kiểu đó, chàng còn đem những kẻ mà chàng quen biết bị đi tác chiến, kẹt ở các tiền đồn lọt vào điểm nóng gửi gấm họ, yêu cầu họ phải kéo những người nầy về làm việc ở văn phòng. Dĩ nhiên, là để đền ơn chàng, anh lính tác chiến được "lính kiểng hóa" phải có "một chút gì đó" để tặng chàng và đương sự cũng thừa biết chàng thích hiện kim hơn hiện vật.

Quảng thường được Nhường tâm sự:

— Tao có linh cảm rằng mình không có thọ mạng. Cứ việc đùa bỡn, cứ bày trò chơi. Phải là một ngọn pháo bông. Đừng làm ngọn đèn chong, buồn lắm.

Dường như, Nhường tới đâu là nhiều cánh cửa thường thường mở rộng cho Nhường tới đó. Chàng chỉ đặt chân tới từng ngưỡng cửa, ngắm nghía, thích thú, nhưng không chịu vào. Có tiền là phải ăn tiêu, phải rộng rãi với người chung quanh. Kiếm tiền càng khó, chàng nhậu càng ngon. Đùa với bất trắc, chướng ngại càng nhiều, chàng viết phóng sự càng hay. Mùa hè 1972; chàng đã dám xông pha mạo hiểm vào An Lộc để bắt tay tướng Lê Văn Hưng. Chàng đã cùng một nữ ký giả người Pháp mặc áp giáp, nón sắt, trên quốc lộ 73 đi đến Chơn Thành. Tới đây, cả hai đều bị trúng miểng đạn pháo kích nhỏ ở vai, phải lộn trở về Quân Y Viện. Sư Đoàn 5 dưỡng thương suốt một tuần lễ. Chàng về Quân Đoàn rồi xin phép về Sàigòn một tuần lễ để khai thác các tin chiến sự (thắng lợi dĩ nhiên) ở trên các hệ thống truyền thông, nhất là trên báo chí. Lợi dụng thời gian nầy, Nhường đến khách sạn Majestic thăm cô nàng ký giả, sống với cô ta một tuần lễ. Có trải qua sự bất trắc, Nhường mới cảm phút làm tình với cô ta ngọt ngào và nồng mặn biết bao.

*
* *

*T*rời càng về khuya, sau giờ giới nghiêm, khu phố càng lặng ngắt. Bọn an ninh đang đi tuần tiễu ở các ngõ hẻm, ánh đèn bấm chốc chốc rọi lên kẻ vách trên căn gác, sáng lóa. Kim cũng thao thức, sợ "tụi nó" đến xét nhà. Nàng nằm ngửa, mắt dán lên nóc mùng nhuộm vàng ánh đèn chong. Tiếng súng va chạm vào bao đạn lách cách theo nhịp bước đi của toán tuần tiễu như sắt nhọn hơn giữa thời điểm lặng ngắt như tê điếng nầy. Tự dưng, Kim thấy nghị lực và não cân mình như dãn ra, như một sợi dây cao su cũ đã nhão, như một cái lò so đã mất tính co giản...

Năm năm chung sống với Nhường, nàng đã đương đầu với cơn đói lạnh đe dọa khi miền Nam chưa lọt vào tay cộng sản. Giờ đây ngoài ám ảnh lo sợ về đói lạnh, nàng còn cảm thấy biết bao là tai họa đang rình rập Nhường và nàng. Kim thừa biết, với bất cứ chế độ nào, với bất cứ hoàn cảnh nào, Nhường cũng muốn thử thách, đương đầu, lao vút tới để đùa bỡn, tìm hứng thú. Cái hứng thú, cái lao vút của chàng mãnh liệt quá, như một trận lốc, như một cuồng lưu làm nàng lao đao... Không tài nào đuổi kịp.

Kim sực nhớ là vào trưa ngày 29-4-75, Nhường đã cả gan lên gần phi trường Tân Sơn Nhất và vùng Tân Sơn Hòa, dù là Việt cộng pháo vào hai vùng đó tơi bời. Chàng chở về nhà nào là pick up, tivi, radio,

và trăm thứ lĩnh kỉnh khác. Kim cằn nhằn:

— Sao anh không đưa em đi xuống tàu Mỹ hay tàu Đại Hàn để rời bỏ cái xứ sở đầy tai ương, hoạn nạn nầy?

Nhường không trả lời, cứ tiếp tục chia của cho mấy người thiếu thốn trong xóm. Trừ một số bạn. Chàng cũng đã xông pha vào Long Khánh trong những ngày Long Khánh hấp hối trước đà tiến chiếm của cộng sản, để móc gia đình một người bạn ra khỏi vùng tử chiến rồi đưa về Biên Hòa. Chẳng phải vì chàng động lòng khí khái, hay trước sự van vĩ của bạn. Chàng muốn đi Long Khánh vì chàng đã nằm ở Sàigòn suốt một tuần lễ rồi. Chàng bảo rằng phải đi Long Khánh để được uống rượu với tướng Lê Minh Đảo... lúc đó làm Tư lệnh Sư đoàn 18, đóng ở Long Khánh.

Trong xóm trước kia có vài thanh niên có dáng dấp nữ tính muốn trốn lính... Chính Nhường xúi chúng cải trang làm phụ nữ, đưa tiền tụi nó đi bơm vú, mua folliculine cho chúng tiêm để không mọc râu và rụng long chân. Rồi sau khi Sàigòn lọt vào tay cộng sản, chính Nhường lại xúi chúng vẫn ăn mặc theo phụ nữ, dụ khị tụi cán bộ, bộ đội hảo ngọt đến chỗ hẹn để lột đồng hồ và tiền bạc của tụi nầy. Cách cướp giựt đó lại được bọn du đảng bên Thủ Thiêm hâm mộ, mãi đến khi cái ổ điếm giả ở Thủ Thiêm bị phát giác, Nhường mới bỏ cuộc. Quả thật, Kim mệt đuối sức rồi. Tóc nàng đã có nhiều sợi hoa rám.

Kim nhích xa Nhường một chút. Toán tuần tiễu đã đi qua. Tiếng bàn tán của chúng xa dần và mất hút của cuối hẻm. Nhường đã ngủ. Ba người khách cũng đã ngủ. Nhường ngủ rất ngoan, không lăn trở nhiều, ngáy rất sẻ, nhịp thở điều hòa, khoẻ khoắn. Tự dưng, Kim cảm thấy hờn giỗi, và ganh tị trước sự vô tư của Nhường.

Kim mồ côi cha mẹ hồi 10 tuổi, phải ở với người chị con nhà dì tên Manh. Manh vốn là đầm lai, có một cuộc sống hết sức phóng đảng. Khi Mỹ bắt đầu tham chiến ở Việt Nam, Manh dắc Kim theo chân lính Mỹ đi khắp lãnh thổ quân khu 3, từ Phú Giáo qua Củ Chi, trở về Bình Dương và lên tới Biên Hòa. Khi cả hai về tới Biên Hòa thì Mỹ cũng bắt đầu rút quân về nước. Manh bảo rằng ở Biên Hòa, Manh mến cảnh, mến người vẫn nhớ tiếc cái không khí bán bar nên Manh vẫn mở các quán rượu để có dịp tiếp xúc với "nhà binh". Manh mê đất Biên Hòa vì Biên Hòa có phi trường, có lính không quân cao to tròm trèm với lính GI, và có lẽ cũng hào hoa phong nhã. Kim theo Manh trôi nổi khắp vùng lân cận ở tỉnh Biên Hòa, từ Hố Nai đến Phước Hải, qua Tân Mai, sang Cầu Ghềnh, Cù Lao Phố và sau cùng Manh dọn ở hẳn trước rạp hát Biên Hùng. Manh giống đầm khá nhiều, nhưng Manh thích tóc mình vàng óng để có vẻ sexy hơn, và đầm hơn. Mái tóc vàng nhuộm bằng eau oxygénée của Manh có ánh phản chiếu màu hung hung đỏ, trong khi đó mái tóc vàng tự nhiên thì

có ánh phản chiếu màu xanh xanh...

Nhường và Quảng đến quán nhậu của Manh vào một ngày đầu tháng. Cả hai từ sáu giờ chiều tì tì nhậu cho tới gần giờ giới nghiêm, tiêu thụ cả một két la-ve ba bốn món nhắm thịnh soạn. Đêm đó, Nhường về ngủ ở Bộ Tư Lệnh của quân đoàn. Sáng hôm sau, Nhường đơn thân độc mã tới quán nhậu của Manh, tống tình Manh, ve vãn Manh. Manh mời Nhường ăn cơm trưa và rồi họ trở thành nhân tình nhân ngãi nhau suốt nửa năm trời. Trong thời gian đó, Kim vẫn là cô em họ của Manh kiêm kẻ phục dịch cặp nhân tình nầy. Dan díu với Nhường, nhưng Manh vẫn giao du với các sĩ quan không quân, rồi mở thêm câu lạc bộ ở căn cứ Long Bình, đi đi về về Biên Hòa. Kim vẫn thay chị coi sóc quán nhậu. Nàng vẫn mờ nhạt, gầy gò, chìm khuất trước sự sinh động và nhan sắc của Manh. Nhưng một hôm, vắng Manh, Nhường tới quán rủ Kim về Sàigòn ở với chàng. Kim không khách sáo, đưa đẩy, cứ thản nhiên nhận lời. Cả hai cùng thú thật với Manh. Sau trận gầm rít vì tự ái bị tổn thương, Manh lấy ba lạng vàng tặng Kim, bảo:

— Hãy cầm lấy. Khi nào thằng Lưu Linh Miễn Tử đó bỏ mầy bơ vơ giữa đường thì về đây với tao.

Từ đó, Kim sống bữa no, bữa đói theo Nhường. Chàng vì kẹt trong quân đội, không chính thức làm biên tập viên cho một tờ báo nào. Nghề tống tiền, nghề kéo lính tác chiến về văn phòng cũng không mấy khá vì Nhường có nhiều địch thủ vốn là các tên chủ báo nắm sẵn tờ báo trong tay nên dễ "nổ" dễ hăm he bọn quan lại tham nhũng hơn chàng. Chỉ chung sống với Nhường chừng hai năm, Kim phải phá thai một lần và đổi thuốc ngừa thai một lần. Song thuốc ngừa thai nào mà nàng đã và đang dùng cũng hành hạ thể xác nàng, làm nàng càng ngày càng gầy nhom như sợi chỉ. Có đôi lúc, Kim hỏi dọ ý Nhường về đứa con, về tổ ấm... Nhường có vẻ mơ màng:

— Có một đứa con cũng hay đó. Nhưng phải có tiền để mua nhà đã chớ. Em đừng có gấp, tụi mình hãy còn trẻ mà.

Kim tức mình lắm. Nàng đã hai mươi lăm tuổi trong khi Nhường đã gần bốn mươi rồi. Người như Nhường nếu kiếm được tiền thì tiền đó đâu thể ở yên trong túi chàng; ở lâu chắc chúng thành rắn thành rít chăng? Bởi đó chúng phải chui ra, nếu không biến thành rượu và thức nhắm thì cũng bị vun vải cho lũ bạn bè cà chớn của Nhường. Có tiền là Nhường bày ra nhậu, ai có đến xin, chàng cũng cho. Mỗi khi Nhường đưa tiền cho Kim, là nàng đến ngay tiệm tạp hóa, kéo về một bao gạo và hai tĩn nước mắm. Vậy mà hễ có ai đến xin, hoặc mượn (của mượn ít khi được bồi hoàn lại khổ chủ) chính Nhường đích thân đong gạo và chiết nước mắm ra chai xá xị để biếu đương sự. Nhường thường tuyên bố:

— Mình ăn thì hết. Người khác ăn thì còn. Mất mát gì đó .nà sợ.

Kim tuy chán đời sống chung với Nhường, tuy oán ghét Nhường, nhưng trong thâm tâm, nàng mê say Nhường, thấm đậm trong nỗi đắng đót, nhức nhối. Nàng không hiểu trong huyết quản của tấm thân cường tráng kia, giòng máu gì, chất men gì luân lưu để cho Nhường hoạt động xôn xao trước hàm chó vó ngựa, trước cạm bẫy của cuộc đời. Định mệnh đã nhiều lần dung túng cho chàng để chàng phiêu lưu mạo hiểm mãi chăng? Ít ra cuộc sống của Nhường cũng có vài điểm khích thích gì đó, con người chàng cũng có vài điểm quyến rũ gì đó để nàng không thể rời bỏ được chàng. Ở con người Nhường, Kim đã thấy hai nét đối nghịch nhau. Nét mặt chàng giản nở, êm dịu. Nét mỉm cười thật thanh thỏa, nhẹ nhàng. Vầng trán mịn màng, trắng trẻo và cao ngạo, uy nghi kia như sáng ngời lên bởi những ý nghĩ cao thượng và thanh khiết. Nhưng cũng ở khuôn mặt đó, nụ cười đó, vầng trán đó, có một chút gì hơi ngậm ngùi, man mác chập chờn thoáng hiện, giống như một tia chớp tắt, phải tinh mắt lắm ta mới bắt gặp. Đôi lúc Kim có cảm tưởng Nhường trong niềm sung sướng, hồn nhiên có lảng đảng nét uể oải, u uất mà chính chàng cũng chỉ trực cảm một cách mơ hồ. Nàng biết lắm, chính mình cũng bị hai nét tương phản trên khuôn mặt của Nhường thu hút.

*
* *

Gần ba giờ sáng, giữa lúc Kim đang say ngủ thì Nhường bị một cơn ác mộng xô ra khỏi giấc ngủ nặng nề trong tiết trời oi bức. Ác mộng đó hơi mơ hồ, nhưng mường tượng lại, chàng có thể mang máng nhớ là mình đang ở trong một căn phòng, cửa khép hờ. Ngoài phòng có tiếng chạy sầm sập mà chàng nghĩ đó là những con ác thú sắp tông cửa bước vào. Chàng cố sức đóng giữ cánh cửa. Áp lực bên ngoài càng lúc càng mãnh liệt hơn. Bao nhiêu cố gắng của Nhường yếu dần... yếu dần... một cách thảm hại. Rốt cuộc áp lực kia đẩy được cửa ùa vào bằng một vũng đêm lênh láng úp chụp và xóa nhòa chàng. Chàng thu tàn lực ngoi lên, và sau rốt chui ra khỏi giấc ngủ chập chờn cơn váng vất.

Phải nằm một hồi lâu cho thần trí minh mẫn, Nhường mới ngồi dậy được. Đêm càng yên tĩnh, tiếng ngáy của Kim và ba người khách càng rõ rệt. Trời vào lúc nửa đêm về sáng vẫn oi bức. Chắc là sắp chuyển mưa. Nhường bước lại khung cửa sổ. Bầu trời lớn vớn những tảng mây trắng. Con trăng mười ba âm lịch vẫn chưa tròn đầy, lạc lõng giữa mây đùn cuồn cuộn. Bỗng Nhường cảm thấy miệng khô, lưỡi đắng, khi nghe ở cuối xóm có tiếng gì như là tiếng đập cửa. Bọn an ninh gõ cửa, xét nhà đó chăng? Tay chàng nắm chặt lấy viền cửa,

cảm thấy trong lòng bàn tay của mình, mồ hôi nhớp nháp vả ra. Miệng khô, lưỡi đắng, lòng bàn tay vả mồ hôi: trời ơi, đây là triệu chứng của sự sợ hãi!!!

Không biết từ bao lâu rồi, Nhường cảm thấy trên dòng đời chàng không còn tìm cái hứng thú trong việc đương đầu với bất trắc, cam go nữa. Chàng đã biết sợ, không hiểu vì sao? Nhưng Nhường coi đó là một nết xấu hổ, cái nhược điểm, cái điểm nhột, cần phải che giấu. Chàng biết sợ tức là chàng cũng biết não cân của mình không còn tốt, chẳng còn dẻo và rắn nữa. Tinh thần chàng bắt đầu suy nhược. Cái sức mạnh dẻo dai của tinh thần chàng năm xưa như cây thông hùng tráng vươn cao, giờ đây như bị một cơn gió quật ngã rạp để cho cơn sợ hãi quấn quít vào như dây bìm, dây sắn.

Nhường có ý định bắt đầu từ mai, sau khi chuyển các con dấu đi nơi khác, chàng sẽ đi ra ngoài vỉa hè đường Lê Lợi mua tất cả sách xem tướng, xem chỉ tay, xem bói bài tarot về nghiên cứu và sẽ hành nghề bói toán một thời gian, trước khi tính chuyện làm ăn khác. Dân chúng thời buổi này đang thiếu thốn, đói khát, họ cần biết tương lai có thay đổi chăng? Kẻ có người thân đi học tập cải tạo cũng muốn biết người thân mình còn hy vọng được phóng thích chăng? Kẻ muốn đi chui cũng muốn biết cuộc vượt biên của mình có thành công chăng? Bói toán, xem quẻ, đồng cốt giờ đây gải đúng vào chỗ ngứa của từng tấm lòng khoắc khoải, mong đợi, hy vọng...

Nhường lắng nghe tiếng động suốt dài theo con hẻm. Không có gì khác hơn là sự yên tĩnh mịch bao la trong giờ giới nghiêm. Mới nẫy, chàng "dường như" nghe có tiếng đập cửa... Chỉ "dường như" thôi. Thật ra, chàng không dám chắc mình "đã nghe" có tiếng đập cửa. Trời ơi, phải chăng đó là tiếng đập từ trong lồng ngực của quả tim? Phải chăng đó là tiếng từ ảo giác? Nhường lờ mờ nhận biết từ những lần cảm thấy mệt mỏi, chán chường, lười biếng, chàng thường "nghe" được tiếng kêu la, tiếng đạp cửa từ ảo giác. Có đêm, đang ngồi uống trà và trò chuyện cùng Kim, chàng "có nghe" tiếng ai gọi chàng bên ngoài cầu thang. Chàng mở cửa bước ra sân thượng. Chẳng có ai cả. Chỉ có ánh trăng màu tái ngắt trải trên nền xi măng loang lổ, trên bao lơn nước sơn màu sữa trắng. Và thỉnh thoảng, chàng vụt sợ hãi, kiệt quệ, không muốn là gì nữa hết, yếu đuối cho đến độ ngồi không nổi, mà nằm cũng không an. Mồ hôi lạnh ngắt đẫm mình mẩy chàng. Tuy nhiên cơn sợ đó chỉ kéo dài mấy tiếng đồng hồ. Nếu nó kéo dài chừng một ngày. Chắc chàng sẽ tự tử mất.

Nhường ngồi vào ghế bành, đợi cho cơn sợ trôi qua. Chàng mở quyển sách xem chỉ tay ra, cố đọc từng chữ, dò dẫm từng đường vạch trên hình bàn tay phơi bụng... Nhưng cơn sợ vừa qua, như một cơn giông, thổi tan tác, tơi bời sự tập trung tư tưởng của chàng. Đầu óc

chàng giờ đây trống huếch hoác một cách kỳ dị. Chàng đành xếp sách lại, nhìn Quảng, Minh và Lạc ngủ trong mùng. Vẻ mặt thành thực hồn nhiên của Quảng cùng vẻ mặt cam phận của Minh làm Nhường chạnh lòng biết bao. Gần đây, Nhường thường có những lúc xúc động, mềm lòng, hay cảm khái mà trước kia chàng ít khi có... Từ khi biết mình yếu đuối, sợ hãi, chàng hết dám nghĩ tới chuyện gian dối hay qua mặt chính quyền nữa. Chàng đành phải gạt gẫm Quảng một cách nhục nhã, dụ khị Quảng kiếm người (như Lạc đây chẳng hạn) để đưa vàng cho chàng tổ chức cuộc vượt biển... giả. Chẳng có tên Phi, tên Phiếc nào hết. Chàng nghĩ rằng rồi đây Quảng sẽ giận chàng. Nhưng biết sao hơn? Thời buổi nầy mà, chuyện gì rồi cũng có thể xảy ra. Duy cái chuyện để lòi niềm sợ hãi của mình để cho mọi người biết đến, đối với Nhường sẽ không bao giờ có. Đó là niềm kiêu hãnh cuối cùng của kẻ ngã ngựa, niềm kiêu hãnh mà Nhường phải cố giữ như một chàng dũng tướng phải tử thủ thành trì bằng mọi giá trước sự tấn công ác liệt của địch.

*
* *

Quảng tuyệt giao với Nhường khi việc lừa gạt vỡ bể ra. Mười lạng vàng, ván bài chót để Lạc vượt biển. Tuyệt vọng, Lạc uốn nguyên tube thuốc Optalidon rồi nốc hai cốc rượu vào để tự tử. Quảng tự nghĩ rằng cái thâm tình giữa Nhường và chàng làm sao tái hồi, tái thiết khi có cái xác chết của Lạc chắn ngang? Đã đến lúc Nhường phải dùng công sức, miệng lưỡi ra để giải thích đính chánh với bạn bè quen biết chung của chàng và của Quảng. Nhưng, chàng cảm thấy mệt, thấy sợ hãi, chán chường, không có hứng thú gì để giải thích nữa hết. Vừa giải thích, vừa dò la phản ứng người nghe, trời ơi, công việc đó hèn mọn biết bao, nó chứng tỏ rằng chàng yếu đuối, phải cần đến sự tin tưởng, tha thứ của kẻ khác. Nhường đành dọn đi nơi khác. Chàng xin ở đậu một căn nhà người bạn khác ở đường Lê Văn Duyệt, gần Quân Vụ Thị Trấn cũ. Đó là một căn appartement trên tầng lầu hai. Suốt ngày Nhường nằm dã dượt, rồi bảo Kim đi lùng mua mấy truyện Chưởng Kiếm Hiệp của Kim Dung về cho chàng đọc giải khuây.

Riêng Kim, Kim cũng không cần hỏi Nhường về những vụ xoay tiền của chàng. Chàng nói thật hay chàng bịa, đối với nàng cũng vậy thôi. Nhường nào có coi giá trị đạo đức, lề thói ra cái gì đâu. Chàng cũng chẳng phải kẻ ác, kẻ hèn, chẳng phải vì lợi lộc, vì tham lam mà hại người. Con người của chàng khi ma, khi Phật, mà lúc làm ma cũng chẳng ma, lúc làm Phật cũng chẳng ra Phật... Nhưng giờ đây, Nhường cầu trời để sống, thế thôi. Kim phải đi đi về về nhà cũ lẫn nhà mới để khỏi mất hộ khẩu.

Có tiền, Kim mua sắm cho mình vài bộ vi cánh, mua cho Nhường một chiếc Honda đen. Nàng sửa soạn những bữa ăn tươm tất hơn, thỉnh thoảng nhậu và cụng ly với Nhường, để Nhường ăn nhậu hứng thú hơn. Nàng bớt gày gò, thân thể vóc dáng liền lạc hơn. Một buổi trưa hè, đang lúc thả người trong lòng ghế xích đu, Nhường chợt ngắm Kim ngồi bên khung cửa sổ chải tóc. Nàng vừa tắm và gội đầu xong, chỉ mặc cái áo tay cụt và chiếc quần cùng một thứ lụa trắng nổi hoa sáng như áo. Kim nhẹ nhàng, cẩn thận, cần mẫn đưa đẩy chiếc lược màu nâu lên mái tóc buông xõa quá khỏi vai, còn ướt nước. Cái áo không gài hai nút ở gần phía cổ, để lộ cái ức trắng mịn và chiếc cổ tươi mát. Kim đầy đặn, mơn mởn hơn hồi xưa. Nhường chợt buồn; nếu nàng chung sống với một kẻ có căn cơ, nếu nàng ăn uống đầy đủ, vẫn có cơ hội để béo đẹp hơn.

Nhường vụt cảm thấy lòng mình đau như cắt. Ôi, cái tình cảm (hoặc là cái cảm xúc) đó lúc trước chàng chưa hề "cảm thấy" rõ rệt, giờ in sắc nét vào tâm khảm chàng. Đã từ lúc chàng có cảm tưởng thần kinh mình suy nhược, chàng dễ xúc động, tấm lòng chàng thường dấy lên những cơn thương xót bất chợt... Rồi từ trong cõi ảo giác thăm thẳm và huyền bí, Nhường thường nghe tiếng đập cửa, tiếng gọi. Tiếng vọng âm u, ma quái đôi lúc làm chàng sợ hãi, toát mồ hôi. Đôi lúc, để tránh cơn sợ hãi, chàng dùng thuốc ngủ hoặc thuốc an thần. Có đêm, sau khi uống một viên barbiturique, chàng chìm dần trong một giấc ngủ nặng nhọc. Chàng mơ thấy mình lạc trong một cánh đồng gương sáng lóa. Chàng ngơ ngác giữa các tấm gương bũa vây chung quanh. Trên đầu chàng, bầu trời cũng biến thành gương. Chàng cố đập vỡ gương nhưng không tài nào đập nổi, nên không thoát ly ra khung cảnh quái đản đó. Rồi chàng thấy trên khắp các mặt gương, những khuôn mặt héo úa, tuyệt vọng, những khuôn mặt trí trá mưu toan, những khuôn mặt dớn dác, sợ hãi. Chàng mất bóng rồi sao? Trên các tấm gương kia, hình bóng khuôn mặt chàng đâu rồi? Nhưng vừa nghĩ tới đây, một tiếng vọng khủng khiếp vang bên tai (hoặc trong đầu?) chàng: "Những khuôn mặt này là hình bóng mầy đó".

Rồi Minh từ vùng Kinh Tế Mới trở về Sàigòn tìm tới chỗ Nhường và Kim đang ở. Minh cho biết rằng gia đình Minh đã đi chui được rồi, hiện ở Singapour. Minh đen đủi gầy ốm, da đầy lác và ghẻ ngứa. Kèm với chứng ghẻ ngứa là bịnh rét rừng, cứ mỗi ngày là Minh làm cử nóng lạnh hai lượt. Có Minh tới, Nhường mới trở nên sinh động hơn. Cái Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa đã đẩy Minh tới bước đường cùng rồi. Kèm với bịnh hoạn trên thân xác, tinh thần Minh sa sút thấy rõ. Nhường thở dài:

— Mầy "xệ" quá rồi. Như cái xác chết chưa chôn.

Thì ra vùng Kinh Tế Mới Khánh Hưng là vùng đất chai. Người dân lên đó lập nghiệp được chính quyền cấp cho một tháng gạo và hai lít muối cùng một căn chòi lợp tranh, bốn mặt trống huếch hoác. Họ phải vào rừng đốn tre nứa để làm vách, có người bị vướng mìn bẫy của Mặt Trận Giải Phóng để lại. Lại nữa, nơi đây lại dành cho đồng bào thiểu số mà chính quyền cộng sản moi móc từ buông, từ bản trong rừng sâu ra. Nhưng lúc đầu, Minh cũng như bao người tới đó tự nghĩ rằng mình phải khắc phục nỗi khó khăn lúc đầu, rồi ra khi đất đai có hoa màu thì cuộc sống sẽ dễ dàng hơn, tiến nhanh theo đà tái thiết của đất nước. Nào dè, Khánh Hưng là vùng đất gò cao, họ đào suốt 10 thước mà không tìm được mạch nước. Lại nữa, chính quyền địa phương đi lùng những người Thượng vừa nhuốm bịnh phun hủi ở trong hốc rừng sâu gom về vùng Khánh Hưng, bảo phải lo tăng gia sản xuất, chứ không chịu đưa về trại cùi Bến Sắn!

Minh hăn học:

— Thứ quân dốt nát, tham lam, tàn nhẫn luôn luôn đem con bỏ chợ. Hễ tụi nó thấy chỗ nào trồng trọt khá, cây trái, rau cỏ sum suê là muốn cướp giựt bảo người chủ miếng đất là đất vừa khai thác đó dành để làm hãng xưởng rồi bắt "người ta" dời vào rừng sâu để canh tác. Làm gì có vụ lập hãng xưởng? Lấy đất đã canh tác sẵn của kẻ khác rồi tụi nó cất nhà ngon ơ....

Có sự hiện diện của Minh, Nhường bớt ù lì, chán nản. Chàng đi lên miệt xã An Phú, gần ven sông Sàigòn hái lá sầu đâu về nấu nước cho Minh tắm để trị ghẻ ngứa. Ghẻ vẫn không bớt. Hàng xóm khuyên Nhường lấy thuốc xịt muỗi chấm vào những mụt ghẻ. Ghẻ phải chịu thua... Nhờ ăn uống khá đầy đủ, nhờ tịnh dưỡng, Minh mới đỡ gầy yếu, tinh thần phục hồi. Rồi Minh từ giã cặp Nhường và Kim để tìm người em gái ở Rạch Giá.

Tháng sau, lá thư Minh từ Singapour gởi về, báo tin đã liên lạc được với gia đình mới định cư trên đất Mỹ.

Khi Minh đi rồi, Nhường càng lúc càng xuống tinh thần. Cơn sợ hãi và ảo giác mạnh hơn, nhặt hơn. Chàng càng nuốt thuốc ngủ, càng bất an. Mùa mưa lê lết kéo qua. Kim phải đứng ở chợ trời mua bán trong lúc Nhường nằm nhà hết đọc bộ chưởng Kim Dung nầy sang bộ chưởng Kim Dung khác. Chàng phải làm giấy cư trú ở nhà chủ nhà mới, phải lo lót tụi ủy ban nhân dân phường, lo lót tổ trưởng để được ở chỗ mới lâu hơn. Rồi chàng cùng Kim trở về chỗ ở cũ, cho hợp thức hóa chuyện cư trú.

Một hôm, giữa lúc Nhường đang trùm chăn và phấn đấu với cơn sợ hãi mơ hồ, giữa lúc Kim đang nhóm bếp nấu cơm thì Manh tới, áo dài màu hoàng yến, son tươi, phấn mịn. Manh la:

— Trời ơi, sao mà lúc nầy con nha đầu Kim béo đẹp, sexy quá

trời. Còn cái thằng cha trôi sông lạc chợ nầy gày gò, hốc hác như bị ho lao thổ huyết. Rõ ràng là tốt mái hại trống, ông bà mình nói có sai đâu.

Rồi Manh rầy Nhường:

— Con người chì đá, chai sạn của anh đâu rồi? Sao lại trùm mền như vậy thì còn gì là hình ảnh hào hùng đã từng chiếu sáng tâm khảm em? Anh hãy tốc mền , đứng dậy và đi tới. Cuộc đời mà anh. Nếu mình nằm hoài thì đời nó bỏ xa mình, hất hủi mình. Tủi lắm! Thảm lắm, anh à.

Manh hạ giọng, sau khi nguýt Nhường và Kim một cái thật bén:

— Mà có đi tới thì đi xuống Rạch Giá rồi ra ngoài biển, đông ra nước ngoài... Em tổ chức cuộc "chui". Anh và con Kim không phải lo gì hết.

Rồi Manh ngó qua Kim:

— Thằng chả là của tao, tao phải đòi lại. Mày xài nó mấy năm nay tả tơi xơ mướp rồi. Kim buồn rầu :

— Của chị đó, chị muốn ăn tươi nuốt sống gì đó thì mặc sức. Trọn năm nay ảnh như cái xác chửa chôn, không hiểu tại sao?

Họ sống bằng mối tình tam giác suốt tuần lễ, vừa yêu đương và bàn tính cuộc chui. Nhưng Nhường đã suy nhược thấy rõ, không muốn gì nữa hết. Chàng để mặc cho Manh và Kim bàn tán, trù tính. Họ chỉ đợi ngày đi xuống Rạch Giá. Nhưng một đêm, Nhường choàng tỉnh dậy, nghe tiếng kêu, tiếng đập cửa. Ảo giác đó chăng? Chàng bước lại cửa sổ nghe ngóng. Nhưng mà ở dưới cầu thang bắt lên sân thượng đã lô nhô vài ba bóng người. Nhường không cần phải hiểu bọn an ninh đến đây bắt chàng về tội gì. Chàng yếu đuối cho đến nỗi không buồn cân phân, suy nghĩ gì hết. Giá có ai bắn chàng chết tươi thì chàng cũng chẳng tiếc gì hết. Bọn người bước lên gác, điệu theo một thanh niên bị trói thúc ké. Trời ơi, đó là Kình, tên a tòng với Nhường làm con dấu giả và giấy tờ giả. □

BẠN MUỐN TÌM CỔ THƯ VÀ KỲ THƯ
HÃY LIÊN LẠC VỚI

Asia BOOKS

P.O. BOX 873
CARBONDALE, ILLINOIS 62901
Điện thoại: (618) 457-7133

Nguyễn Thị Hoàng Bắc

đôi ngả

tặng Q.N

Chàng với tôi nay đã
Đứng hai bên bờ sông
Chàng về sang bên ấy
Theo con nước ngược giòng.

Giòng đời vẫn cuốn tôi
Một con nước trôi xuôi
Tôi chưa bẻ ngòi bút
Buồn chỉ đánh đàn thôi.

Hỡi ơi người trong mộng
Mộng lý tưởng mộng đường
Đi con đường lạc lõng
Mái tóc chiều pha sương.

Nhan sắc đã về chiều
Đời mình đâu phải thế?
Tỉnh mộng tan mê rồi
Giật mình, vâng đã trễ!

Ngu Yên

Chiều nhậu chả giò ở Houston.

Em hãy ra chợ mua ràng bánh tráng
Để cuốn đời anh vào cuộn chả giò
Hãy nhớ mua tương và nước mắm
Để chấm hờn anh ngàn nỗi âu lo.

Thêm rau cỏ cho xanh tình khô héo
Thêm rượu bia cho trôi hết ưu sầu
Chút dòn rụm, tương rau, nhai ngấu nghiến
Cắn nát đời này, tiêu hóa đời sau.

Em hãy giúp anh ăn đời khắc nghiệt
Chấm cho mặn mà, nuốt cho trơn tru
Thêm ớt sống để khoái trào nước mắt
Và em ơi, ta nhậu giữa mịt mù.

Vi Khuê

Đọc thơ Ngu Yên

Đọc thơ người, dạ bồi hồi
Người sao giọng nói tiếng cười ngửa nghiêng
Chân đi ngất nghểu vòng xiên
Nửa say nửa tỉnh nửa phiền nửa vui
Mắng rồi lại chưởi, ôi thôi
Lại đưa tay vả má môi, ỡm ờ!

Đọc rồi, gấp sách, thờ ơ
Chợt nghe bi phẫn ngộp tờ giấy, loang...

Đàn ông thì được ngang tàng
Đàn bà thì phải dịu dàng, ai ơi!
Nghe ai khinh bạc nói cười
Giữa lòng ta, nỗi giận đời cũng tuôn...

Võ Đình

"Paris có gì lạ đâu em !..."

Tặng TTM.

Chừng nửa tiếng trước giờ được ấn định sẽ hạ cánh ở Paris, chiếc Boeing 747 bỗng nhiên chồm lên trụt xuống một cách đáng lo ngại. "Xin hãy thắt dây an toàn". Máy phóng thanh — những lời trấn an. Chiếc phi cơ khổng lồ rung mình một lần nữa, rồi yên thắm vút gió xuống dần, xuống dần, rồi có tiếng bánh rít trên phi đạo. Mấy trăm hành khách vỗ tay nhè nhẹ, bàng hoàng, biết ơn. Tôi nhìn ra cửa sổ. Thấp thoáng *đất Pháp* trong sáng tinh sương. Orly-Sud. Tôi ngẩn người: bởi vì sao mà tôi xúc động đến như thế.

Khi đã ngồi yên trong chiếc xe nhỏ xíu của người bạn đến đón tôi đi ngay nhà ga Austerlitz để lấy xe lửa xuống Bordeaux, khi đã nhìn thấy rõ những hàng cây rậm, những ngôi nhà mái ngói hai bên đường, tôi thấy rõ ràng, vừa ngạc nhiên vừa hơi xấu hổ, rằng nỗi xúc động ấy chẳng có gì là kỳ bí cả. Đó là nỗi xúc động của một *người về quê*. Tôi nhận ra nó, và tôi có cảm tưởng tôi vừa mất mát một cái gì, một cái gì vút ra đi ngun ngút, và để lại trong tôi chất vị khô và nhạt của tro tàn (tro tàn mà muốn thuở một lần vì tình cờ, vì bất cẩn, ta nếm phải rồi đưa tay quẹt phứt đi từ đầu lưỡi!). Chẳng lẽ đi xa lâu ngày mà khi quay về Paris tôi lại xúc động như một *người về quê* hay sao?

*
* *

Sau hơn hai tuần lễ ở vùng Bordeaux, tôi quay về Paris, nơi tôi xưa kia đã từng sống mười năm trời. Sau mười năm đó, tôi bỏ Paris ra đi. Và từ thuở ấy đến nay, trong thời gian hai mươi lăm năm, tôi chỉ quay lại có hai lần.

Chuyến trở về thứ nhất, năm 1976, tôi không kịp xúc động bởi vì tôi về một cách hết sức đột ngột. Chạy thoát khỏi Sàigòn tháng tư 1975, một người bạn thân của tôi đang nằm chờ chết trong nhà

thương sau một chuyến mổ não bất thành, đầu băng bó kín mít, miệng không thể nói, tay không thể viết. Bạn tôi đã chạy khỏi đất nước để rồi lạc vào một chốn *huis-clos* nào đó, và bao nhiêu tâm trí của tôi đổ dồn vào cả cái thảm cảnh của bạn tôi. Tôi quay về Paris mà uất hận cả một thế giới Tây phương đã lung lạc, rồi đã chấp nhận, và bây giờ dung dưỡng chúng tôi. Tôi nhìn Paris, *Sous le pont Mirabeau, coule la Seine - Et nos amours, faut-il qu'ils m'en souviennent? (*)* và tôi nguyền rủa, những nguyền rủa không lời.

1985. Tôi về lại Paris trong một hoàn cảnh khác. Tôi quyết định quay về một cách chóng vánh, nhưng không đột ngột. Trên đường từ phi trường Orly đến nhà ga Austerlitz, tôi nhìn những lòng đường lót đá vuông, những vòm cây *acacia*, những gác sắt *fer forgé*, những *Brasserie-Café-Tabac*. Tôi nhìn và tôi ngỡ ngàng thấy rằng thực tại đơn giản góp nhặt từng mảnh của quá khứ thật chẳng khác gì những viên đá vuông vắn lót đường còn lại từ thời Nã Phá Luân đệ tam...Trong bao nhiêu năm tôi đã suýt quên mất những con đường lót đá của lòng tôi, của nơi chốn tôi "vẫn sống, vẫn ăn, và vẫn thở" (**) trong mười năm trời, từ tuổi con trai đến tuổi trưởng thành.

Ba-mươi-lăm năm về trước, đêm cuối cùng ở Huế trước khi tôi vào Sàigòn lấy tàu thủy sang Pháp, cha tôi mở một chai rượu của người ta biếu để tiễn con. Tuy mới mười mấy tuổi đầu, tôi cũng nhận ra rằng cha tôi làm một cử chỉ phóng túng như vậy thật tình là để che giấu nỗi lo âu hoang mang trong lòng, khi vì hoàn cảnh phải để đứa con trai thương yêu ra đi xa hút ngàn trùng. Tôi bưng ly rượu nhỏ vào buồng chị tôi đang đau nằm thiêm thiếp. Tôi nhúng một đầu ngón tay vào rượu, rồi thớp nhẹ lên môi chị và nói: "Thôi, chị ở lại, em đi. Em phải đi nhưng em ức lắm chị ơi. Chứ mà em đi Paris có khác chi thời thế chiến thứ hai mà một thằng Tây con đi qua học ở Bá Linh không?"

Ấy thế mà rồi tôi cũng sang Paris, và tôi đã ở lại Paris mười năm trời. Rồi hôm nay đây, ba-mươi-lăm năm sau, tôi quay lại Paris khi bộ râu tôi đã bạc quá một nửa. Những con đường lót đá vuông, những gác sắt đài các, những giọt mưa phơi phới trên tàng cây *maronnier*... Tôi chợt nghĩ ra rằng Paris mà tôi yêu không phải là "kinh thành ánh sáng", không phải là "thủ đô văn hóa Tây phương", không phải Paris của Ile Saint Louis, Montmartre, Notre Dame, của Louvre, Montparnasse, cái Paris đã có quá nhiều triệu triệu người yêu nó rồi... Paris đẹp và tôi yêu Paris cũng không phải vì những kỷ niệm thuở thiếu thời, không phải vì tình tự còn mất của những người xưa cũ. Có lẽ tôi gặp lại Paris, thấy Paris quá đẹp, và yêu Paris còn hơn xưa nữa bởi vì Paris là thành phố duy nhất tôi đã sống qua trong đời ở đó *thời gian* diệu vợi, mông lung nhất. Paris là một đô thị vừa vĩ đại để làm thủ đô của một cường quốc, vừa chi li để trở về với kích thước của con người.

Xưa kia, hồi còn sống ở Paris, tôi chỉ yêu những khu phố đẹp, những con đường đẹp, những công viên đẹp, những tòa nhà đẹp. Bây giờ, tôi yêu tất cả. Trước kia tôi thường thích tản bộ từ góc Luxembourg xuống đường Monsieur le Prince, qua trường Y Khoa, về St-Germain-des-Prés (ôi, Sartre, ôi, Gréco!).

Ngày nay, tôi đi trên đại lộ Émile Zola, một đại lộ tầm thường, "bourgeois" hàng hai, mà lòng bồi hồi thấy rằng chính Paris đẹp nhất ở những nét tầm thường, đúng hơn, bình thường, đó. Bởi vì linh hồn Paris không chỉ phiêu diêu vấn vương trên đỉnh Notre Dame mà thôi, linh hồn Paris bàng bạc khắp nơi, ở đường Faubourg-St-Honoré hoa lệ cũng như ở ngõ hẻm Henri Barbusse khiêm nhường. Dĩ nhiên, Paris của 1985 có những tòa nhà chọc trời tân kỳ (tân kỳ hơn cả New York!) bên bờ sông Seine, có trung tâm Văn Hóa và Nghệ Thuật Georges Pompidou ở đường Saint Martin, có những cải tiến trong hệ thống tàu ngầm *métro*, có những tác phẩm Picasso và Rodin ở trạm Clémenceau-Champs-Elysées (tôi không nhớ chắc...), Paris lại cũng có khu xóm Á Châu, những tiệm ăn, tiệm vàng Việt Nam ở quận 13 — tất cả các thứ đó có làm cho Paris đổi mới không? Tôi nghĩ là không. Không, bởi vì tuổi tác Paris quá cao, Paris cang-qua nhiều lắm rồi, Paris giống như ông Năm trong *Nguyên Vẹn* của Võ Phiến: Paris "trải" quá mà !

*
* *

*M*ột chiều mưa, thứ mưa không ướt áo ướt đầu, tôi thẩn thơ (và mỏi mệt!) đi ngược đường Saint Jacques ở trung tâm xóm La-tinh. Đến góc Gay Lussac (tại một khách sạn ở đó tôi đã ngủ đêm đầu tiên trên đất Pháp), tôi rẽ phải để về đại lộ Saint Michel. Dọc theo công viên Luxembourg, phía tả, có nhiều hàng sách, thật nhiều sách. Tôi ngừng lại ngắm cái bìa thật đơn giản của cuốn *L'Amant* của Marguerite Duras đang bán chạy rầm rầm và được thiên hạ bàn tán rất nhiều. Tôi định bụng hôm sau sẽ mua để đọc trên đường về, vì nếu không mua biết đâu một ngày lại phải đọc dưới tựa đề... The Lover! Rồi tôi về Henri Barbusse.

Một con ngõ hẹp, sạch bong, và lặng như tờ. Người duy nhất cùng đi trên vỉa hè với tôi, gần như song song, là một ông già người Pháp, có thể là một "Parisien" trong 75, 80 năm qua: bộ còm-lê croisé sáu nút, đã bóng ở cùi chỏ, cái mũ dạ bạc mầu, đôi dày đen xưa cổ, tay xách cái lưới đi chợ, tay dắt con chó nhỏ, một con vá trắng đen. Một *pensionnaire*. Một ông lão lưng hơi còm, dáng đi buồn bã, đơn độc. Nhưng tôi nhận ra ngay, như tìm lại được một cố tri, nét chững chạc gần như kiêu hãnh của cái lỗ mũi chim ưng, của cái cằm "tạc đá hoa

cương"... Ngoài kia, đại lộ Saint Michel lếu láo diêm dúa có tiếng của bao thế hệ sinh viên thế giới, vang vang tiếng động cơ, tiếng chân người. Trong này, chỉ cách nhau chừng hơn trăm thước, con ngõ Barbusse tách rời ra, nhợt nhạt, im lìm. Tường nhà cao, vôi gạch loang lỗ, cửa sổ lá sách đóng kín, lặng lờ. Tôi đẩy cái *porte-cochère* nặng nề ở tòa cao ốc số 180.

Tôi thông thả leo cầu thang cẩn thận đếm từng cấp gỗ sồi lâu đời đến nỗi phần giữa trũng hẳn xuống và bóng loáng. Từng thứ năm, tôi dừng lại, hít một hơi dài, rồi thọc chìa khóa vào ổ, mở cánh cửa lớn sơn màu lá cây. Tôi đi thẳng qua cái *studio* nhỏ bé, đến mở toang cánh cửa sổ -- ừ mà đây cũng là thứ cửa sổ của các lối nhà tương đối mới ở Việt Nam, nhà "Tây", cửa sổ khép ở giữa, có quả nắm bằng sắt, bên ngoài có thêm hai cánh cửa lá sách. Nhìn kỹ thì thấy nước sơn đã bóc đi sơn lại không biết bao nhiêu lần... Ôi, những mái nhà Paris. *Les toits de Paris.* Những mái ngói, những mái *ardoise,* những ống khói gạch. Trong bầu trời xám ngắt cố hữu của Paris, ở xa, thật xa, có một vạt nắng chiều sáng ngời một nóc giáo-đường...

Một trăm năm trước, kinh đô Huế thất thủ, Paris về chiều có như thế này không nhỉ? Chiều về một ngày tháng tám, năm 1885, một chiều mưa lấm tấm, mưa không ướt áo ướt đầu, ở đâu xa đó trên đồi Montagne Ste-Geneviève kia có vạt nắng nào lóe sáng bất thần không nhỉ? Quê hương Việt Nam tôi, một trăm năm về trước... Ông nội tôi năm đó đã ba-mươi-lăm, một lương y trẻ tuổi ở huyện Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên. Bà nội hãy còn quá bé, chưa về với ông tôi, vì mãi đến năm ông tôi năm-lăm, 1905, mới có cha tôi! Từ huyện Hương Trà sang xóm La-tinh, Paris quận 5, một trăm năm về trước, không-gian đã trĩu nặng những giao hưởng âm vang nào, và thời gian đã chẳng chịt những rắm rối ngược xuôi nào? Và giờ đây, đứng nhìn vạt nắng rọi sáng nóc giáo đường như một ảo ảnh linh diệu, tôi có thể tự hỏi, tôi chỉ là một "phó sản" của cuộc luân lưu đoạn trường giữa hai dân tộc, hay tôi là ý thức hiện thân của một giải tỏa chủng loại và lịch sử?

*
* *

Năm từng lầu dưới kia, con ngõ Henri Barbusse vẫn im lìm hai màu trắng xám -- văng vẳng có tiếng vĩ cầm dạo bản *concerto en E mineur* của Mendelssohn. Sự tình cờ làm tôi choáng váng: hơn một phần tư thế kỷ về trước, tôi có người bạn theo học trường Quốc-Gia Âm-Nhạc Paris thường hay huýt gió đoạn đó như một "ám hiệu" mỗi khi đến chơi. Một lần nữa, hai câu thơ của Bùi Giáng lại lãng đãng quay về.

Trong cả mấy tuần lễ gần đây, hai câu thơ từ đâu trong trí nhớ cứ vật vờ quanh quẩn như một sợi tơ nhện vô tình dính phải trên mặt trên tóc mà phủi hoài không đi. Tôi có thể ngồi trong phi cơ phản lực vượt Đại-Tây-Dương, trong toa xe lửa với tốc độ một trăm mấy chục cây số một giờ, tôi có thể bước những bước thiền hành trên đồi cỏ dại còn đẫm sương mai, tôi đứng trong toa *métro*, ăn bánh trong một *brasserie*, xem tranh ở CACGP, thơ-thẩn ở Place de St Sulpice... Hai câu thơ ấy cứ bất thần trở về trong tôi với tất cả cái ma lực quyến rũ của một lời kêu gọi huyền bí nào đó mà tôi chỉ nghe được *phong thanh*, một thứ âm hưởng của khánh đá, khánh ngọc khẽ được đánh lên một nơi xa vời...

Chiều hôm nay, một trăm năm và một tháng sau ngày kinh đô Huế thất thủ, đứng trên lầu năm nhìn xuống con ngõ hẹp trong xóm La-Tinh của kinh thành Paris, đứa con xứ Huế chợt thấy rằng tâm thức của mình là một thứ *puzzle*, một trò chơi ghép mảnh quái gở. Những kỷ niệm, những dự tính, những âm thanh, màu sắc, hình tượng, hình ảnh, những từ, những điệu...

Rồi một lúc nào đó, khi đã hội đủ điều kiện, dồn lại những chất xúc tác cần thiết, là tất cả đống mảnh vụn đó, đống hỗn loạn đó rùng rùng quay cuồng, xào xáo tơi bời, rồi lắng dần, lắng dần, rồi mỗi mảnh nhỏ lả tả rơi rụng vào đúng vị trí đã được chỉ định của nó. Tất cả diễn biến chỉ trong phút giây. Trong mấy tuần lễ qua, hai câu thơ Bùi Giáng đã đeo đuổi ám ảnh tôi hoài chung qui chỉ vì ngay trước chiều hôm nay, thật ra tôi đã thấy, đã nghe rồi những gì đang xảy ra. Nói đúng hơn, chẳng có gì *xảy ra* cả; chỉ có những *gì đang có* đó mà thôi.

Tôi lắng tai, không còn thấy tiếng vĩ cầm réo rắt xa xa nữa. Thay vì tiếng đàn, tôi lại nghe được như thể chính giọng tôi thì thầm ngâm lên hai câu thơ ấy -- xướng lên hai câu thần chú ấy :

Ngõ ban sơ, hạnh ngân dài,
Cổng xô còn vọng điệu tài tử qua

Vài hôm nữa, tôi sẽ rời Paris. Và khi tôi quay lại bên kia, đất dung thân ở bên kia bờ Đại-Tây-Dương, sẽ có người hỏi tôi: "Paris có gì..." Em, thì xin em đừng bao giờ hỏi thế. Bởi vì, thật đó, Paris có gì lạ đâu em !

Võ Đình
Paris, 8/1985

Ghi chú của tòa soạn:
* *Thơ Apollinaire*
** *Thơ Nhất Hạnh.*

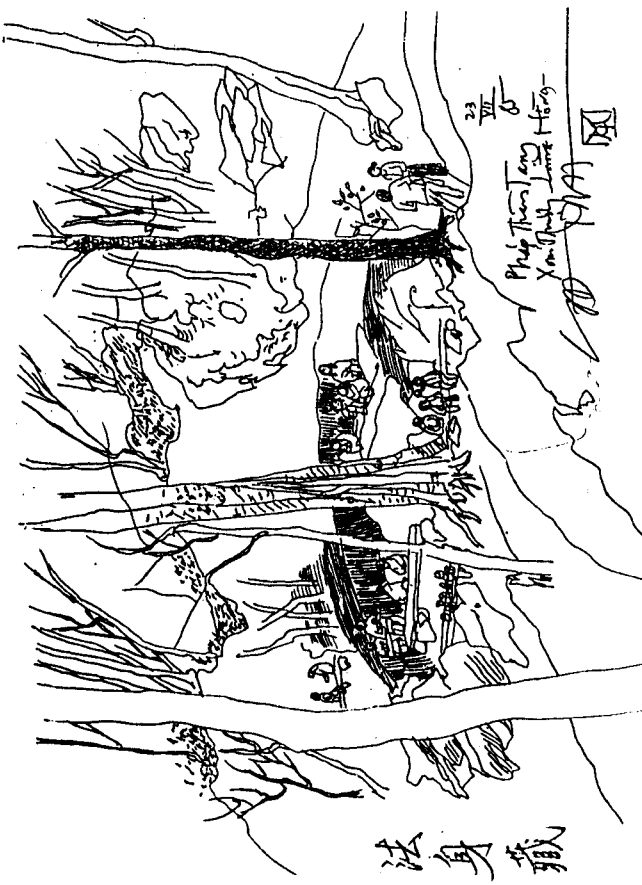

Pháp Thán Tang
Xóm Thượng Lang Hồng
Nét vẽ của họa sĩ Võ Bình

Thơ Đinh Tuấn
Nhập cuộc tử sinh

Nước non khổ đau tràn ra đó
Sao ta quanh quẩn những vai tuồng
Bắc Phong

Thôi chiều nay một mình ta lên núi
Tìm cây tùng nào đứng giữa si mê
Ta sẽ đến ngồi thiền trong khắc khoải
Vì trong ta hệ niệm vẫn trăm bề

Thanh kiếm gỗ vừa đẽo ngày hôm trước
Những mộng to, mộng nhỏ đã gửi vào
Ôi tất cả gói chung vào một bọc
Mang theo mình mà lên núi tiêu dao

Lên núi tiêu dao chỉ thấy sầu chất ngất
Bước quẩn bước quanh không thoát khỏi nỗi buồn
Ôi mơ mộng hão chỉ hoàn mơ mộng hão
Ai hẹn, ai thề? Mà lòng mãi vấn vương...

Nhớ xưa kia Kinh Kha đứng bên bờ Sông Dịch
Hào khí ngất cao ta ngưỡng mộ thật lòng
Thấy ta hôm nay chỉ là thân vô ích
Lỡ một cuộc tình mà hồn đã long dong...

Này thanh gươm gỗ, bao giờ mài cho bén?
Nhớ thuở người xưa khi mang kiếm sang Tần
Có Cao Tiệm Ly thổi tiêu buồn đưa tiễn
Áo trắng bi hùng ba ngàn đám khách tân

Còn ta thân trai dưới vành trăng non cũ
Sao vẫn ngồi mơ tìm thấy dải Ngân Hà
Đợi đến mùa Ngân nhìn Ngưu Lang, Chức Nữ
Bắt một nhịp cầu mà ngơ ngẩn xót xa

Ngưu Lang Chức Nữ trời chia giòng sông rộng
Nhưng cứ mỗi năm còn bắt được nhịp cầu
Mà nay ta vẫn còn riêng ta một bóng
Một bóng một hình là tình sẽ chôn sâu

Ôi buổi chiều nay một mình ta trên núi
Nhìn đám mây bay mà tha thiết nhớ người
Gió lên! Gió lên! Gọi tên Em lần cuối
Rồi khuất rồi chìm rồi chết giữa tim côi

Ôi ta! Ôi ta! Non sông ngàn nỗi khổ
Sao cứ quẩn quanh những hệ lụy riêng mình?
Chung quanh gươm giáo vang vang lời phẫn nộ
Máu lệ ngập tràn ngoài biển lớn điêu linh

Còn nốt đêm nay ta mang hồn lơ láo
Gọi ánh trăng đêm soi cho rõ bóng mình
Mai ta bẻ kiếm không còn mơ mộng hão
Sẽ bước xuống đời mà nhập cuộc tử sinh.

Viết cho ngày 11-08
Đinh Tuấn

Thơ Định Nguyên

Rót cho nhau những ưu phiền
Uống cho nhau những nỗi niềm đắng cay
Tặng cho nhau kiếp lưu đày
Hát cho nhau ngủ những ngày buồn tênh
Trả nhau tình thuở mới quen
Môi hôn mùa cũ còn mềm ngây thơ ?
Quên cho nhau những đợi chờ
Góp cho nhau những mùa thu phai tàn
Nói cho nhau những lời thầm
Để cho gang tấc nghìn trùng yêu nhau
Khóc cho người chết mai sau
Nụ hôn xanh cỏ nỗi sầu vàng cây.

Kiệt Tấn

Chú tiểu bìm bịp.

Bìm bịp kêu nước lớn anh ơi
Buôn bán không lời chèo chống mỏi mê

Ca Dao

Ra khỏi dốc rừng mai chú tiểu đặt chân trên khoảng đất trống bằng phẳng nhô ra giữa chân núi. Nói là chân núi nhưng cũng đã ở một độ cao lưng lửng vừa phải. Núi có tên là Tam Cấp, ở mỗi cấp có một khoảng đất de ra như bàn thạch. Tục truyền khi xưa có vị sư khổng lồ trèo ba bước, vượt tam cấp lên đến đỉnh núi.

Vị sư tìm được ở chót núi bộ "Chân Kinh Tối Thượng" tụng niệm ba ngày ba đêm rồi giác ngộ thành Phật.

Chú tiểu ngồi dưới một gốc mai trổ đầy bông, lau mồ hôi rịn trên trán. Mặt trời mới mọc, sáng dịu dàng. Nhìn xuống thung lũng chú tiểu còn thấy rõ rệt mái chùa của mình, mặc dù xúm xít quanh chùa là những mái nhà của dân làng. Mái nhà nào cũng lợp bằng thứ ngói đỏ màu gạch cua, nhưng trên mái chùa có cẩn con rồng màu xanh. Đây là mái chùa cẩn rồng, nọ là mái tục ngói đỏ. Phân minh rõ rệt.

Chiều hôm qua có con chim lạ màu đất về đậu trên khóm tre già sau chùa. Chim cất tiếng kêu "bịp... bịp... bịp...", chú lấy làm lạ hỏi sư phụ chim nọ tên gì mà từ nhỏ tới lớn chú chưa hề thấy. Sư phụ bảo chú ra sông coi thử nước ròng hay nước lớn. Chú chạy ra sông coi rồi về bạch thầy là nước lớn. Thầy bảo đó là con chim bìm bịp, khi nào nước lớn là bìm bịp kêu. Bây giờ là nước lớn. Chú hỏi sao sư phụ rành quá vậy? Sư phụ mỉm cười xoa chiếc đầu trọc mới vừa cạo lại còn bóng toanh của chú và kể chú nghe sự tích con chim bìm bịp :

"Khi xưa có một vị sư lặn suối trèo non để ra mắt Phật Tổ. Giữa đường sư gặp một tướng cướp vừa giết người mặt mũi hung ác. Sư giáo hóa tướng cướp. Tướng cướp hối hận tự đâm vào ngực mình lấy trái tim trao cho sư cúng dường Phật để mong được giải trừ ác nghiệp. Nhờ lòng thành tướng cướp đắc ngộ thành Phật. Nhà sư cất

quả tim trong tay áo và tiếp tục đường hành hương. Ba ngày sau quả tim sình thúi nồng nực. Khi đi ngang sông sư quăng trái tim tướng cướp xuống bờ sông rồi vội vã tiếp tục hành trình. Qua ngày sau sư yết kiến Phật Tổ. Phật hỏi sư có quên gì không? Sư lúng túng cúi đầu. Phật hỏi tiếp chớ còn tâm nhà người để đâu. Sư xấu hổ lui ra. Sư trở lại bờ sông tìm kiếm, nhưng nước lớn đã cuốn trái tim tướng cướp đâu mất. Sư buồn rầu ngã bịnh rồi thác. Sư đầu thai làm con chim bìm bịp, mỗi khi nước lớn chim cất tiếng kêu thảm thiết như muốn gọi trái tim trở về với mình".

Chú tiểu nghe chuyện lấy làm ngậm ngùi. Chú nghĩ nhà sư quả thiệt dại dột. Giá mà ai giao trái tim cho chú thì chú sẽ giữ khư khư đến khi nào chết thì thôi. Nhưng cũng từ đó chú bị ám ảnh bởi con chim bìm bịp và chuyện nhà sư khổng lồ. Chùa tựa lưng núi Tam Cấp. Chú mơ ước trèo lên chót núi để được đọc "Chân Kinh Tối Thượng". Chú ước mình là chim bìm bịp để bay lên núi.

Chú nghĩ vơ nghĩ vẩn. Đọc kinh chú chẳng hiểu gì. Càng cố gắng chú càng không hiểu. Chú nghĩ có lẽ mình chưa được soi sáng chăng. Chú bạch với sư phụ ý định leo núi của mình. Sư phụ bảo:

— Trong bếp đã hết củi, sao con không bửa củi?

Chú ngờ sư phụ lãng tai nên lập lại:

— Bạch sư phụ con muốn leo núi Tam Cấp.

Sư phụ đáp lại tỉnh bơ :

— Lu nước sau chùa đã cạn, sao con không xách nước cho đầy?

— Bạch sư phụ con muốn leo núi.

Sư phụ mỉm cười lửng thửng đi lên chánh điện dóng ba hồi chuông.

Chú lẽo đẽo theo sau, lãi nhãi:

— Bạch sư phụ con xem kinh mà không hiểu, nhờ sư phụ soi sáng.

Sư phụ đưa cho chú một quyển Chú nhỏ. Chú tiểu ra sau hậu liêu dở Chú ra đọc: *"Mộ đà ra nan địa ca yết ra ha. A lam bà yết ra ha..."*

Càng đọc chú càng chẳng hiểu ất giáp gì hết. Tuy nhiên chú có linh tính như mình đã hiểu một chút gì đó.

Sau hồi nghỉ mệt chú ngó lên núi thấy núi còn cao lắm. Chú phải tiếp tục ngay bây giờ kẻo khi chiều xuống mà còn lạng quạng là lạc đường. Chú đứng dậy phủi đít định bước đi bỗng có tiếng gọi:

— Chú tiểu! Chú tiểu!

Chú ngơ ngác nhìn quanh chẳng thấy ai, chú hỏi bâng quơ:

— Ai gọi tui vậy?

Có tiếng vỗ cánh rồi một con chim màu đất từ trên cao sà xuống đậu trên cành mai. Trên đỉnh đầu chim phát ra ánh sáng xanh biếc.

Chim nói:

— Chính ta đã gọi chú đó.

Chợt nhớ chuyện sư phụ đã kể mình nghe chú kêu thốt:

— À, ra là sư-bìm-bịp đó hả?

— Ta không phải là sư.

— Không sư thì cũng là bìm bịp.

— Ta không phải là bìm bịp.

— Không phải là bìm bịp vậy chớ ai kêu "bịp... bịp..." sau chùa?

— Chú kêu chớ ai kêu?

Chú đổ quạu:

— Tui đâu có kêu!

— Chú không kêu thì bụng chú kêu.

Chú nén giận, ngẫm nghĩ một hồi rồi nói:

— Vậy sư *không*... chim, *không*... À vậy ông nói bìm bịp không có hả ?

— Bìm bịp không có thì ai đậu trên cành tre sau chùa?

Chú lại nổi sùng gắt gỏng:

— Ôi thôi ông đừng có nhiều lời! Tui không có thì giờ để nghe lý luận lẩm cẩm của ông đâu. Ông nói thì ông hiểu.

— Ta đâu có nói!

Chú quay lưng bước đi. Chim bay theo chú gọi:

— Khoan đã chú tiểu. Chú leo lên đỉnh Tam Cấp phải không?

Chú ngần ngừ:

— Ở... ờ. Tui cũng định lên đó. Thôi tui đi đây.

Chim nằn nì:

— Chú đừng giận, ta muốn nhờ chú một việc nhân chú lên đó.

— Việc gì ông nói thử.

Chim sà đậu trên vai chú.

— Ta đây đã đọc hết kinh và óc ta đã ghi nhận đủ hết. Trí ta giờ là kim cương phát ra ánh sáng xanh, tuy nhiên còn phải hai điều kiện nữa ta mới huệ được.

Chú tò mò:

— Hai điều gì vậy?

Chim trầm ngâm một hồi rồi nói:

— Một là trình tim tướng cướp cho Phật Tổ. Hai là "Chân Kinh Tối Thượng". Ta muốn nhờ chú hai việc đó. Thứ nhứt là...

Chú tiểu ngắt lời:

— Tui đi tìm trái tim tướng cướp, phải vậy không? Bộ ông tưởng dễ lắm hả?

— Không dễ, biết vậy. Nhưng nhờ căn lành và duyên hạnh ngộ nên chú sẽ tìm ra. Còn nghe Kinh thì phải nhờ chú.

— Ông này nói lạ. Chính tôi ước mình là chim bay lên núi cho

mau để xem Kinh Tối Thượng.

— Chú không hiểu. Chính vì có ta đầy Kinh nên trở thành nặng nề không bay lên núi được. Vì vậy ta mới nhờ chú mang trí ta lên núi và đọc Kinh cho trí ta nghe, ta bỏ xác lại đây.

Chú tiểu dẩy nẩy:

— Ông xúi dục tui sát sinh hả?

— Đâu có. Bề nào ta cũng phải trả xác lại cho trời đất. Ta chỉ muốn nhờ chú mang khối óc ta theo chú. Khi nghe Kinh Tối Thượng, óc ta sẽ phát hào quang sáng trắng như mặt trời. Lúc đó ta đã huệ.

— Ông này nói lạ. Mang óc mà không mang xác theo, lại cũng không sát sanh, ông tưởng tui là pháp sư chắc?

— Gần như vậy. Chú chỉ cần niệm "Vãng sanh tịnh độ thần chú" rồi dỡ lông trên đầu ta mà lấy khối óc.

— Ông nầy nói giỡn!

— Ta không nói giỡn đâu. Chú làm thử thì biết. Bây giờ chú ngồi xếp bằng đi.

Chú tiểu làm theo. Chim đậu trong lòng hai bàn tay chụm lại trước rún chú tiểu. Chú lẩm nhẩm niệm :

— *"Nam mô A di đa bà dạ... A di rị đa tất đam bà tỳ... Dà di nị, dà dà na, chỉ đa ca lệ ta bà ha".*

Chim nằm im như đã ngủ. Chú nắm chóp lông trên đầu chim giở lên, đỉnh đầu đi theo như nắp bình trà. Ánh sáng xanh biếc tỏa ra rực rỡ. Chú nhặt lấy khối oc bỏ vào tay áo rồi đem chôn bìm bịp dưới gốc mai trổ đầy bông.

Con chim chết dưới cội hoa
Tiếng kêu rụng giữa giang hà xanh xao
Mai anh chết dưới cội đào
Khóc anh xin nhỏ lệ vào thiên thu (1)

Chú tiểu cất bước mà nghe lòng trần nặng nề trong người.

Đến trưa chú lên tới lưng chừng núi. Chú lại ngồi nghỉ mệt ở cấp thứ hai của núi, nơi đây đào ra bông hồng rực rỡ, tưởng như Tết quanh năm. Chú lo ngại không biết làm sao tìm được tim tướng cướp. Nơi đây chỉ có núi đá và cây cỏ, không có sông, không có nước ròng nước lớn. Chú nhìn xuống thung lũng. Các mái nhà dưới đó như liền thành một mảnh rộng đỏ hình chữ nhật, không phân biệt mái chùa mái tục. Trong sương mù mờ mờ, con rồng xanh như thể đang bay dọc ngang trên mái nhà lớn độc nhứt đó, mắt long lanh sáng rực tợ hải đăng. Chú nghĩ có lẽ giờ này sư phụ mình đang thọ trai. Ở đâu? Và ai hầu cơm sư phụ?

Chú chợt nghe có tiếng bước sau lưng mình. Chú quay lại thấy một người bịt mặt đứng đó tự bao giờ. Chú giật mình hỏi:

— Tướng cướp đó phải không?

Sau chiếc khăn che tiếng nói phát ra:

— Ta không phải là tướng cướp.

Chú lấy lại bình tĩnh nói chữa:

— À xin lỗi. Tui muốn hỏi Phật đó phải không?

— Ta không phải là Phật.

— Nhưng sau khi dâng hiến tim mình ông đã trở thành Phật.

— Ta vốn đã là Phật làm sao trở thành Phật được?

— Ông nói gì lạ lùng tôi không hiểu.

— Chú không hiểu tại vì chú tưởng mình có thể hiểu được.

Chú cố gắng vớt vát:

— Sư phụ tui nói ông vốn là ăn cướp trở thành Phật, còn nhà sư hành hương trở thành bìm bịp, không phải vậy sao?

— Nhà sư không thành Phật thì làm sao ta thành Phật được? Và cũng chẳng ai thành Phật được cả.

Chú tiểu giật mình:

— Vậy tui leo núi làm gì đây?

— Cái đó thì chú biết lấy. Tuy nhiên ta biết chú đang đi tìm trái tim ta như chú đã hứa với bìm bịp, phải vậy chăng?

Chú tiểu gật đầu mừng rỡ.

— Vậy ông còn trái tim nào trong ngực không?

— Ta không còn tim. Hay đúng hơn tim ta chẳng hề có.

Chú tiểu thất vọng. Người bịt mặt an ủi:

— Tuy nhiên ta có thể giúp chú làm tròn lời hứa với sư-bìm-bịp. Bên tay mặt chú có một hồ nước. Một bông sen độc nhứt trong hồ có gương sen. Gương sen này có một hột sen độc nhứt. Đó là tim ta mà cũng không phải là tim ta. Chú sẽ tìm ra. Thôi ta đi đây, chúc chú may mắn.

Chú tiểu chạy theo:

— Khoan đã. Ông là ai?

Người kia quay lại:

— Chú biết rồi, còn phải hỏi!

Y ta giật phắc khăn che mặt để lộ chân tướng. Chú tiểu giật mình bàng hoàng. Chú nhận ra khuôn mặt của mình dưới khăn che. Chú đưa tay với thì khuôn mặt đã tan thành làn khói mỏng. Chú định hỏi thêm nhưng giông gió chợt nổi lên , bông đào rụng tơi bời. Khi gió tạnh, người kia đã biến mất.

Chú tiểu tiếp tục hành trình. Chú quẹo phía tay mặt thấy một hồ sen. Bông sen nỡ rộ. Chú lội xuống hồ bắt đầu tìm kiếm. Muốn tìm được gương sen, chú phải vặt từng bông sen. Chú tự nhủ tìm gương sen chưa biết được không, nhưng chắc một điều là mình phải lột trần nhiều bông sen. May mắn thay, chú tìm được gương sen sau khi hơn

nửa hồ sen đã tơi tả. Chú tiểu hái gương sen đút vào tay áo và lội ra khỏi hồ.

Chú tiểu tiếp tục leo núi, đến chiều chú đã lên đến bậc thứ ba. Từ đây lên đỉnh núi chỉ còn chút xíu. Chú ngó xuống thung lũng. Trời còn sáng, nắng quái rạng rỡ. Mái chùa mái tục lấy mắt ngó không thể phân biệt. Tuy nhiên trong trí chú tiểu vẫn có mái chùa đâu đó trong mảnh chữ nhựt đỏ chói kia, mặc dù con rồng xanh không còn nhận ra. Có lẽ giờ này sư phụ đang dâng hương. Chú thầm ước nếu sư phụ đi bửa củi và xách nước dùm mình.

Chú băng qua một vườn bông trang. Nghe suối đổ ào ào, chú đi về hướng đó. Cuối dốc đường mòn chú nhìn thấy một ngôi chùa. Ngôi chùa tương tự như ngôi chùa của chú nhưng không có con rồng xanh trên mái ngói. Chú bước vào chùa mò mẫm, vì trong chùa tối đen. Chú chợt nhớ hòn kim cương bỉm bịp trong tay áo, chú lấy ra. Nhờ ánh sáng chú nhận ra một tượng Phật đồ sộ giữa chùa. Cả pho tượng có vẻ lạnh lẽo nhưng miệng Phật mỉm cười. Một quyển sách nằm trong lòng bàn tay Phật. Chú đưa hòn kim cương đến gần và đọc được trên bìa "Chân Kinh..."

Chú mừng rỡ lật xem trang đầu. Trên trang này có mấy dòng viết bằng mực son:

"Đây là phần trên của Kinh. Phần dưới nằm bên kia suối. Khi có đủ hai phần, trở lại đây ta sẽ giảng".

Chú hớn hở cầm chắc Kinh trong tay hăm hở chạy ra khỏi chùa, trở lại suối. Đầu suối có chiếc cầu khỉ bằng tre. Chú bước lên cầu, một tay giữ Kinh, tay kia giữ thăng bằng trên tay vịn. Dưới chân suối đổ ào ào. Sang bờ kia chú nhận ra ngôi chùa giống hệt ngôi chùa của mình, kể cả con rồng xanh trên mái ngói...

Chú lấy hòn kim cương soi sáng và bước vào chùa. Giữa chùa là một pho tượng hai mặt. Một mặt hiền lành, một mặt dữ tợn. Bốn bàn tay của tượng chập vào nhau giữ một quyển kinh. Chú hồi hộp rút quyển Kinh ra khỏi bốn bàn tay và đọc được trên bìa: "Tối Thượng".

Chú mừng quá cầm lấy hai phần "Chân Kinh" và "Tối Thượng" chạy ngược lại suối. Chú leo lên cầu khỉ hai tay bận bịu không vịn được vào đâu. Cây cầu tre lắc lư. Chú lao chao. Chiếc gương sen và hòn kim cương rớt khỏi tay áo rơi tòm xuống nước. Rồi tới phiên chú cũng té theo. Chú rớt từ từ như chiếc lá rụng. Khi chạm mặt nước chú cố gắng đưa cao hai phần Kinh lên đầu cho khỏi ướt. Và cũng vì vậy chú chìm ngấm. Chú ngoi đầu lên thở rồi lại chìm xuống. Chú nhớ mình biết lội. Chú buông Kinh ra và đập tay xuống nước. Hai tay chú trở thành hai vi cá. Chú đạp chân, chân chú trở thành đuôi cá. Đồng thời chú chìm sâu xuống nước và may thay chú thở được trong nước. Khi trồi lên được mặt nước chú thấy mình đã hoàn toàn biến thành

một con cá thòi lòi. Chú lặn được, lội được và nhảy được trên mặt nước. Chú mừng lắm.

Nhưng chú còn tiếc rẻ bộ "Chân Kinh Tối Thượng" nên lặn lội nhảy nhót tìm kiếm. Trên dòng suối róc rách chú chỉ thấy hai tảng băng trôi lờ đờ đang tan dần trong nắng chiều. Chú lặn xuống ngó dáo dác. Trong bụi rong thấp thoáng hai con cá, một con xanh lục ngậm hạt sen, một con trong suốt tỏa ra ánh sáng biên biếc. Chú tiểu ngư lội tới gần định gạn hỏi. Khi chú mở miệng chỉ có bọt thoát ra ngoài. Âm thanh đã tắt mất trong cổ họng chú. Hai chú cá kia xáp lại gần nhau rồi song song lội ngược dòng suối. Chú rượt theo định hỏi cho ra lẽ. Hai chú cá thỉnh thoảng ngó lại. Chú vừa lội vừa nhảy muốn hụt hơi nhưng không theo kịp. Lên tới tột nguồn suối cũng là đỉnh núi, hai cá lục biếc biến mất trong tầm mắt của tiểu ngư.

Thòi lòi nhảy lên đỉnh núi. Chú chưa kịp định thần thì dòng nước lũ đã lôi tuột chú qua phía bên kia núi. Bên đó là thác nước, dốc thẳng đứng, không có cách gì cưỡng lại dòng nước cuốn được. Tiểu ngư lăn lông lốc trên các hòn đá. Đến một khoảng không xa bên dưới, thác dội trên một bàn thạch rồi bắn ra giữa không trung, lôi tiểu ngư theo. Sau giây phút trời đất đảo lộn, tiểu ngư định nhỡn thấy mình đang rơi về làng cũ dưới thung lũng. Xuống gần hơn chú thấy mình rớt về phía chùa, con rồng xanh càng lúc càng hiện rõ. Tiểu ngư nghĩ bụng chắc phen này phải nát xương khi rơi xuống mặt đất. Nhưng có điều làm chú lo hơn nữa là lỡ gặp lại sư phụ, sư phụ hỏi:

— Tiểu đó hả? Đi hành hương tệ lắm cũng thành bìm bịp, cớ chi nhà ngươi trở thành con cá thòi lòi?

Chú sẽ trả lời ra làm sao? Vả lại chú cũng không có cách gì biện giải được vì thế giới của chú bây giờ không còn ngôn ngữ. May mắn thay chú không rớt trên mặt đất mà lại sa vào ao nước sau chùa. *Chủm!*

Khi ngoi lên được mặt nước chú tiểu chới với. Chiếc áo tu sửng ướt trở thành nặng nề. Chú cởi bỏ áo và lội được vào bờ. Sau một hồi thở dốc chú tiểu mới hoàn hồn nhớ lại. Mấy ngày nay chú mãi mê xem Kinh quên cả ngủ nghê. Trưa nay nhằm mùa hè oi ả chú ra nhà thủy tạ ngồi cho đỡ nóng. Nói là nhà thủy tạ chứ thật ra đó chỉ là một cái chòi nhỏ bắt ra giữa hồ, xung quanh có bốn cột tre, không có lan can. Chú thường ra đây hầu trà và nghe sư phụ giảng kinh. Hôm nay chú mê mệt nên ngủ gật. Trong cơn mộng chú lăn ùm xuống hồ nước. May mà chú biết lội. Chú đưa tay sờ mắt. Thấy mắt mình không lòi chú mới yên tâm.

Giữa mùa hè nóng bức, nhờ thấm nước chú cảm thấy mát mẻ. Nắng rực rỡ. Mùa hè có nắng chói chan, chú thấy đúng điệu hết sức. Sen nở rất nhiều trong hồ. Mùa hè sen nở, quả thật đúng điệu, chú

chép miệng: "Không thể nào khác hơn được!" Lâu lắm chú mới có dịp khám phá lại thân thể mình trong nắng. Chú thấy mình hơi ốm và xanh. Đồng thời chú cũng cảm thấy bụng đói cồn cào. Chú lượm nhánh cây khều chiếc áo tu vào bờ. Chú vắt ráo nước rồi mặc lại vào người. Chú ra sau hậu liêu rồi vòng xuống bếp. Bếp núc lạnh tanh và củi đã hết. Chú dở nồi thấy còn chút cơm nguội. Chú lấy cơm ăn với muốn hột, vậy mà ngon đáo để. Chú thấy yêu đời. Ăn xong chú vác rìu ra sân chẻ củi. Làm công việc này, lòng chú hân hoan thú vị. Chú hát nghêu ngao:

Chim nhỏ đậu cành đông
Cành đông khô cứng gãy
Sang xuân lộc non nẫy
Nhánh xanh trổ chim hồng.

Sau khi chất củi vào nhà bếp, chú chợt nhớ ngày mai là ngày rằm sẽ có nhiều người lên chùa lạy Phật. Chú phải xách nước đầy lu cho thiện nam tín nữ có nước mà dùng. Chú xách thùng thiếc ra hồ. Sẵn dịp chú cũng tưới mấy gốc cây trong sân chùa. Công việc đơn giản mà chú cảm thấy thú vị vô cùng. Chú lại hát nho nhỏ :

Mưa trời xuống thấm trớt
Mưa đất ngược cành cây
Nhựa non dưỡng nhánh gầy
Lá trả trời khói nước.

Xong công việc chú lên gặp thầy.

— Bạch sư phụ con đã chẻ củi và xách nước xong.

Sư phụ mỉm cười hỏi:

— Chừng nào thì con lên núi.

— Bạch thầy con không lên núi nữa đâu.

— Con đã lên rồi chăng?

Chú định mở miệng thì sau chùa vọng lại tiếng chim "bịp... bịp... bịp...". Chú nói trỏng :

— Bìm bịp kêu chắc là nước lớn.

— Nước lớn thì có thòi lòi leo cây ngồi.

Chú giật mình định hỏi thêm thì sư phụ đã quay đi. Chú ra bờ sông thấy nước lớn và quả thật có con cá thòi lòi leo lên ngồi ở nhánh bần. Mắt thòi lòi hấp háy như thể nháy nhó với chú. Chú nghĩ bụng: "Sư phụ mình rành thiệt!".

Trở về chùa chú sực nhớ quyển Kinh còn bỏ quên ở nhà thủy tạ. Chú đi trở lại hồ sen. Trên sàn nhà thủy tạ không còn dấu vết của quyển Kinh. Chú cúi ngó mặt hồ kiếm dáo dác. Chú không hay sư phụ đã đứng sau chú từ lúc nào. Sư phụ lấy gậy tre đẩy chú ngã ùm xuống nước.

Bìm bịp giật mình tỉnh giấc. Trong tiết xuân êm ả hắn ngủ gật và nằm mơ. Hắn buông lỏng chân và ngã lộn mèo xuống đất. Khi tỉnh mộng hắn thấy đầu mình nằm chúi bên gốc tre già sau chùa, mùi đất thơm tho dịu dàng. Cả đất trời chỉ còn là chút hương xuân thoang thoảng, bàng bạc như chuông vọng đêm rằm. □

ĐÃ CÓ BÁN KHẮP NƠI

Xin Liên lạc :

NHÀ XUẤT BẢN NGƯỜI VIỆT

9393 F, Bolsa Avenue, Westminster, CA 92683

(714) 531-6606

VƯỜN VĂN THƠ CŨ

Mai Thảo
Nghe đất

Buổi trưa nằm dưới cây xanh
Nhìn qua lá biếc lả xanh sắc trời
Mát thơm đất trải bên người
Nghe trên ẩm lạnh da người cũng thơm

Đất lên hương, thấm qua hồn
Nghe Vui thoáng đến, nghe Buồn thoảng đi
Giữa giờ trưa nắng phương phi
Gió êm ve vuốt hàng my cúi đầu

Người nằm nghe đất bao lâu
Tai nương ngợ tiếng nghìn sau thở dài
Lung linh sóng nắng bay dài
Cõi trong nghe cháy, cõi ngoài miên man

Chợt đâu rụng tiếng phai tàn
Hoa xanh động ảnh nắng vàng trôi qua
Linh hồn thiếp giữa triều hoa
Bóng hình thôi đã nhạt nhòa trong ta

Văn số 44
Xuất bản ở Sàigòn

Một tác phẩm cổ điển Nhật Bản.

Go Rin No Sho (Kỹ thư Ngũ Đại)

Vũ Huy Quang

Nhật-Bản luôn luôn gây ngạc nhiên cho thế giới. Họ làm được và tiến triển trong những lãnh vực khác nhau một cách thành công không ngờ.

Bại trận trong thế chiến thứ hai, chỉ trong vòng vài chục năm, họ đã là một siêu cường kinh tế, nguyên tắc, luân lý, tinh thần gì đã dẫn dắt họ ?

Người ta nghe nhiều về Võ sĩ đạo, Thiền đạo, Thần đạo, Trà đạo, Kiếm đạo... Nhật Bản, nhưng ít người thấu hiểu cách lắng nghe đá mọc, cách uống trà trong một chén không, nghệ thuật trang trí khoảng trống, tinh thần Samurai, danh dự, lòng trung thành, và bổn phận của dân Nhật v.v...

Có phải ngẫu nhiên mà ba tác phẩm lớn: Miyamoto Musashi, Go Rin No Sho, Shogun (của James Clavell) đồng thời xuất hiện đầu thập niên 80? Thế giới bắt đầu chú ý đến tinh thần, văn hóa Nhật Bản một cách nghiêm túc hơn chăng?

*
* *

Khi đọc Go Rin No Sho, chúng tôi muốn giới thiệu đến độc giả rằng đây là một tác phẩm kỳ lạ: một cuốn sách, một cẩm nang, một kỳ thư được viết bởi một họa sĩ, một triết gia, một thiền sư, một kiếm thánh được toàn thể Nhật Bản tôn sùng trong ba thế kỷ có lẽ hé mở cho ta một chút quan niệm về tính chiến đấu, tinh thần chiến sĩ, văn hóa Nhật Bản, đó là cuốn Kỳ Thư Ngũ Đại, tác giả là Miyamoto Musashi.

Ta đi ngược lại ba thế kỷ trước:

Năm 1612, khoảng 10 giờ sáng ngày 13 tháng 4, tại một hòn đảo nhỏ phía nam nước Nhật tên Funashima, một biến cố xảy ra trong ít

giây đồng hồ đã được ghi lại trong lịch sử Kiếm đạo (Kendo) Nhật Bản.

Mươi giây ấy là thời gian cho ba thế kiếm giữa hai kiếm sư Sasaki Kojiro Ganryù và Miyamoto Musashi. Người thắng trận, Musashi, đã nổi tiếng toàn thể nước Nhật, cả những thế kỷ sau đó (1). Hơn ba trăm năm sau, Eiji Yoshikawa là một trong những nhà văn hàng đầu của Nhật bản, viết một quyển tiểu thuyết căn cứ trên cuộc đời lịch sử của Miyamota Musashi, cuộc đời như một huyền thoại: Cuốn tiểu thuyết ấy bán hơn 120 triệu ấn bản trên toàn thể Nhật bản(2)

Sinh ra trong một gia đình võ sĩ đạo, năm 1584, giữa một thời kỳ hỗn độn cùng cực bởi sự tranh chấp giữa các lãnh chúa, Musashi hạ địch thủ đầu tiên trong đời lúc 13 tuổi. Những năm sau đó, Musashi luân lạc khắp nơi trau dồi kiếm thuật, hạ hơn ba trăm kiếm sĩ khác, trở nên vô địch, sống một cuộc đời sôi nổi, từng tham dự sáu lần trong các trận nội chiến giữa các sứ quân, vào những năm cuối cuộc đời, Musashi sống trong một hang đá, một mình, và viết cuốn Go Rin No Sho (tạm dịch: Kỳ Thư Ngũ Đại). Cuốn sách viết xong vài tuần lễ, trước khi Musashi chết.

*
* *

Go Rin No Sho đã là sách cẩm nang về kiếm đạo cho khắp Nhật Bản những thế kỷ sau đó. Sự phong phú và chính xác của cuốn sách đã được Nhật áp dụng trong quan niệm và lãnh vực như tinh thần chiến sĩ trong quân đội, phương lược hành quân, kinh tế, kỹ nghệ và thương mại..(3). Khi được dịch sang tiếng Mỹ lần đầu tiên, năm 1982, 120 ngàn ấn bản đã được tiêu thụ trên thị trường Mỹ trong đợt phát hành đầu. Và các giới doanh thương Wall-Street của Mỹ bắt đầu nghiên cứu các nguyên tắc này với sự khâm phục.

Nội dung cuốn sách được chia làm 5 phần: Đất, Nước, Gió, Lửa và Chân Như. Chắc chắn không phải là một cuốn sách dễ đọc vì quá cô đọng với các nguyên lý tối thượng: phải cảm, hiểu, và sống với cuốn sách đó. Ngoài giọng văn cổ kính và cách trình bày khác lạ với cách hành văn hiện đại, các quan niệm luân lý về đời sống, về cách nhìn Kiếm đạo có những đoạn không giống như các quan niệm cùng cách nhìn của chúng ta trong thế kỷ này có quan niệm về bổn phận, chiến thắng và võ khí (thí dụ: võ khí "thanh trường kiếm" của chiến sĩ "Samurai" phải được coi là danh dự, là linh hồn người đó v.v...)

*
* *

Chương đầu tiên, Đất, Musashi nhắc lại căn bản Đạo của người cầm kiếm là chấp nhận và hiểu rõ cái chết: có nghĩa là sẵn sàng để chết *khi có dịp lựa chọn* giữa hai đường sống và chết. Và *hãy sống như đã tự coi mình là một xác chết, người chiến sĩ sẽ hoàn thành được bất cứ việc gì* (4).

Nguyên tắc căn bản để đọc và để áp dụng phương pháp Musashi đề ra đòi hỏi kiếm sĩ tuân theo gồm có:

1- Không được nghĩ không thành thực.
2- (Kiếm) đạo nghĩa là học hỏi.
3- Thấu hiểu mọi nghệ thuật.
4- Nắm được tinh túy trong mọi sinh hoạt.
5- Phân biệt lợi và thiệt hại rõ ràng.
6- Khai triển cảm quan phán đoán và tìm hiểu.
7- Mẫn cảm với mọi sự cho dù không thấy được bằng mắt.
8- Chú ý và kiểm soát được những chi tiết nhỏ nhất.
9- Không làm việc gì vô ích (cho mục tiêu phải tiến tới).

Chương này, nói về nền tảng của Kiếm đạo, cách cầm kiếm và lợi hại của các loại võ khí v.v...

*
* *

Chương Nước: Giảng về bộ pháp, cách chém, cản, chẩn, ngáng kiếm... cách xử dụng trường kiếm trong chiến thuật bám sát, thu nhỏ, đính chặt... Năm cách nhập vào trận đánh, và năm bộ vị khác nhau: Tả, hữu, thượng, hạ, và trung ương. Chương này, tác giả đòi hỏi kiếm sĩ phải đọc và ngấm và chỉ được hiểu bằng cảm không được hiểu bằng lời: Hiểu bằng tim và ngấm bằng thân.

Nắm được nguyên tắc trong chương này sẽ đưa kiếm sĩ thắng ngàn trận, theo Musashi.

Tinh thần kiếm sĩ phải được quân bằng giữa vật chất và tinh thần. Nội và ngoại tại của kiếm sĩ phải hoàn toàn tương dung: Không bao giờ để kẻ thù lường được tinh thần của ta (những nguyên tắc của bậc thầy: Khi bị vây trong trận hỗn đấu: không được chần chờ, đánh ngay vào kẻ nào tấn công trước và luôn luôn di động (nguyên tắc này không khác nguyên tắc phản phục kích trong binh pháp hiện đại).

Chương Lửa: Sự xáp trận và tính cách quyết liệt của lửa: nghệ thuật điều hành trận đấu, chờ sơ hở, cách đương đầu... (xuất thủ *ngay* khi địch *chớm* tấn công... Biết tự đặt mình vào vị trí và cảm quan của kẻ thù...)

Chương Gió: Sự linh động: tốc độ, *tầm quan sát và cách* quan sát, lợi dụng và khai triển tốc độ... lợi và hại của các phương pháp dùng đoản kiếm và trường kiếm của các môn phái đương thời.

Chương Chân Như (hoặc tính không): ... "Khi nói đến Chân Như, tôi muốn nói rằng đó là cái không có khởi đầu và không có chấm dứt. Nắm vững nguyên tắc này cũng có nghĩa là từ bỏ các nguyên tắc. Đạo dùng trong chiến đấu tức là đạo của thiên nhiên. Khi ta nhận biết được sức mạnh của *tự nhiên*, thấu hiểu được nhịp điệu vũ trụ, ta có thể đánh địch và thắng địch *tự nhiên*. Tất cả những nguyên lý này là Đạo từ Chân Như"...

Chương cuối này gồm nửa trang, viết xong ngày 12 tháng 5, 1645 và là chương chấm dứt quyển sách.

Các di tích về Musashi (ngôi mộ, hang đá nơi viết sách và nơi chết của Musashi) được gìn giữ như những di tích lịch sử. Toàn thể Nhật Bản gọi ông là Kiếm Thánh (Kensei), là anh hùng dân tộc. Những di sản Musashi để lại, trừ những bài thơ và bài hát bị thất lạc gần hết, các tác phẩm của ông về nghệ thuật được coi là đạt tới cao độ và chứng tỏ thiên tài đa dạng nơi con người ông: tranh thủy mặc, điêu khắc, cùng bút pháp Musashi còn lại được Nhật lưu giữ như những bảo vật quốc gia.

Các họa sư đồng thời hoàn thành bức họa chân dung Musashi (thủ kiếm trong thế Bát phong khai 'mở tám hướng' được coi là một thế không ai tấn công nổi). Và các tranh Musashi hỗn đấu, Musashi giết rồng là những tranh vô giá trên phương diện nghệ thuật. Nguyên bản dịch và bút tự cùng tranh, có trong cuốn A Book of Five Rings, nhà The overlook Press phát hành. Cuốn cuộc đời Miyamoto Musashi, tác giả Eiji Yoshikawa, do nhà Harper Row phát hành.

Cước chú:

(1) Trận đấu kỳ lạ này, Musashi dùng kiếm gỗ. Kiếm sư Ganryù, nổi danh với thế kiếm "đuôi chim én" tấn công trước liên tiếp hai lần. Bị chết bởi thế kiếm Musashi đánh vào đầu, khi chết Ganryù không biết mình đã trúng đòn, chết với nụ cười thỏa mãn nhất trong đời vì tin rằng đã hạ được Musashi. Dù sao, Ganryù cũng đã chặt đứt được giải khăn buộc tóc trên trán địch thủ.

(2) Dịch sang tiếng Anh năm 1981. Cùng lúc với Shogun của James Clavell năm 1980, cùng với cổ thư Go Rin No Sho của Miyamoto Musashi dịch sang tiếng Anh năm 1982.

(3) Các doanh nhân Nhật bản được coi là các samurai của thế kỷ 21.

(4) Ý nghĩa này đều được thể hiện trong ba tác phẩm Shogun, Miyamoto Musashi và Go Rin No Sho.

Hoàng Liên

Ánh sáng và bóng tối

Hồi ký.

Trên dãy Trường Sơn.

Lời toà soạn : Hoàng Liên là bút hiệu của một công chức hành chánh cao cấp Việt Nam Cộng Hoà từng bị cộng sản bắt tại Huế trong kỳ tấn công Tết Mậu Thân 1968. Ông bị cộng sản đưa ra giam hết nhà tù này đến nhà tù khác ở Miền Bắc, cho mãi đến năm 1983 mới được phóng thích và sau đó may mắn được đoàn tụ vợ con tại Hoa Kỳ. Văn Học Nghệ Thuật hân hạnh được đăng thiên hồi ký lao tù dưới đây của Hoàng Liên

Tiếng súng nghe gần hơn , nổ liên hồi . Tôi nhìn đồng hồ : gần 4 giờ sáng . Thật là khác thường , vì theo thông lệ , Việt cọng chỉ xuất quân trong đêm tối, và rút khỏi chiến trường khi trời gần sáng. Tôi vội vàng gọi điện thoại cho tiểu khu Thừa Thiên. Không ai trả lời. Giây điện thoại bị đứt rồi chăng? Tôi liền đánh thức vợ và các con tôi dậy, rồi bước xuống tầng dưới để tìm nơi ẩn nấp. Trời chưa sáng. Ánh sáng mờ nhạt, yếu ớt chỉ đủ giúp cho tôi nhận ra một hành lang dẫn đến một căn phòng nhỏ ở phía sau ngôi nhà. Đang quanh quẩn tìm một ngõ ra, tôi bỗng nghe tiếng vợ tôi gọi, rồi hai người bộ đội Việt cọng đội nón cối bước vào và yêu cầu tôi bước qua phòng khách.

Sự việc xảy ra thật nhanh chóng và đột ngột. Vừa ngồi xuống ghế, chưa kịp nhận rõ tình hình, tôi đã thấy vài bộ đội Việt cọng dẫn một số người khác tiến vào. Chỉ trong chốc lát, phòng khách rộng lớn của Tòa Đại Biểu Chánh Phủ đã chật kín những người, phần đông đang mặc quần áo ngủ, vẻ mặt bàng hoàng, ngượng ngập. Không ai

nói với ai một lời. Trong số những người tụ tập tại đây, tôi thoáng thấy chiếc áo đen dài của linh mục Nguyễn Văn Thích, một học giả, một giáo sư đáng kính của đất Thần Kinh. Đó đây, những bộ mặt đăm chiêu, lo lắng. Ai cũng đang suy nghĩ về biến cố vừa mới xảy ra.

Tôi nhớ lại. Cuối tháng Giêng 1968, sau khi thu xếp xong công việc tại văn phòng và chia tay với các bạn đồng sự tại Đà Nẵng, tôi chuẩn bị về Huế ăn Tết và thăm gia đình. Tôi xa miền Trung đã lâu, và trên bước đường phục vụ của một người công chức, luôn luôn thay đổi nhiệm sở, tôi ít có dịp trở về dưới gối song thân. Cho nên lần này, được thuyên chuyển đến Đà Nẵng, tôi dự trù về Huế trong dịp Tết, dù trong mấy ngày gần đây có những tin đồn rằng Việt cọng sẽ tấn công vào cố đô trong dịp đầu Xuân. Vào những ngày cuối năm, được tin chính phủ Việt Nam Cộng Hòa đã chấp nhận đề nghị hưu chiến của đối phương trong ba ngày Tết, nên tôi không ngần ngại gì nữa, giữ nguyên ý định về thăm nhà, và sẽ trở về Đà Nẵng vào ngày mồng 4 Tết.

Con đường từ sân bay Phú Bài về thành phố đông nghẹt quân xa chở binh sĩ Mỹ ra Khe Sanh, căn cứ Mỹ bị Việt cọng liên tục tấn công từ mấy tháng nay. Không khí căng thẳng trong sắt thép hỗn độn, và tôi nao nao buồn nghĩ đến chiến cuộc kéo dài đã hơn mười năm mà chưa biết đến lúc nào mới chấm dứt.

Nhưng về đến An Cựu thì quang cảnh khác hẳn. Mọi người đang sửa soạn ăn Tết, một cái Tết hứa hẹn rất tưng bừng, nô nức theo đà tiến của một nền kinh tế đang vươn lên. Âu đó cũng là một đặc điểm của cuộc chiến tranh dai dẳng trên đất nước chúng ta. Chiến tranh xảy ra ở đâu xa, trong vùng rừng núi âm u hay các thôn xóm hẻo lánh, còn ở thành thị một đôi quả đạn đại bác lẻ tẻ có rơi vào một nơi nào đó cũng không đủ để phá tan bầu không khí thanh bình. Hơn thế nữa, chiến tranh thì chiến tranh, cuộc sống vẫn phải tiếp tục, như một dòng sông thuận đà chảy mãi không ngừng. Và trong những ngày cuối năm này, mọi người -- kể cả những quân nhân được phép về vui xuân với gia đình -- đều rộn ràng tổ chức một cái Tết thật hào hứng và ấm cúng.

Hai bên đường, đó đây, pháo nổ đì đùng, như đuổi theo chiếc xe của chúng tôi về mãi tận thành phố cổ kính bên dòng sông Hương, cho đến khi chúng tôi bước vào nhà khách của Tòa Đại Biểu Chính Phủ Vùng I Chiến Thuật.

Tôi đứng trên sân thượng, nhìn qua phía bên kia sông. Trong bóng chiều đã ngả, dãy thành cổ và kỳ đài trước Ngọ-Môn-lâu, trang nghiêm và vững chải, bình thản qua bao nhiêu biến thiên của lịch sử, in hình rõ nét như cắt trên nền trời xám. Huế vẫn duyên dáng, quyến rũ và thiết tha như một người bạn cũ, nhưng tôi vẫn bồi hồi lo ngại. Trước khi rời Đà Nẵng, tôi đã nghe nói đến tình hình chiến sự ở vùng

Huế - Quảng Trị. Cho nên, sáng nay, trước khi lên máy bay, tôi bỗng do dự, và định kiểm tra lại các tin mới nhất về chiến cuộc, nhưng vì gấp rút, không còn thì giờ nữa, tôi vẫn ra phi trường.

Tối mồng Một âm lịch năm Mậu Thân, tôi trở về trụ sở của Tòa Đại Biểu Chính Phủ cũ, nay dùng làm nhà khách, sau khi ăn Tết tại tư gia thân phụ tôi, và gặp ông Phó Tỉnh Trưởng Nội An tỉnh Thừa Thiên. Cùng với cái bắt tay, tôi hỏi :

— Tình hình thế nào, ông Phó Tỉnh Trưởng ?

— Không có gì đáng ngại cả. Bọn chúng, nếu có hoạt động gì, thì cũng chỉ quấy phá ở các tiền đồn. Còn ở đây, riêng tại khuôn viên Toà Đại Biểu Chính Phủ, thì đã có một tiểu đội thường xuyên canh gác.

Tôi yên tâm bước lên gác, nhưng không định đi ngủ sớm, để còn nghe ngóng tình hình, nên lấy từ cái cặp xách tay một tạp chí Pháp và mải miết đọc một bài nghiên cứu khá đầy đủ về hai tướng lãnh đối lập nhau trên chiến trường Việt Nam: Westmoreland và Võ Nguyên Giáp.

Tiếng pháo nổ liên tục từ mọi phía, lâu lâu lại ran lên cùng với tiếng súng mừng Xuân. Xa xa, dội về những tiếng súng rời rạc, hoặc từng loạt tiếng nổ dài. Cũng khó mà phân biệt được tiếng nào từ hướng nào vọng lại trong những tiếng nổ hỗn độn bùng lên trong đêm tối.

Tôi tiếp tục đọc, tai vẫn lắng nghe động tĩnh bên ngoài và theo dõi tiếng súng nổ xa xa. Thời gian trôi qua trong sự chờ đợi và trong niềm tin tưởng rằng đối phương không đủ khả năng tấn công vào các thành phố được phòng thủ cẩn mật với các tiền đồn bảo vệ ở vành đai phía ngoài.

*
* *

Ngoài khung cửa sổ lớn, những chiếc máy bay trực thăng lượn nhiều vòng trên nền trời đã sáng rõ, và bắn từng hồi đạn dài. Về sau, tôi biết những máy bay đó bắn vào nhà ga Huế, và gây ra một số thương vong cho đối phương.

Số người tập trung một lúc một đông, và mấy người bộ đội Việt cọng dồn chúng tôi ra cả ngoài sân. Máy bay vẫn tiếp tục lượn trên đầu chúng tôi và bắn phá mỗi lúc một dồn dập hơn, nên chúng tôi lại chạy vào nấp trong cái am nhỏ ở góc sân khuôn viên Tòa Đại Biểu Chính Phủ.

Mấy người bộ đội và công an viên chạy đi chạy lại, thì thầm thảo luận. Có lẽ họ đang phân loại chúng tôi, vì chỉ một lúc sau, khoảng mười giờ họ gọi một số người trong đó có tôi, đến tập trung ở phía trước cổng ra vào rồi dẫn chúng tôi ra khỏi Tòa Đại Biểu Chính Phủ.

Chúng tôi xếp hàng đôi chậm rãi cất bước, lòng hoang mang không biết sẽ đi về đâu, và đối phương sẽ có biện pháp gì với chúng tôi.

Đoàn người hướng về phía Bến Ngự, đi một quãng ngắn, rồi dừng lại trước một ngôi nhà gạch lợp ngói bên đường. Trong ngôi nhà khá rộng, một số độ 20 người đang đứng lộn xộn, bao quanh mấy người bộ đội, và vài thanh niên mặc thường phục, đeo một băng màu đỏ ở cánh tay. Tôi đoán những thanh niên đó là những người nằm vùng, bấy lâu âm thầm hoạt động cho địch trong hàng ngũ chúng ta, nay cho rằng thời cơ đã đến, nên xuất đầu lộ diện. Vẻ mặt và dáng điệu cố làm ra quan trọng, họ tỏ ra hăng hái và lạc quan quá mức -- và có lẽ quá sớm.

Một người phương Tây, khoảng ngoài 30 tuổi, hơi gầy, mặc một chiếc áo mưa màu xanh đậm phủ ra ngoài bộ quần áo ngủ, đang sôi nổi phân trần với mấy công an viên Việt cọng. Bằng cử chỉ và bộ điệu, bằng những tiếng Pháp thật đơn giản, anh cố giải thích cho họ hiểu rằng anh không phải là kẻ thù của Mặt Trận Giải Phóng miền Nam Việt Nam :

— De Gaulle, Hồ Chí Minh, amis.

Vừa nói, hai bàn tay của chính anh lại bắt vào nhau, làm cho tôi nhớ đến hình vẽ hai bàn tay xiết chặt in trên những bao nhựa đựng tặng phẩm của chương trình viện trợ Mỹ. Một người trong bọn chúng tôi lẩm bẩm:

— Hắn là người Pháp, dạy tại trường đại học Huế.

Chúng tôi tìm chỗ ngồi trong ngôi nhà rộng, lắng nghe tiếng máy bay, tiếng đạn nổ liên hồi, dò xét thái độ của các cán bộ, bộ đội để phỏng đoán sự biến chuyển của chiến cuộc. Nhưng không có một biến cố nào xảy ra, và đến sẩm tối, mấy cán bộ dẫn chúng tôi trở về Tòa Đại Biểu Chính Phủ. Lần này, họ đưa chúng tôi vào nhà để xe hơi rộng lớn và trống trải ở bên cạnh ngôi nhà chính. Không ăn uống gì cả một ngày, tôi vẫn không thấy đói, và nằm dài xuống nền xi măng lạnh lẽo, tôi suy nghĩ về hoàn cảnh của chúng tôi rồi ngủ thiếp đi.

Sáng hôm sau, khi tỉnh giấc, chúng tôi lại nghe tiếng máy bay lượn vòng quanh và tiếng súng nổ đó đây từng hồi dài. Thời gian lặng lẽ và chậm rãi trôi trong sự chờ đợi căng thẳng với những nỗi thắc mắc không giải đáp được. Đến chiều, không hiểu tại sao, chúng tôi lại được đưa lên một phòng ngủ trên lầu hai của ngôi nhà chính. Tại đây, đã có một số đông người được tập trung lại. Do một sự tình cờ của số mệnh, tôi bị giam giữ ngay trong căn phòng mà tôi đã xử dụng trong mấy ngày nghỉ Tết ở Huế. Các vật dụng bị lục soát, xáo trộn bừa bãi trên sàn nhà. Cái xách tay đựng mỹ phẩm và nữ trang của vợ tôi bị chọc thủng và các nữ trang đã biến mất. Cái máy vô tuyến truyền hình nhỏ cũng bị đánh vỡ mặt kính. Về sau, có người cho tôi hay rằng các

bộ đội Việt cọng không biết máy TV là cái gì, nên tưởng lầm là điện đài thông tin. Cũng như khi mở tủ lạnh, những bộ đội miền Bắc nhìn thấy những loon bia có cái khâu tròn để mở, vội cho đó là những quả lựu đạn.

Tôi mất hết tài sản nhỏ nhoi của chúng tôi, nhưng tôi không thấy tiếc, bởi vì ngoài tính mạng của tôi và của những người cùng cảnh ngộ, chúng tôi đang lo mất một điều ngàn lần đáng giá hơn: vận mệnh của đất nước. Một người không quen nhìn tôi, chỉ vào cái hộp đựng nữ trang, chán nản lắc đầu. Tôi chỉ lặng lẽ mĩm cười, và người đó cũng đáp lại bằng một nụ cười thông cảm.

Trời đổ lạnh,và cơn gió lùa qua khung cửa càng tăng thêm cái giá buốt của một ngày đầu Xuân. Một người đứng lên, mở tủ áo, lấy cái áo khoác ngoài của tôi, mặc vào. Tôi không mảy may ngăn cản, mặc dù lúc đó, tôi cũng cần đến chiếc áo đó cho chính mình. Tất nhiên anh ấy không biết anh đang ở trong phòng ngủ của tôi, và chiếc áo đó là của tôi.

Một người ngồi cạnh tôi thì thầm:

— Chắc chúng nó sẽ đưa chúng mình lên chiến khu.

Một người bạn vong niên của tôi, bác sĩ tại một tỉnh nọ, bỗng kéo tay tôi giọng hằn học và chán nản:

— Chúng mình thua là phải. Chúng mình yếu kém về mọi mặt...

Tôi ngạc nhiên nhận thấy tinh thần chiến bại của một người mà tôi tưởng nắm vững được tình hình. Không tiện thảo luận với anh, tôi chỉ nhắc lại một câu nói lịch sử:

— Chúng ta chỉ thua một trận đánh, chúng ta chưa thua cuộc chiến tranh.

Tôi vẫn tin rằng quân đội ta sẽ phản công lại -- đúng hơn tôi thấy sự phản công đã diễn ra -- và sẽ chiếm ưu thế, cho nên tôi vẫn lạc quan và không tin rằng tôi sẽ bị đưa lên vùng mà Việt cọng gọi là vùng "giải phóng". Như đoán được ý nghĩ của tôi, một người ngồi cạnh nói với một người khác:

— Bọn chúng sắp rút lui bây giờ.

Vừa lúc đó, biết tôi đã trở lại Tòa Đại Biểu Chính Phủ, nhà tôi bưng đến một bát cơm. Tôi chia đều cho mấy người bên cạnh, nhưng không ai muốn ăn, và cả tôi cũng không thấy đói, mặc dầu không ăn uống gì từ ngày hôm qua. Chúng tôi chỉ hút thuốc lá, và trầm ngâm suy nghĩ. Chiến cuộc rồi sẽ biến chuyển như thế nào? Số phận những người bị bắt sẽ ra sao? Chính sách của Việt cọng đối với những người bị bắt trong chiến tranh là như thế nào? Ngoài Huế ra, Việt cọng có tấn công vào vùng khác nữa không, và chính phủ ta đã có những biện pháp nào để đối phó với tình hình? Chúng tôi hoàn toàn bị cô lập, không nhận được tin tức gì từ bên ngoài, chỉ biết rằng điện và nước đã

bị cắt đứt.

Tiếng máy bay trực thăng vẫn xành xạch dội lên trên nền trời đầy sát khí, và đạn vẫn nổ không ngớt. Ngoài khung cửa sổ, trời đã ngả về chiều, một buổi chiều đầu Xuân u ám, với gió lạnh như đang chờ đợi một biến cố nào đó sắp xảy ra. Và bao trùm lên trên mọi cảm giác và suy tư, cái ý thức bị mất tự do dần dần trở nên rõ rệt hơn, như một mảnh vải bị thấm nước, cứ thấm màu xuống mãi.

Cánh cửa lớn chợt được mở ra. Một cán bộ mặc đồng phục màu kaki xanh rêu bước vào, nhìn quanh một lượt, rồi gọi tên một số người trong đó có tôi. Chúng tôi đứng lên, bước theo người cán bộ xuống tầng dưới, rồi ra ngoài sân. Ở đó, một đám đông đang xếp hàng đứng đợi. Phần đông, họ đều còn rất trẻ. Lát sau, tôi biết đó là những học sinh thiểu số người Thượng du đang theo học tại một trường dạy nghề đặc biệt dành riêng cho họ. Tôi bỗng ngạc nhiên nhận ra một người quen: anh Bảo Lộc, phó tỉnh trưởng tỉnh Thừa Thiên. Chúng tôi nhìn nhau bở ngỡ: người nọ không ngờ người kia cũng bị bắt.

Mấy cán bộ bắt đầu trói tay chúng tôi, cứ hai người buộc tay lại với nhau. Không ai nói ra, nhưng ai cũng hiểu rằng mình sẽ bị đưa đi xa. Tôi nói mấy lời từ biệt với nhà tôi, và cúi xuống hôn đứa con trai út chưa đầy mười tuổi. Nó bàng hoàng, ngơ ngác nhìn tôi. Có lẽ nó ý thức được đó là một giây phút bi đát đối với gia đình, và nước mắt trào ra ngoài mí mắt, lặng lẽ. Các chị nó còn ẩn nấp trong một căn phòng hẹp mà một người tài xế của Tòa Đại Biểu Chính Phủ có nhã ý cho gia đình tôi mượn làm nơi tạm trú.

Vào phút chót, đứa con gái nhỏ của chúng tôi chạy vội ra, vừa khóc vừa đưa cho tôi một cái xách tay đựng hai cái áo lót, một cái khăn, và một cái bi đông đựng nước. Một người cán bộ khoát tay ra hiệu, bảo tôi đừng lấy:

— Không cần thiết, đến trại sẽ có đủ mọi thứ.

Nhưng tôi vẫn cầm lấy, bùi ngùi cảm động trước sự chăm sóc của con.

Chiều đã xuống, một buổi chiều nặng trĩu mây chì, buổi chiều của những gì sắp chấm dứt, của chia lìa. Tôi rùng mình trong cơn gió buốt: chiếc áo len màu đen tôi đang mặc không đủ giữ sức ấm cho cơ thể. Một lần cuối cùng, tôi nhìn những người thân, nhìn quang cảnh hỗn độn của đám người bị giam giữ với những nét mặt lo lâu, và tôi thông cảm nỗi hoảng hốt của những thân nhân vào tiếp tế. Tôi nhìn mái ấm cổ kính, mấy hàng cây cao trong sân và ngôi nhà rộng lớn kiến trúc như một nhà ga hàng không, và, không hiểu sao, linh cảm rằng mình sẽ trở lại nơi này, và cuộc chia tay ngắn ngủi và bi đát này không phải là vĩnh biệt. □

Lê Tâm

Nhìn một mắt.

Từ một trạm liên lạc của cục quân pháp, một căn nhà ngói bên chân cầu Long-Biên , tôi bị chở đến gởi tại trại tạm giam Hỏa-Lò, Hà-Nội . Đồ đạc tôi mang theo chẳng có gì , ngoài bộ quần áo công nhân xanh mặc trên người, sau mấy ngày đi đường mồ hôi và bụi bặm quyện lại như một thứ keo dẻo nhớt dính trên lớp vải đã xông lên mùi khó chịu, và mấy thứ vừa được cấp phát: một chiếc chiếu, một chiếc mùng, một chiếc chăn, hai gói thuốc lá, hai cái bánh mì và khoảng ba lạng đường.

Trên đường đến trại giam tôi không còn bị trói như những ngày đi đường từ miền Nam ra, nhưng ngồi trong chiếc "xe con" bịt bùng bởi lớp vải dày cứng, tôi bị kẹp giữa hai gã bộ đội cầm AK ngồi hai bên. Tuy vậy,nhờ miếng vải bạt ở phía sau xe bị rách một miếng bằng nửa bàn tay, cứ một lát gió lại hất lên để hở một lổ trống và mỗi lần như thế tôi lại đưa tay nắm mép vải bạt trên đầu nhướn người lên nhìn ra ngoài, do đấy tôi biết được chiếc xe chở tôi đang lao nhanh trên những con đường phố xám xịt vắng người.

Chiếc xe chạy độ nửa giờ thì ngừng lại. Gã bộ đội ra lệnh tôi xuống xe rồi dẫn tôi vào khu nhà giam Hỏa Lò. Khu nhà giam gồm nhiều phòng giam, xây liền khít nhau theo hình chữ U. Ở trước mỗi phòng giam, bên cạnh cánh cửa sắt hoen rỉ, là một cái chòi khung gỗ lợp bằng những miếng giấy dầu đen, bên trong mỗi cái chòi đều có một gã công an quản giáo ngồi làm việc bên cạnh một chiếc bàn nhỏ. Sau mấy phút làm thủ tục gởi người gã bộ đội đi trở ra, còn tôi đứng lại với gã công an. Gã công an bảo tôi ngồi xuống đất mở chiếc chiếu mà tôi cuốn bên trong mấy thứ vừa được cấp phát để gã kiểm soát, sau đó gã bảo tôi để lại hai gói thuốc, đường và bánh mì, rồi ra hiệu cho tôi đi theo gã đến bên cánh cửa phòng giam. Tôi định hỏi gã công an tại sao tôi phải để lại những thứ vừa được cấp phát ấy nhưng lại thôi, tôi lặng lẽ bước theo gã.

Cánh cửa phòng giam mở ra, tôi bước vào, và khi cánh cửa đóng lại tôi nghe có tiếng người nói:

— Lính mới.

Nhưng hình như tiếng cót két vang lên ghê người của then cài cửa lúc mở cửa ra và đóng vào, và tiếng của người tù nào trong đó vừa nói, không đủ sức khua động cơn mê thiếp của những con người trong gian phòng lờ mờ một mầu sáng nhợt nhoạt. Chỉ có mấy người nằm gần cửa nhổm mình dậy, nhưng họ chỉ hé mở đôi mắt lờ đờ nhìn tôi với vẻ hờ hững rồi lại nhắm mắt nằm xuống. Ở một góc phòng chợt nổi lên những tiếng ho khô khan của người nào đấy tưởng như không muốn dứt, tiếp theo là những tiếng khạc nhổ. Và tiếng động cơ của chiếc xe vừa chạy qua con đường phố bên ngoài khu nhà giam, âm thanh nhỏ dần rồi chìm mất trong cơn im lìm của gian phòng.

Tôi đứng yên lặng ôm chiếc chiếu đưa mắt nhìn một lượt khắp phòng giam tìm một chỗ để ngồi xuống, nhưng nhìn qua nhìn lại tôi vẫn không thấy một chỗ nào còn trống. Chỗ nằm của người tù là một cái bệ xi măng xây theo hình gian phòng, chừa một khoảng cách bao quanh từ kệ nằm đến tường nhà độ hơn một thước để làm lối đi, nhưng trên kệ nằm cũng như dưới lối đi những người tù nằm gần như chồng chất lên nhau không còn chừa một khoảng trống. Trên trần nhà có hai cái quạt, nhưng cánh quạt quay chậm chạp không đủ sức làm chuyển động lớp không khí nặng mùi hôi hám trong phòng. Nhìn những người tù dơ xương, da nhăn nheo ghẻ lở, nằm co quắp như những xác chết bất giác tôi cảm thấy rờn rợn trong người. Hình ảnh những phòng giam ở miền Nam, một vài nơi tôi bị giam giữ trước khi bị đưa ra đây, chợt như hiện ra trước mắt tôi. Ở tù tôi rất sợ những phòng giam thiếu mặt trời, vì ở đấy thân xác tôi giống như một khúc cây ở chỗ ẩm mốc sẽ mục nát dần với thời gian, chẳng thà bị đày ải ở một trại cải tạo nào đó có nắng gió và mặc dầu phải kéo lê thân xác như một con vật khốn nạn cho đến khi khô héo toàn toàn. Khô héo và mục nát đều dẫn đến hủy diệt, nhưng không hiểu tại sao sự ẩm mốc bao giờ cũng làm tôi sợ hãi.

Giữa lúc tôi còn chưa tìm được chỗ để ngồi xuống thì nghe có tiếng gọi :

— Ê, lại đây.

Tôi nhìn lại chỗ vừa có tiếng người. Trên một chỗ nằm ở bên mép bệ xi măng, ngay phía dưới chiếc quạt, một người tù nằm gối đầu lên một cánh tay, mặt nghiêng về phía tôi, tay còn lại đưa lên vẫy vẫy. Theo kinh nghiệm và nhìn qua chỗ nằm của người ấy tương đối rộng rãi so với những người chung quanh, tôi đoán người tù vừa gọi tôi là trưởng phòng. Cũng theo kinh nghiệm, tôi biết mình phải đến chỗ anh ta ngay nếu không muốn bị ăn đòn. Nhưng khi tôi định bước đến chỗ

anh ta tôi lại thấy ngần ngại không biết đặt xuống chỗ nào, vì dưới nền nhà những người tù nằm la liệt đến nỗi tôi không biết đặt bàn chân xuống chỗ nào để bước đi. Thấy vậy anh ta nói :

— Đạp bừa lên mà đi.

Đó cũng là một cái lệnh, nhưng tôi hiểu đấy chỉ là một thứ lệnh khơi khơi, cho nên tôi vẫn phải dón dén lách chân giữa những thân người để bước đi, nếu tôi không muốn những người tù nằm dưới chân tôi bất thần bật người dậy đấm đá tôi túi bụi vì tôi đụng chạm đến chỗ ghẻ lở trên người họ. Cuối cùng tôi cũng lò dò bước đến được chỗ anh ta.

Người tù nhấc đầu lên chống bàn tay vào mang tai, anh ta nhích người sang một bên bảo tôi ngồi xuống, rồi nhìn tôi lạnh lùng hỏi:

— Ở đâu ?

— Trong Nam.

Ánh mắt anh ta chợt chao động, hỏi tiếp :

— Lính bác Thiệu ?

— Không phải.

— Thế làm sao bị bắt đưa ra tận ngoài này ?

— Tôi cũng chưa rõ lắm, nhưng hình như họ cho rằng trước kia, tôi viết lách phản động.

Anh ta cười nhô cả bộ răng hô, làm ra vẻ hiểu biết :

— À, ra thế là nhà văn nhà báo đấy.

Tôi lắc đầu nhưng cũng không biết nói ra sao về sự viết lách lem nhem trước đây của tôi cho anh ta hiểu. Nhưng hình như anh ta cũng không để ý đến cái lắc đầu của tôi. Anh ta hất mặt về phía trước bảo :

— Lại chỗ kia nằm. Ông ấy cũng là nhà văn nhà báo đấy.

Tôi nhìn theo hướng hất mặt của anh ta, nhưng tôi không thể phân biệt được người tù nào trong đám người đang nằm dưới lối đi cách tôi độ bảy tám thước là người anh ta chỉ. Tôi hỏi lại :

— Người nào ?

Anh ta không trả lời tôi, nhấc đầu ra khỏi bàn tay, ngước mặt về phía trước gọi :

— Ông Giang Phố, ông Giang Phố.

Một người tù nằm nhắm mắt, không biết có phải đang ngủ không, giật mình mở mắt ngơ ngác nhìn quanh, rồi ngồi dậy.

— Lại đây.

Người tù lom khom bước đến. Người tù ấy là anh Giang Phố. Lúc anh Giang Phố đã ở trước mặt tôi, nhìn anh tôi thấy bàng hoàng xúc động. Con người ở trước mặt tôi chỉ còn một bộ xương bọc bên ngoài một lớp da sam sám bị ghẻ ruồi dày đặc, và khuôn mặt anh với chiếc đầu nếu không có mái tóc hớt ba phân lởm chởm, chiếc mũi dọc dừa xinh xắn, đôi vành tai mỏng, đôi môi khô dày thâm đen và chiếc

kính cận đeo trên mắt, tôi có thể nói đó là một cái đầu lâu với đôi mắt thụt sâu vào trong chỉ còn như hai cái lỗ và hai gò xương má nhô cao. Không thể định được thời gian trên khuôn mặt của con người như vừa từ cõi chết trở về ấy được, nhưng căn cứ vào mầu tóc còn đen, lớp da trên vầng trán chưa có những nếp nhăn, tôi đoán anh Giang Phố chỉ ngoài ba mươi tuổi mặc dù mới thoạt nhìn tôi tưởng ít ra anh cũng đã ngoài năm mươi. Cũng như mọi người tù khác, anh Giang Phố chỉ mặc một chiếc quần đùi và chiếc quần đùi của anh đã dơ bẩn, loang lổ như một miếng dẻ lau. Anh cúi xuống có vẻ khúm núm hỏi người tù trưởng phòng:

— Gì đấy anh Toán ?

Người trưởng phòng trở người nằm ngửa, chỉ tôi nói với anh :

— Ông này cũng là nhà văn nhà báo đấy, để ngủ chỗ anh cho có bạn.

Anh Giang Phố ngước lên nhìn tôi nhưng là cái nhìn bất động, không ánh lên vẻ gì. Tôi cười, gật đầu chào anh. Anh khẻ nhếch mép đáp lại tôi, vẻ mặt vẫn thản nhiên, rồi anh cúi xuống hỏi người tù trưởng phòng :

— Anh Toán từ nảy đến giờ làm hơi nào chưa, cho tôi hơi xái ?

Người trưởng phòng nhấc đầu lên, hai bàn tay luồn xuống dưới đan vào nhau làm gối, đáp :

— Có đấy ,mới làm một hơi lúc nảy. Thuốc nhạt lắm.

Chợt tôi thấy anh Giang Phố lặng người đi. Anh gập người lại lấy hai tay gãi như cào trên một bắp đùi. Anh vừa gãi vừa xít xoa, đôi mắt ngây dại hẳn đi. Anh Giang Phố cào gãi một lát, lúc trên đùi anh có chỗ đã bật máu tươi mới thôi. Sau đấy anh lấy ngón tay quyệt máu rồi chùi vào thành bệ nằm. Anh quì xuống bên mép bệ nằm với tay cầm cái điếu thuốc lào để ở trước mặt người trưởng phòng, lấy cái thông lõ điếu xăm xới tàn thuốc còn ở trong lõ điếu một cách thận trọng như thể sợ tàn thuốc còn ở trong đó rơi vãi ra ngoài. Đến lúc đó tôi mới để ý đến cái điếu thuốc lào trên tay anh. Cái điếu làm bằng bốn cái vỏ hòm diêm dán nối lại, một đầu bịt kín, một đầu nhét một miếng vải mùng vào trong để lọc khói và lõ điếu làm bằng đầu của một ống thuốc đánh răng.

Anh Giang Phố đứng dậy cầm cái điếu dón dén lách chân bước đến một góc phòng. Đến bên tường anh cúi xuống chân tường cầm lên một cái bùi nhùi dẻ chụm vào sợi giây vải giữ lửa đang ngún khói gắn trên kẻ nứt của bức tường, rồi ghé miệng thổi nhẹ nhẹ. Khi lửa đã ngún qua cái bùi nhùi dẻ anh buông sợi giây vải giữ lửa xuống, phùng miệng thổi mạnh cái bùi nhùi. Phải mất một lát anh mới thổi được cái bùi nhùi bốc lửa ngọn. Anh đưa lửa lên lõ điếu hít một hơi dài. Lúc quay trở lại chỗ tôi, anh Giang Phố để cái điếu xuống bên chỗ nằm của

người trưởng phòng, chép miệng rồi lắc đầu nói :

— Hút điếu thuốc vất vả quá mà chẳng có tí khói nào.

Rồi anh bảo tôi :

— Thôi lại đây ngồi nghỉ.

Tôi bước theo anh đến chỗ nằm của anh. Anh nói :

— Để các thứ ấy xuống đây ngồi đỡ, chốc nữa anh em thức dậy mình thu xếp chỗ nằm sau.

Tôi để chiếc chiếu xuống rồi ngồi lên đó. Anh cũng ngồi xuống bên tôi, lưng tựa vào tường. Tôi hỏi anh :

— Chắc anh em ăn cơm rồi ?

Anh gật đầu :

— Ăn rồi. Còn anh, ăn rồi mới vào đây chứ ?

— Người ta phát bánh mì nhưng tôi chưa kịp ăn.

— Gởi ngoài quản giáo ?

Tôi gật đầu. Anh hỏi :

— Anh gởi lại những thứ gì ?

— Hai cái bánh mì, một ít đường và hai gói thuốc.

Tôi chợt nghe anh nuốt nước bọt trong cuống họng và hình như anh định nói điều gì với tôi nhưng anh ngần ngại không nói. Anh quay nhìn tôi rồi lại nhìn về phía trước. Tôi hỏi:

— Tại sao người ta không cho đem vào phòng những thứ đó ?

Anh hỏi lại tôi:

— Thế ông quản giáo không giải thích cho anh biết ?

Tôi lắc đầu :

— Chẳng thấy nói gì cả.

— Họ sợ đem những thứ ấy vào gây ra chuyện đánh nhau.

— Anh nói tôi chưa hiểu.

Anh lại nuốt nước bọt rồi đáp :

— Ở đây cái gì ăn được, hút được cũng làm cho những người xung quanh thèm thuồng, rồi xin xỏ, kẻ có người không, nói qua nói lại là đánh nhau. Anh chưa biết đấy, có khi chỉ một mẩu thuốc tàn mà đánh nhau vỡ đầu.

— Tệ quá. Mấy trại giam trong Nam chưa đến nỗi vậy.

— Ừ, ở trong ấy...

Giọng anh Giang Phố bỗng trở nên thẫn thờ, anh buông lửng không nói tiếp, mắt đăm chiêu nhìn về phía trước như vừa mải nghĩ đến điều gì. Tôi cũng yên lặng đưa mắt nhìn chung quanh. Tôi chợt để ý đến những hình xăm trên thân thể những người tù trong phòng. Những người tù trong phòng phần lớn đều xăm người. Một người nằm gần chỗ tôi xăm một cái đầu lâu có hai cái xương bắt chéo, hình xăm lớn choán gần hết bộ ngực, và một người cũng nằm gần đấy xăm một chiếc thuyền buồm dưới bụng, loại thuyền của bọn cướp biển Âu

Châu thời trung cổ. Nhìn những người tù xâm người tôi đoán họ là những tội phạm xã hội, bất giác tôi băn khoăn không hiểu người ta giải thích thế nào về những con người ấy. Trước đây, khi chiếm miền Nam xong, đối với những tội phạm xã hội người ta cho đó là di hại của chế độ cũ để lại, nhưng còn ở đây, miền Bắc đã ba mươi năm xây dựng xã hội chủ nghĩa, không lẽ những tội phạm xã hội đó cũng vẫn di hại của chế độ cũ để lại?

Tôi quay qua hỏi anh Giang Phố :

— Anh em trong phòng phần lớn đều là tội phạm xã hội ?

Anh ghé miệng vào tai tôi nói nhỏ:

— Họ đều là bọn trộm cắp.

— Vậy mà người ta nói với chúng tôi rằng loại tội hình này ngoài này đã dọn sạch !

— Ở ngoài này tôi biết chuyện ấy, nhưng tôi lại không ngờ một điều khác.

— ..... ?

Giọng anh Giang Phố bỗng trở nên hậm hực, cay đắng:

— Tôi không ngờ họ lại đối xử với người tù dã man đến thế. Anh nghĩ xem, tôi vào tù có mấy tháng mà đã tả tơi như một miếng dẻ rách.

Tôi gợi chuyện :

— Làm sao anh bị bắt?

— Tôi vào tòa đại sứ Anh chơi, lúc trở ra thì bị bắt. Họ nói tôi làm gián điệp.

Nghe anh Giang Phố nói tôi thấy có cái gì đó vướng vất, nhưng tôi chưa nghĩ đến, hỏi tiếp :

— Anh chơi cái gì trong tòa đại sứ Anh ?

— Trao đổi văn hóa.

Tôi ngạc nhiên:

— Trao đổi văn hóa! Anh và người Anh trao đổi những gì với nhau?

— Tôi trình bày cho họ hiểu về ca dao, tục ngữ của mình, xem đấy như là túi khôn của dân tộc Việt Nam.

— Ồ, việc làm của anh đáng kính, nhưng anh có hiểu rằng làm việc đó mà không được sự cho phép của nhà nước là nguy hiểm không?

— Không. Vì tôi tin vào sự thành thật của mình.

Tôi không tin rằng anh Giang Phố vừa nói thật, vì không lẽ anh lại ngây thơ như vậy, nhưng vì mới quen anh tôi thấy không nên hỏi thêm về điều đó.Tôi hỏi anh sang chuyện khác:

— Anh mới bị bắt nhưng tại sao tôi thấy anh có vẻ ốm yếu nhất trong phòng vậy?

Anh Giang Phố khẽ nhếch mép, lấy tay đẩy chiếc gương trễ dưới sống mũi lên cao, anh nói, giọng cứng lại.

— Tôi bị cùm trong ca-xô mới được thả ra.

Tò mò tôi hỏi anh:

— Ca-xô như thế nào?

— Một buồng tối. Người bị cùm nằm trên một hầm phân, quần áo bị lột hết, khí mêtan xông lên nóng hực dưới thân người làm da thịt bị sấy khô héo dần. Không bao giờ thấy ánh sáng, phần ăn chỉ còn một nửa và nước uống chỉ được một ngụm xúc miệng.

Ở những nhà tù trong Nam, tôi có nghe nói đến những khu biệt giam, ở đấy có những người tù bị cùm đến nổi thịt ở hai bên mông bị thối, nhưng tôi chưa nghe nói đến loại lò sấy khô người như thế. Bỗng nhiên tôi thấy lo lắng nghĩ, nếu chẳng may tôi cũng bị đưa vào ca-xô như thế rồi đây thân xác tôi sẽ ra sao? — Chết, cái đó tôi không sợ, dù rằng bao giờ tôi cũng quí sự sống, nhưng phải sống với cái thân xác như anh Giang Phố bây giờ thì chẳng thà chết còn hơn.

Tôi hỏi anh:

— Rồi sau đó làm sao người ta đem anh ra ngoài ?

— Một hôm tôi kiệt sức mê đi họ cho người khiêng bỏ vào phòng này.

Anh Giang Phố ngửa mặt tựa đầu vào tường, giọng anh đổi sang vẻ chán nản, rời rạc:

— Vào tù bị lột hết, chẳng còn gì, chỉ còn chiếc quần đùi và chiếc kính này.

Tôi ngạc nhiên:

— Quần áo của anh họ cũng lấy à?

Anh lắc đầu :

— Không phải.

Anh nhìn tôi rồi đưa mắt nhìn những người trong phòng. Tôi hiểu. Anh nói:

— Hôm mới bị bắt họ giam tôi ở nhà giam Khu Hoàn Kiếm...

Anh định nói chuyện gì đó nhưng tôi ngắt lời anh, hỏi:

— Chứ đây không phải là nhà giam duy nhất ở Hà Nội ?

— Hà Nội chia ra làm nhiều khu phố, mỗi khu phố có nhà giam riêng. Trước đây, khi chưa ký hiệp định Paris, Hoả Lò là nhà giam tù binh Mỹ...

Anh đưa tay lên chỉ chiếc quạt trên trần nhà, tiếp:

— Nhờ giam tù binh Mỹ mới có hai chiếc quạt máy đó.

— Khi tù binh Mỹ còn giam ở đây anh có nghe được chuyện gì về họ lọt ra ngoài không?

Anh lắc đầu.

— Làm gì có chuyện lọt ra ngoài được.

Nhưng như vừa chợt nhớ ra anh cười, nói:

— À, có chuyện này, tôi nghe kể lại. Một hôm có một tù binh Mỹ

hỏi một cán bộ: các ông vẫn nói đất nước các ông giầu và đẹp, nhưng tại sao các ông cứ cho chúng tôi ăn cỏ mãi thế? Cỏ là rau muống, ở đây hàng ngày tù binh Mỹ phải ăn món canh rau muống.

Tôi cười theo anh.

*
* *

Ở bên ngoài ba hồi kẻng vang lên ngân dài. Những người tù trong phòng lần lượt mở mắt thức dậy. Chỉ một lát sau đó cả phòng bỗng nhốn nháo ồn ào hẳn lên và trong cảnh kẻ bước qua người bước lại tôi thấy gian phòng càng có vẻ chật chội. Có lẽ sự có mặt của người tù mới ở trong phòng là một việc bình thường, cho nên tôi thấy những người tù mới thức dậy nhìn tôi không có vẻ gì ngạc nhiên cho lắm. Họ đang chộn rộn chuẩn bị áo quần để chờ được ra ngoài tắm. Tôi hỏi anh Giang Phố:

Hình như mình sắp được đi tắm ?

Anh gật đầu :

— Hôm nay thứ tư mình được tắm.

Anh nhìn tôi cười, đôi mắt nhấp nháy có vẻ giễu cợt, tiếp:

— Chốc nữa anh sẽ thấy một cảnh tắm buồn cười.

Tôi định hỏi anh cảnh tắm ấy như thế nào thì chợt bên ngoài có tiếng lạch cạch, rồi tiếng then cài cửa cót két vang lên rợn người. Gã công an quản giáo mở rộng cánh cửa, đứng chắp tay ra phía sau yên lặng nhìn vào phòng. Cả phòng giam bỗng yên lặng. Tôi tưởng gã công an sẽ nói điều gì, nhưng gã chỉ đưa đôi mắt hấp háy dưới hai mu mắt sưng húp nhìn vào phòng như nhìn vào chỗ trống rồi quay người bước trở ra. Những người tù trong phòng cũng theo chân gã công an xô lấn nhau bước ra ngoài.

Tôi và anh Giang Phố là những người sau cùng bước ra khỏi phòng. Ra ngoài tôi cảm thấy không khí thay đổi hẳn, dễ thở và dễ chịu. Hà nội đang ở cuối mùa thu bầu trời có những đám mây trắng trôi lơ lửng và nắng lợt lạt dìu dịu không nóng. Những người tù theo sự điều khiển của người trưởng phòng đứng xếp hàng năm rồi ngồi xuống khoảng sân lát gạch trước phòng. Anh Giang Phố ngồi bên cạnh tôi, hai chân dang rộng, đầu cúi xuống làm hai xương vai nhô lên, gãi sột soạt lớp da ghẻ dưới bụng. Nhìn anh tôi bỗng thấy anh như vừa nhỏ lại và giống một đống xương vẹo vọ. Những người tù khác cũng đang ngồi gãi ghẻ, hoặc đang vạch quần áo bắt rận. Tôi không phải bận tâm về những thứ đó đưa mắt nhìn quanh. Những người tù ở các phòng khác cũng đang lần lượt ra ngoài sân, xếp hàng rồi ngồi xuống khoảng sân trước phòng họ như chúng tôi. Dãy phòng ở trước mặt tôi là nơi nhốt tù nữ cũng vừa mở cửa và những nữ tù nhân cũng đang lần lượt ra ngoài xếp hàng. Nhìn những nữ tù nhân đủ loại tuổi

ngồi trong hàng đưa cặp mắt lộ vẻ thèm thuồng của mình theo dõi và lên tiếng nhắc chừng sự quá tay hay sự thiếu chính xác của người chia cơm.

Anh Giang Phố ngồi bên tôi cũng đưa mắt chăm chú nhìn và cứ một lát tôi lại nghe anh nuốt nước miếng trong cuống họng. Lúc chia cơm xong anh quay lại nói với tôi.

— Hôm nay anh gặp may, đến trại đúng ngày được ăn thêm.

Tôi nhìn anh không hiểu:

— Ăn thêm là sao?

Anh giải thích:

— Mỗi tháng mình thừa một ít tiền ăn, họ lấy tiền ấy mua thêm cho mình một tí thức ăn.

Tôi chua chát:

— Mỗi ngày được có bảy hào tiền ăn mà cũng thừa! Được thêm những gì, anh?

— Đấy, được một miếng thịt lợn và hai miếng đậu phụ.

Hai người ngồi đầu hàng đứng dậy bước qua lấy phần ăn. Anh Giang Phố cũng bước qua lấy phần cơm. Lúc anh quay lại tôi thấy anh nhìn xuống hai bát cơm như đang so sánh, rồi anh đưa cho tôi một bát. Tôi nhìn bát cơm của mình. Bát cơm của tôi ngoài những cộng rau muống có cả lá vàng úa, còn có một lát thịt heo bằng một đốt ngón tay và hai miếng đậu khuôn cũng không lớn gì hơn lát thịt. Tôi chưa có cái đói như những người chung quanh nên chưa vội ăn. Tôi để bát cơm trước mặt, lơ đảng đưa mắt nhìn cảnh ăn uống của những người ngồi trong hàng. Chợt anh Giang Phố đập tay tôi nói rồi kêu lên:

— Ăn đi chứ, vào phòng ngay đấy... mà thịt với đậu đâu rồi?

Tôi nhìn xuống bát cơm của mình: hai lát đậu và miếng thịt đã biến đâu mất.

Giữa lúc tôi còn ngơ ngác thì nghe anh Giang Phố chửi thề:

— Đ.M. thằng nào nhanh thế.

Những người tù ngồi gần tôi vẫn cúi mặt nhai nuốt nghiến ngấu như không biết có chuyện gì vừa xảy ra. Tôi nói với anh Giang Phố:

— Thôi anh, không có gì.

Rồi vừa chua xót vừa chán nản tôi đẩy bát cơm đến trước mặt anh, làm ra vẻ vui vẻ nói:

— Anh ăn luôn dùm tôi, vừa ăn bánh mì xong tôi không thấy đói.

Anh nhìn tôi ngần ngại:

— Anh cố ăn đi, nhỡ đêm đói không ngủ được.

— Tôi không đói đâu.

Tôi đưa mắt nhìn qua chỗ khác vừa làm vẻ tự nhiên để anh Giang Phố đỡ ngượng, vừa tránh những đôi mắt của mấy người ngồi hàng trên quay xuống nhìn bát cơm với vẻ thèm thuồng.

Ăn cơm uống nước xong chúng tôi vào phòng. Anh Giang Phố nói với mấy người nằm gần chỗ chúng tôi thu xếp lại chỗ nằm để tôi trải chiếc chiếu ra, rồi anh bảo tôi:

— Tối nay tôi với anh nằm chung cái chiếu của anh. À, nhưng mà anh thích nằm chiếu hay nằm đất cho mát?

Nghĩ đến sự nằm chung đụng chạm vào lớp da ghẻ của anh, tôi bỗng thấy rờn rợn trong người, nhưng không biết làm sao khác được. Tôi đáp:

— Nằm gì cũng được.

Thôi nằm chiếu đi. Từ ngày vào trại đến bây giờ mới được nằm chiếu.

Tôi lấy gói thuốc trong túi quần ra giấu vào trong chiếc mùng rồi hỏi nhỏ anh:

— Anh cần hút thuốc chưa?

— Chưa. Đến khuya mới hút được.

Anh thầm thì bên tai tôi, tiếp:

— Hút bây giờ bọn xung quanh nó châu vào xin hết. Nó xin mà mình không cho là đâm ra thù oán, có chuyện lôi thôi ngay. Nhưng mà anh lấy cho tôi một điếu.

Anh hạ giọng:

— Cho ông trưởng phòng một điếu để lấy lòng.

Tôi cầm chiếc mùng lên đặt trên đùi giả đò xếp lại rồi luồn tay vào trong tìm gói thuốc bóc ra lấy một điếu đưa cho anh Giang Phố. Anh Giang Phố cầm gọn điếu thuốc trong lòng bàn tay, đứng dậy lò dò bước đến chỗ nằm của người trưởng phòng. Một lát sau anh trở lại ngồi xuống bên tôi, nói:

— Xong. Ông ấy hút thì chẳng thằng nào dám thắc mắc, gây chuyện.

Tôi hỏi anh:

— Từ ngày vào tù anh được gia đình thăm lần nào chưa?

— Chưa. Ông cụ bà cụ ở mãi dưới Hải Phòng, còn vợ tôi ở trong Hà Tĩnh.

— Quê chị ở trong ấy?

— Không. Nhà tôi là kỹ sư cơ khí mới ra trường, công tác trong đó. Tôi công tác ở tờ báo Văn. Anh ở trong ấy cũng là dân viết lách?

— Tôi viết lem nhem thôi, không có gì đáng kể.

— Ở trong Nam anh em có được tự do viết không?

— Có những điều chế độ tìm cách ngăn cản không cho chúng tôi viết, nhưng chúng tôi vẫn tìm được những cách để viết ra những điều

muốn viết. Tuy nhiên, điều quan trọng là, không ai ra chỉ thị bắt chúng tôi phải viết cái này hay cái nọ.

Anh thở dài:

— Như thế là sướng rồi. Ở ngoài này thì khác, tính đảng là cái đẹp tuyệt đối trong tác phẩm và người viết phải hiểu đấy là chỉ thị.

Tôi cười :

— Thành ra sáng tác nào cũng giống nhau.

Anh nheo mắt lại như tìm kiếm một cái gì, rồi trầm ngâm nói:

— Cũng có một vài trường hợp lọt sổ, như Vào Đời của H.M.Tuân.

— Một cái tát vào chế độ. H.M.Tuân rồi sau đó ra sao anh?

Anh nhìn tôi ngạc nhiên, sững sờ đến một lát:

— Ở trong đó cũng đọc được Vào Đời của H.M.Tuân? Hay nhỉ, ai đem vào nhỉ? Sách ra chẳng được bao lâu bị Tố Hữu phát hiện ra lệnh thu hồi ngay mà.

— Không ai đem vào. Sách lại qua Pháp rồi về lại miền Nam.

Anh ngẩn mặt ra:

— À, ra thế. H.M.Tuân chỉ bị cải tạo một thời gian ở Sơn Tây.

— Ở ngoài này chắc anh biết nhiều về nhóm Nhân Văn Giai Phẩm, bây giờ họ ra sao anh?

— Hầu hết họ đã về rồi, chỉ còn nhà văn nữ Thụy An còn gánh phân ở một trại cải tạo.

Giọng anh chợt nhỏ lại bên tai tôi:

— Bà Thụy An đã tự chọc thủng một mắt và tuyên bố: Nhìn cộng sản chỉ cần nhìn một mắt.

Tôi thảng thốt kêu lên:

— Trời ơi!

Một nỗi xúc động dân gian làm tôi không nói được nữa. Hình ảnh một bà già khô đét âm thầm từ bao năm nay ở một chốn núi rừng âm u nào đó, ngày ngày bước thấp bước cao với gánh phân nặng chĩu trên vai, nhưng bao giờ cũng ngước mặt lên phóng ra từ đôi mắt sáng quắc cái cao ngạo của kẻ sĩ, bỗng như hiện ra rực rỡ trước mặt tôi. Bất giác tôi đưa tay lên ghì chặt mảnh vai gầy guộc của anh Giang Phố như thể vừa tìm được ở đâu đó một chỗ bám víu cho những ngày sắp đến của mình. Từ đấy tôi ngồi yên lặng bên anh suy nghĩ mông lung cho đến khi ngọn đèn trong phòng bật sáng.

LÊ TÂM

Đào Trung Đạo

Chủ Thể Văn Chương

Trong tác phẩm "République" Platon đã tống xuất thi sĩ ra khỏi nước Cộng Hoà Lý tưởng của ông, khai mào cho mối hậnthù thầm lặng tối tăm giữa Triết lý và Văn chương, giữa nhà tư tưởng và nhà văn, giữa chủ thể triết lý và chủ thể văn chương. Cuộc chiến đấu giữa hai thế lực ngôn ngữ này chưa từng cho văn chương một cơ hội thắng thế; Văn chương luôn là kẻ thua cuộc. Trong lịch sử, nếu may mắn mà thế lực tư tưởng có đi song hành với thế lực văn chương thì tạm thời số phận nhà văn không đến nỗi bị đe doạ, văn chương thoát khỏi mọi sự kiểm soát. Nhưng thảm hoạ sẽ lập tức xảy đến cho người cầm bút nếu như thế lực tư tưởng ở vào vị trí cai trị, thi hành quyền sinh sát trước hết với những người cầm viết đi ngược lại, phản kháng cất tiếng chống tư tưởng lãnh đạo. Chung cuộc, khi tư tưởng chiếm được địa vị cai trị thì hàng ngũ nhà văn sẽ là: một thành phần đầu hàng nhục nhã và không còn ở lại với văn chương, không còn viết được tác phẩm văn chương nữa; thành phần thứ hai có số phận: hoặc bị đàn áp khủng bố, kết án tù đày, đẩy lui vào vùng xám hay bóng tối (bút giấy tôi ai cướp giật đi - Phùng Quán) hoặc bị đẩy ra khỏi xứ sở, sống kiếp lưu đày.

Thảm hoạ lớn lao nhất trong lịch sử nhân loại xảy đến cho văn chương là ở thế kỷ 20 này, thế kỷ đánh dấu sự thử thách sinh mệnh của văn chương: chủ nghĩa Phát xít và chủ nghĩa CS đã thiết lập được bộ máy nhà nước cai trị tàn bạo trên một số xứ sở của văn chương. Cái gì đã xảy ra cho nhà văn mọi người đều đã thấy rõ. Mối hận thù tối tăm thầm lặng từ lâu trong truyền kiếp được dịp nổ bùng không cần che giấu: ngày nay các chính quyền CS trên một phần ba địa cầu đồng loạt thi hành cùng một sách lược đối với giới cầm bút (có thể tùy theo hoàn cảnh cụ thể mà áp dụng) trung thành với những chỉ dẫn của Lenin là tuyệt đối khống chế văn hoá, đặt văn chương vào kiểm soát lãnh đạo của đảng, tiêu hủy văn chương đích thực, làm câm họng chủ thể văn chương, đẩy lùi văn chương vào cõi im lặng đồng thời tạo ra

một đội ngũ văn nô chấp pháp cung đình, phát hành tiền tệ văn chương giả mạo nhằm đánh lận con đen giữa văn chương đích thực với văn chương giả mạo (văn học hiện thực xã hội chủ nghĩa).

Trong hoàn cảnh đó văn chương đã chịu chết? chủ thể văn chương với án tử hình treo trước ngực đã hoàn toàn bị tiêu hủy?

*
* *

Tất nhiên, trường hợp VN từ sau CS thiết lập bộ máy cai trị tàn bạo trên toàn đất nước, biến VN thành một hành tinh xã hội chủ nghĩa quay theo vận tốc tự sát của qũi đạo Sô viết, các người cầm bút của VN cũng chịu chung số phận những người cầm bút ở những xứ sở bị CS cai trị. Trong bối cảnh sinh hoạt văn chương thế giới ở hai thập niên cuối của thế kỷ 20, văn chương lưu vong đã được nhìn nhận là một thành tựu lớn lao nhất của thế kỷ này. Ngày nay, văn chương là văn chương lưu đày.

Sinh hoạt văn chương ta ở hải ngoại vừa được đón nhận một đóng góp quí giá của Đặng Phùng Quân với *"Văn chương và Lưu đày"*. Đây là một đóng góp vừa có ý nghĩa vừa cần thiết. Cần thiết vì sinh hoạt văn học của ta đã có những thành tựu những phát triển mới về mặt sáng tác nhưng còn thiếu vắng về mặt lý luận văn học. Có ý nghĩa vì *"Văn chương và Lưu đày"* trước hết là một trả lời tích cực cho lý do (raison d' être) của việc viết và đọc của chúng ta hôm nay, việc những nhà văn VN và lớp độc giả khởi đầu (có là cuối cùng?) vẫn tiếp tục viết tiếp tục đọc văn học VN. Quê hương, ở nghìn trùng xa cách, chúng ta chưa thể trở về. Dân tộc, ở vòng đầu địa ngục bị sỉ nhục xúc phạm, chúng ta có gì để chia xẻ? Cái ý nghĩa của "Văn chương và Lưu Đày" của Đặng Phùng Quân là ý nghĩa của một cái *"Đến"* cái *"Tới"* *"Mang tầm thước mãnh liệt đó"* (với sự) *"tin tưởng rằng (những) tác phẩm của mình sẽ ảnh hưởng đến dân chúng trong nước (là) đám đông thầm lặng ở quê nhà"* (văn chương và Lưu đày, trang 250).

Nội dung của *"Văn chương và Lưu đày" gồm 2 phần: phần thứ nhất: "nhằm khai phá những vấn đề của một khoa học văn chương" (tôi sẽ trở lại vấn đề này ở một đoạn sau) gồm những bài viết về tiểu thuyết của Khaî Hưng, văn chương của Simone de Beauvoir, Stendhal và 6 tấu khúc "Ngợi ca viết"*. Phần thứ nhì là một số nỗ lực chính yếu trả lời câu hỏi "văn chương có thể đứng độc lập với ý thức hệ chính trị và guồng máy kiểm duyệt nhà nước được không?" câu trả lời này cũng gián tiếp đưa đến việc xem xét những thành tựu lẫy lừng của những tên tuổi văn chương lưu vong thế giới như Milan Kundera, G. Konrád, A. Zinoviev, A. Zamyatin.

Thoạt nhìn *"Văn chương và lưu đày"* người đọc có cảm tưởng tác phẩm này là một tập hợp những bài viết đã được viết ra ở những thời

điểm trải dài từ trước 1974 đến sau 1984, có tính cách tản mạn, đứt quãng. Thật ra nếu chúng ta đọc kỹ "*Văn chương và Lưu đày*" chúng ta sẽ nhận ra rằng *vận động văn chương của Đặng phùng Quân có tính liên tục, nhất quán.* Đó là một bản viết mang vết tích của một hành trạng không ngơi nghỉ trong vận hành của ngôn ngữ, của chủ thể văn chương (sujet de la littérature) từ một khởi đầu viết trong bất ổn đến một lưu đày mang theo ký ức sinh động về thảm hoạ xảy đến cho chính sinh mệnh mình là sự bạo động cuồng nộ phủ chụp lên bóng tối sâu thẳm. Trí tuệ của chủ thể văn chương không khuất phục trước bạo lực, phản ứng lại thực tại lịch sử, nhằm hoàn tất một biến đổi văn chương có tính tiền phong sáng tạo, tính chân lý, tính thức tỉnh nhân loại và tính nhân bản. Đó chính là những nét lớn của vận hành văn học thời đại chúng ta.

*
* *

"Về tiểu thuyết của Khái Hưng" là một khai phá sáng tạo trong lãnh vực phê bình văn học VN. Trước Đặng phùng Quân, những nhà viết phê bình văn học - có thể lấy thí dụ một Vũ ngọc Phan - viết về Khái Hưng đứng ở một vị trí quan điểm *bên ngoài* tác phẩm của Khái Hưng, chú trọng đến những khía cạnh phi-tiểu-thuyết như nội dung câu chuyện, luân lý tác phẩm, luân lý nhân vật rập khuôn - phải là - đúng với thực tại. Có thể gọi đó là lối phê bình cổ điển nhìn tác phẩm văn chương bằng tri giác, nhận thức, lý luận của đời sống hàng ngày, người ngoại cuộc. Từ trong định nghĩa văn chương là giả tưởng, tiểu thuyết có ngôn ngữ và cấu trúc của văn chương. Xem xét tiểu thuyết của Khái Hưng với cái nhìn văn chương ta mới thấy được đó là một nhà văn thuần tuý, một người viết tiểu thuyết có tầm vóc lớn nhất của văn học ta. Đặng phùng Quân đã đọc Khái Hưng để tìm ra tương quan ngôn ngữ/văntự, đọc/viết, tác giả/tác phẩm, vắng mặt/hiện diện bằng phương pháp thực hành và lý thuyết "tháo gỡ" (déconstruction). Cho nên với người đọc chưa làm quen với phương pháp và lý thuyết này sẽ không khỏi bỡ ngỡ, hụt hẫng. Ta không thể đòi hỏi Quân đem đến cho người đọc đầy đủ dụng cụ, hiểu biết về lý thuyết và thực hành của bản viết ông đưa ra. Nên tôi nghĩ nếu người đọc vượt qua được những khó khăn ở lần đọc thứ nhất với những *lần đọc lại,* thì sẽ rất yêu bài "Về những tiểu thuyết của Khái Hưng", nó mở ra những thế giới, những bí mật, những bất ngờ của ngôn ngữ tiểu thuyết, tạo nên nỗi đam mê tuyệt vời của *đọc.*

Xin nhớ nếu viết là một lao động thời nay được trả giá một cách rất khinh bạc thì đọc cũng nên coi là một lao động chỉ có thể tự mình đặt giá.

Sau Khái Hưng là nhà văn nữ, bạn đời đồng hành của Jean Paul Sartre với nghệ thuật viết nhật ký, hồi ký, tự truyện, tiểu thuyết. Kế

đến là xem xét Stendhal để tìm ra một định nghĩa cho tiểu thuyết.

Sáu tấu khúc "*Ngợi ca viết*" là những bản viết về chính kinh nghiệm viết của tác giả. Sợi dây nối kết giữa những bài viết về tác giả đến những tấu khúc là từ *đọc* sang *viết*. Cả hai hành vi này đều xảy ra trong cõi im lặng, thế giới của chữ viết, trong đó trí tuệ lao mình vào một cõi riêng ẩn mật, đối nghịch chủ thể văn chương với những phạm vi của thực tại đời sống, lịch sử - "Viết để cảm nhận nỗi đau trần trụi, lạc thú của tự do" (Văn chương và Lưu đày, trang 152), dẫn vào Minh Trí. Vì viết là "Khám phá văn chương ngày nay là đặt lại vấn đề: Ai viết? đó là câu hỏi nguyên uỷ của sự sáng tạo, mối tương quan giữa hành vi viết và bản văn" (Văn chương và Lưu đày, trang 144).

Nơi bản viết của Đặng phùng Quân, cuộc chiến tử sinh giữa chủ thể văn chương và chủ thể triết lý có cái chung cuộc là tác giả đứng ở bên phía văn chương. Chỉ có thế đứng này mới giải thích được quan điểm của tác giả văn chương là khủng cụ tinh thần chống lại bạo lực lịch sử (phát sinh từ địa vị ưu thế nắm giữ quyền hành cai trị của chủ thể triết lý) là "sức truyền dội lại bức màn sắt cô lập phong tỏa với thế giới bên ngoài" (văn chương và Lưu đày, trang 250) - Giai đoạn hiện nay đã chứng nghiệm sự giải toả mối hận thù thầm lặng tối tăm giữa triết lý và văn chương, với Nietzsche kẻ tiên phong đặt ra vấn đề và Heidegger khai phá những khả tính của ngôn ngữ đẩy triết lý ra khỏi nỗi mơ ước ngự trị, sau đó Jacques Derrida mở ra những cảnh giới mới mẻ của bản viết từ lâu bị ngộ nhận, che khuất vì giằng co tranh chấp đầy đam mê giữa chủ thể triết lý và chủ thể văn chương.

(Về khoa học văn chương: có thể có một khoa học văn chương? Nếu hiểu khoa học theo nghĩa của Hegel là vận hành của tinh thần, trí tuệ trong nhận thức và Praxis biến đổi thế giới thì có thể có khoa học văn chương. Jacques Derrida trong những tác phẩm đầu tử "La Voix et le Phénomène", có tham vọng xây dựng một khoa học về viết, nghiên cứu những hậu quả của vận hành "*biệt hoá*" (différance) mà siêu hình học Tây phương đã kiềm chế một cách rất có hệ thống trong việc truy tìm chân lý hiện diện (vérité présente). Nhưng từ sau "De la Grammatologie" Jacques Derrida đã ngưng thực hiện việc xây dựng khoa học này vì nó đã lấy đối tượng là chính ngôn ngữ nói đã được khoa tháo gỡ đặt thành vấn đề từ khởi điểm.)

Nói cho gọn, tự trong bản viết của Đặng phùng Quân đã chỉ ra một vận hành liên tục của tương quan đọc/viết, chủ thể triết lý văn chương dẫn tới phản ứng của văn chương trước bạo động lịch sử: luận lý nội tại của "Văn chương và Lưu đày" là một chuyển vận biện chứng.

*
* *

Một trong những thất bại lớn lao nhất của cai trị độc tài CS là đã không thể nào xây dựng được một *nền* văn học hiện thực xã hội chủ nghĩa. Họ có thể bằng bạo động dựng lên một bộ máy nhà nước chuyên chính nhưng họ không thể tiêu hủy toàn bộ văn chương tự do, dù thi hành một chính sách tàn bạo vô nhân nhất đối với người cầm viết: Trong nước đội ngũ nhà văn Samizdat là mũi nhọn mãnh liệt vô-hình-tướng truyền thông sức mạnh phá hủy nỗi sợ hãi giữa cá nhân trong xã hội, đập tan mọi cấm kị do chế độ dựng lên đồng thời cũng xuyên thủng bức màn sắt vây bủa cách biệt giữa trong nước và ngoài nước. Không bao giờ CS có thể trấn áp hủy diệt được văn chương Samizdat vì nó phát xuất từ và có sức mạnh quần chúng và nó có mặt ở ngay trong lòng đội ngũ văn hoá do đảng lãnh đạo, ngoài nước những người cầm bút lưu vong đã "di động nguyên vẹn cơ sở văn học từ trong nước ra bên ngoài" (Văn chương và Lưu đày, trang 230), thực hiện trong bản viết "những biến động xã hội lớn lao, đảo hoán giá trị con người và trước hết, trí nhớ sinh động của những dân tộc đang bị đẩy đưa vào chỗ lãng quên, sự thật và tự do vượt khỏi bạo ngược và sự dối trá lịch sử bất kỳ hình thức nào" (Văn chương và Lưu đày, trang 235).

Đó là trên mặt thực tiễn. Còn trên mặt quan điểm, học thuyết thì văn chương lưu vong đã phơi bày sự sụp đổ của cơ sở văn học hiện thực xã hội chủ nghĩa bằng những luận điểm đánh thẳng vào kinh điển Mác xít của chính những người đã xuất thân từ trong "lò" Mác xít và có tầm vóc kích thước đầy đủ thẩm quyền để đối thoại. George Lukacs, Karel Kosik, A. Zinoviev, L. Kolakowski v.v...tốt nghiệp và giảng dạy ở những học viện nổi tiếng ở các nước CS đã nói lên cho thế giới nhận thức sự phá sản của Mác Xít trong phạm vi tư tưởng và văn chương. Từ lâu thế giới bên ngoài đã không hiểu sự thật về thế giới CS, đã nhìn CS qua những sản phẩm của guồng máy tuyên truyền nhà nước nhưng nay nhờ sự có mặt của văn chương lưu đày người ta đã hiểu được trò lố bịch trầm trọng của CS: "Có lẽ không ở nơi nào trên thế giới văn minh mà chủ nghĩa Mác xít lại xuống dốc toàn diện như vậy và những tư tưởng xã hội chủ nghĩa lại bị lật tẩy và trở nên lố bịch như trong những nước chủ nghĩa xã hội đã thắng thế - Leszek Kolakowski" (Văn chương và Lưu đày, trang 265). Như vậy, ngay cả ở địa bàn của nó xã hội chủ nghĩa đã là một trò lố bịch rồi thì thiết tưởng những tay trí thức, nhà văn ở bên ngoài thế giới CS vẫn còn tỏ ra bị hấp dẫn bởi chủ nghĩa Mác hoặc ưa trang điểm trên thân thể mình bằng lớp da xác chết nhợt nhạt ghê tởm lấy ra từ những lăng tẩm lãnh tụ CS, còn đáng cho mọi người khinh bỉ những bộ mặt riễu cợt vô duyên đó đến chừng nào.

*** ĐÀO TRUNG ĐẠO**

Thời sự văn học nghệ thuật.

Nghe sách.

Ngày xưa ở ta kể *đọc* sách thì ít người *nghe* sách vẫn nhiều. Trong làng có dăm ba người biết chữ, mua sách về, chọn lúc thư thả mang ra đọc cho bà con nghe chơi. Đọc như thế, xưa gọi là "nói". Nói *Kiều*, nói *Lục Vân Tiên*, nói *Phạm Công Cúc Hoa*, nói *Trần Minh Khổ Chuối* v.v... Xung quanh mỗi người nói có một quần chúng xúm xít nghe. Hoặc nằm võng vừa nhai trầu vừa nghe, hoặc vừa may vá vừa nghe, hoặc vừa xơi trà hút thuốc vừa nghe truyện... Cảnh thưởng ngoạn văn chương thời trước đông đảo, đề huề, vui vẻ ra phết. Và đấy đó, khắp các dân tộc hồi Trung cổ đều làm như thế.

Đến bây giờ, tận Hoa Kỳ, vào thời buổi điện tử, thiên hạ lại ào ào trở về tục lệ xưa: nghe sách. Sách thu vào băng, mang theo cái máy nho nhỏ quàng ngang vai, đeo ống nghe vào tai, vừa chạy bộ vừa nghe sách, vừa lái xe vừa nghe sách. Nghe đủ thứ sách: thơ văn cổ điển, sách của các giải Nobel, sách kể chuyện bí mật phòng the, sách dạy cách buôn bán làm giàu v.v... Người Mỹ "hôm nay" gặp nhau tha hồ ba hoa:

— Tôi vừa *nghe* cuốn sách mới nhất của Soljenitsyne. Khá quá chớ.

— Á à. Bà đã *nghe* sách của X.X... nói về cách "trị" đàn ông chưa? v.v...

Sách nghe (audio book) ra đời cũng đôi ba chục năm nay, lúc này bỗng phất lên dữ dội. Khắp nước Mỹ đã xài hơn 140 triệu máy cát-xét; và trong năm 1985 này người ta ước chừng loại băng sách (không phải băng nhạc) sẽ bán được 100 triệu Mỹ kim. Nghĩa là so với năm 1984, tăng hơn 50%! Băng sách nhiều cỡ: có băng bán 6$, 7$; có băng bán đến một đôi chục bạc. Trong số các nhà "xuất bản" băng sách nổi tiếng có nhà Books on Tape, nhà Recorded Books, nhà Warner Audio Publishing v.v..., có nhà đã tung ra hơn nghìn rưỡi nhan đề.

Có nhiều dư luận trái ngược nhau về hiện tượng sách-nghe ở Mỹ.

Giới xuất bản sách-đọc kêu rằng sách-nghe làm hỏng độc giả, làm hỏng nghệ thuật: sách-nghe thường rút ngắn nguyên bản, mất cả hay ho, nó tựa như *fast food*, như món làm sẵn để ăn vội, nó hạ thấp phẩm chất nghệ thuật, nó làm cho quần chúng lười đọc,dần dần có thể... quên mất cái thú đọc sách. Người ta nhạo báng sách-nghe, gọi nó là "Kentucky Fried literature". Văn chương quay sẵn.

Giới ủng hộ sách-nghe lại bảo rằng: sách-nghe tập cho người ta làm quen với sách. Trong quần chúng, lắm kẻ cả đời không hề cầm đến cuốn sách và chắc chắn cũng không hề dự tính có ngày sẽ đọc sách. May có băng sách bèn nghe chơi, rồi dần dần nghe thiệt, rồi đâm ghiền sách. Sách-nghe là con đường khai hóa kẻ mù chữ. Nên biết ơn nó.

Biết ơn hay không biết ơn, nó thành một phong trào. Và ngay giới xuất bản sách-đọc đã có lắm người phóng tay sản xuất sách-nghe: nhà Random House tháng 9-1985 này cho ra đời Audio Books, nhà Bantam Books sẽ cho ra mắt Bantam Audio Publishing vào năm tới v.v...

Đệ nhất danh tác.

Một tác phẩm như *Chiến tranh và Hòa bình* "nghe" ra sao, cái đó chưa chắc. Còn sách như cuốn sau này mà những lúc một mình một xe lái phom phom trên xa lộ vượt muôn dặm đường trường những lúc cô đơn buồn bã như thế, đeo ống nghe vào tai nghe chơi dài dài thì nhất định là tuyệt: Sách ấy là bộ *Kim Bình Mai*. Một cây bút phê bình của Pháp, Alain Peyraube cứ tấm tắc khen mãi: "Đúng là một tuyệt phẩm của nền tiểu thuyết Trung Hoa". Một nhà phê bình của Trung Quốc hồi thế kỷ thứ XVII phán rằng: "Nếu bạn viết xoàng mà đọc *Kim Bình Mai* xong viết vẫn không khá lên được thì bạn chỉ còn có cách đốt luôn cả bút lẫn giấy mà cầm lấy cái chuôi cày cho được việc".

Mười lăm năm trước ở nước Đại Pháp có kẻ hâm mộ đã dịch đã in *Kim Bình Mai*, nhưng học giới Pháp vẫn chưa lấy làm hài lòng. Vì *Kim Bình Mai* là thứ sách dữ: nó mô tả tệ trạng của một tầng lớp xã hội Tàu lúc đương thời. Ngoài xã hội thì quan lại tham ô hoành hành, trong gia đình thì ăn chơi hoang dâm. Tác giả phơi bày các trò "tiêu khiển" trong khuê phòng của Tây Môn Khánh kỹ quá, khiến nhà cầm quyền phong kiến Trung Hoa ngày trước phải cắt xén lung tung. Ngày nay khó lòng tìm được bản chính *Kim Bình Mai*, bản nào cũng bị sửa đổi, đục, cắt, thiến v.v...

André Lévy, giáo sư viện đại học Bordeaux, khổ công tìm cho kỳ được bản *Kim Bình Mai* thật xưa, xưa nhất trong những bản đã tìm thấy hiện nay, là bản in năm 1618. Ông hì hục dịch non ba nghìn trang sách (nói cho đúng là 2.755 trang) in làm hai quyển. Sách được nhà

Gallimard trân trọng chọn in vào tủ sách Pléiade, tủ sách danh riêng cho các danh phẩm và danh gia. Gớm, cặp Tây Môn Khánh — Phan Kim Liên, lúc sinh thời đã hưởng lạc thật kỹ, khi chết lại được hậu thế đối xử trọng vọng quá xá.

Trước 1975 ở Sàigòn cũng có xuất bản *Kim Bình Mai*. Đó là một bản đã được "chỉnh đốn" tử tế. Dịch giả chỉ mới vừa dàn ra mấy món ăn chơi đã bị sở kiểm duyệt gắt nhặng xị cả lên, đục bỏ tuốt hết.

Kinh tế và văn nghệ.

Đông phương ngày nay thỉnh thoảng mở mắt chợt thấy vài món ăn chơi của "các cụ" bên Trung Hoa cổ thời đã lóa mắt, trầm trồ, tắc lưỡi. Ngược lại các cô cậu ở Trung Hoa lục địa ngày nay năm khi mười họa được nhà cầm quyền hé cho trông thấy vài món ăn chơi của Tây phương lại cũng khoái mê tơi. Sự đời có qua có lại là thế.

Từ ngày Đặng Tiểu Bình làm cách mạng kinh tế, cho xe hơi, ti-vi, quần áo, nước ngọt Mỹ v.v... nhập cảng vào Trung Hoa, đời sống tinh thần của các đồng chí bên ấy tự dưng cũng xao động. Một nhà phê bình văn học tiền chiến ở ta đã cho rằng một chiếc đinh của Tây phương cũng đem theo nó một ít quan niệm nhân sinh mới, cũng là một trong những nguyên nhân đã đưa tới phong trào thơ mới ở Việt Nam. Thế thì quần jean, nước coca v.v... làm sao khỏi gây xáo trộn tinh thần trong khối đồng chí vô sản? Có những cán bộ uống phải nước coca vào một hôm bỗng dưng bâng khuâng quên hết những bài hát ca ngợi Mao chủ tịch, rồi lại giậm giật muốn nghe nhạc pốp; có những thiếu nữ quấn khăn đỏ mặc phải quần jean bó sát vào người, một hôm bỗng nhiên cảm thấy ngứa ngáy muốn ngoe ngoảy mông theo một điệu đít-cô v.v... Cứ thế văn thơ, nhạc, họa của nước xã hội chủ nghĩa từ từ chuyển hóa.

Mới đây, cách mạng kinh tế gặp trục trặc. Buông lỏng bàn tay chỉ huy ra, kinh tế nó lồng lên làm loạn. Cán bộ lớn bé thi nhau vơ vét; tham nhũng, đầu cơ tràn lan, giá rau ở Bắc Kinh vụt cái tăng gấp đôi, trứng biến đâu mất v.v... Đảng và nhà nước giật mình, lo sửa sai. Và văn học nghệ thuật cũng bị vạ lây: Nhạc pop của Hương Cảng và Đài Loan đang được phép nghe, vừa rồi bị Chủ tịch Hội các nhạc sĩ Trung Quốc ra lệnh cấm. Chương trình "Live Aid", nhạc hội gây quĩ cứu đói Phi Châu bị cấm chiếu ở Trung Quốc lục địa. Ca sĩ nhạc pop của Hương Cảng là Connie Mak đã chuẩn bị đi Bắc Kinh trình diễn, lại phải đình. Tháng sáu năm 1985 một cuộc triển lãm tranh lập thể bị cấm. Tháng bảy 85 bộ Văn Hóa lại thông báo: muốn trình diễn trước công chúng bất cứ thứ gì đều phải có giấy phép, có "lai-xăng" v.v...

Cái rau cái trứng cùng câu hát tấm tranh, chúng đang khép nép sát cạnh nhau, ngại ngùng dưới bàn tay đe dọa của Đảng.

Cuốn theo chiều gió.

Cuốn tiểu thuyết của Margaret Mitchelll sắp tròn 50 tuổi. Nó ra đời ngày 30 tháng 6 năm 1936: vậy giữa năm 1986 tới đây được ngũ tuần. Đó là một tác phẩm hi hữu. Về phương diện hốt bạc.

Từ ngày xuất bản tới nay bán hơn 25 triệu cuốn, được dịch ra 27 thứ tiếng khác nhau. Ngay hiện giờ, chỉ tính tại nội địa nước Mỹ mà thôi, mỗi ngày cũng vẫn còn bán được hơn một nghìn cuốn *Cuốn theo chiều gió*. Gió cuốn cứ cuốn, danh phẩm nhất định tồn tại, đương đầu cùng thời gian.

Thiên hạ khắp hoàn cầu không chỉ thưởng thức *Cuốn theo chiều gió* trong hình thức sách, lại còn phim nữa: Vivien Leigh trong vai Scarlett O'Hara, Clark Gable trong vai Rhett Butler tiếp tục mê hoặc quần chúng. Ngày 15 tháng 12 năm 1939 cuốn phim ra đời. Tính tới nay có hơn 200 triệu khán giả. Gần đây đem ra bán dưới hình thức băng video đã thu sơ sơ được 27 triệu Mỹ kim. Tương lai còn nhiều hứa hẹn.

Hứa hẹn gần nhất là cuộc chạm trán nẩy lửa giữa hai quận Clayton và quận Coweta bên tiểu bang Georgia. Thấy *Cuốn theo chiều gió* ăn khách, cả hai quận đều nhân lễ ngũ tuần sắp đến mà xây dựng một công trình qui mô mang tên là "Công viên Cuốn theo chiều gió" thì tha hồ thu hút khách du lịch. Hai bên tranh nhau chí chóe, quận Coweta bảo rằng trong tác phẩm nhân vật O'Hara đóng thuế cho quận Coweta; còn phe Clayton lại bảo rằng đây là một chuyện tưởng tượng O'Hara, làm gì có gốc gác thật? Tại Clayton có khung cảnh thích hợp tuyệt vời, xứng đáng vinh dự lớn. Trong khi ấy ông Joseph Mitchell, cháu nữ sĩ Margaret Mitchell và thừa kế tài sản của nữ sĩ, thì tuyên bố: kẻ nào muốn xây dựng công viên nọ, hãy bước qua xác chết của tôi.

Chuyện văn chương nghe mà khiếp, không nên kể cho những kẻ yếu bóng vía.

Cưng nhất thế gian.

Tạp chí *Lire* bên Pháp hồi gần đây có mở một cuộc trưng cầu ý kiến về vấn đề văn chương của các chính trị gia. Hai ông tổng thống của đệ ngũ Cộng Hòa được chọn vào hạng những cây bút cừ: Charles de Gaulle và Francois Mitterand (Riêng ông đương kim tổng thống này lại còn ao ước viết được một tác phẩm như cuốn *Anh em Karamazov* của Dostoieuski cơ!).

Nước Pháp là một nước trọng văn: làm chính trị mà yếu văn hóa thì khó lòng có uy tín rộng rãi, nói năng mà "sái mẹo" là bị coi thường ngay. Bốn mươi ông Hàn Lâm Pháp ngày đêm rình rập, canh phòng bảo vệ tiếng nói dân tộc: hễ có vụ dùng sai tiếng Pháp, dùng tiếng

Pháp sai văn phạm là lên tiếng cảnh cáo dư luận ngay. Chẳng hạn trong kỷ yếu của Viện Hàn Lâm Pháp số xuất bản vào tháng 6 vừa qua có nêu 33 vụ như thế.

Ngày trước Anatole France bảo: "Tiếng Pháp có ba đức tính. Đức tính thứ nhất là sự trong sáng, đức tính thứ nhì lại là sự trong sáng, và đức tính thứ ba vẫn là sự trong sáng". Ngày nay ông Hàn Jean Dutourd lại vừa tuyên bố: "Dưới mắt tôi một lỗi sai văn phạm là một tội ác vô cùng trầm trọng, hơn cả trộm cướp, sát nhân, hơn cả diệt chủng, và tôi cố hết sức tránh lỗi ấy".

Thảo nào: người Pháp sợ nói sai mẹo, nhưng không ngại đi ăn cướp (nước của người ta, tức đi chiếm thuộc địa).

Ông Hàn Jean Dutourd hay nói cà-rỡn thì mình cũng cà-rỡn vậy thôi. Chuyện cũ qua rồi đáng lẽ cho qua luôn, nhắc nhở làm chi ?

Tiểu thuyết ba ngày.

Từ tám năm nay những mầm non văn nghệ sử dụng Anh ngữ có một cách kỷ niệm lễ Lao Động hay ho: là tham dự thế vận hội... văn chương.

Lễ lao động ở Mỹ không phải ngày 1 tháng 5 như ở các nước cọng sản, mà là ngày thứ hai đầu tháng 9 mỗi năm. Như vậy có ba ngày nghỉ liên tiếp: Thứ bảy, chủ nhật và thứ hai. Các anh tài trong giới cầm bút bỏ ra đúng 72 giờ — từ nửa đêm thứ sáu đến nửa đêm thứ hai — cố viết cho xong một cuốn tiểu thuyết, mời một chứng nhân ký xác nhận trước thừa phát lại, rồi gửi tác phẩm đi dự thi. Nhất định phải hoàn tất trong vòng ba ngày thôi; ban tổ chức loại bỏ những kiệt phẩm viết xong vào giờ thứ 73 trở đi.

Ngoài ra lại còn một điều kiện gắt gao nữa: tác phẩm không được dày quá 716 trang. Trời đất, ban tổ chức đề phòng những nhân tài viết một vài nghìn trang trong vòng ba ngày!

Ban giám khảo chấm kỹ càng (không phải trong 72 giờ) và công bố kết quả vào dịp lễ Holloween. Tác phẩm trúng giải nhất sẽ được nhà xuất bản Pulp Press in ngay và trở thành một nhà văn cấp kỳ. Còn những kẻ có dự thi mà không trúng giải cũng cứ được cấp mỗi người một... chứng chỉ dự thí. (Phải chứ! Viết được một cuốn truyện — dù không hay — trong vòng 72 giờ, đâu phải ai cũng làm được?).

Một ông nội.

Một nguồn tin từ Sàigòn cho hay nhà văn Nguyễn Đình Toàn vừa có cháu nội. Dĩ nhiên đây là một tin vui, nhưng không khỏi có kẻ thắc mắc: Đây có phải là một tin tức... văn học nghệ thuật?

— Có. Phải đấy. Chính là một tin văn nghệ. Thế hệ độc giả 54-75 nghe qua tin này không khỏi bâng khuâng hồi tưởng lại mới ngày nào

Nguyễn Đình Toàn ra tác phẩm đầu *Chị em Hải* và cũng mới ngày nào đây, trước 1975, trong truyện của họ Nguyễn nhân vật nói cười toàn là các cô các cậu trẻ măng. Trong văn giới Nguyễn Đình Toàn được xem như một nhà văn lớp trẻ, một cây bút hiện sinh, cây bút của các thiếu nữ... Thế rồi thoắt cái Nguyễn Đình Toàn thành ra một ông nội!

Nước phăng phăng chảy qua cầu. Chẳng mấy chốc rồi các tài hoa son trẻ của chúng ta nối gót theo Nguyễn Đình Toàn, rồi sẽ có những bà nội Nguyễn Thị Hoàng, bà ngoại Thụy Vũ, rồi bàngoại Trần thị. Ôi, các ông nội bà ngoại... hiện sinh!

Thêm một ông "ngoại".

Trong lúc ấy, một nguồn tin khác cho hay nhà thơ Tô Thùy Yên đã được cọng sản trả tự do. Ra khỏi tù. Ra ngoài đời. Thành người bên... ngoại rồi...

Nếu phối kiểm lại, tin này mà đúng, thì thật là một tin tức vui mừng khôn xiết.

Đêm Phạm Duy tại Toronto.

Tạp chí *Làng Văn* tại Toronto, Gia-Nã-Đại, đã tổ chức đêm sinh hoạt *"Phạm Duy, Thông-Điệp Mùa Xuân"* với nhạc sĩ Phạm Duy từ Hoa Kỳ sang.

Đêm sinh hoạt được tổ chức tại thính đường nhà thờ St. Peter, góc Bathurst-Bloor, Toronto, bắt đầu từ lúc 7 giờ 30 tối chủ nhật 1-9-1985.

Nhà văn Nguyễn Ngọc Ngạn giới thiệu các tiết mục đóng góp vào đêm Phạm Duy, do Gia đình Văn nghệ Cỏ Lau, Phong trào Hưng ca Việt Nam, Nguyễn Ngọc Trọng, Phan Ni Tấn, Thiên Nga, Phương Trâm và Duyên Anh trình diễn, qua các bài tân ca, thanh niên ca, hùng ca và tình ca của Phạm Duy.

Kế tiếp, nhạc sĩ Phạm Duy đã lên sân khấu với đàn trên tay, máu nóng trong tim và tình yêu bao la vời vợi khắp đất trời, nói và hát về loạt tác phẩm mới của ông: Hoàng Cầm ca, tức *Lá Diêu Bông* hay *Thông-Điệp Mùa Xuân*.

Tiếp giọng Phạm Duy, Vân Khanh đã diễn ngâm hai bài thơ mới của Hoàng Cầm, viết năm 1975. Rồi Nguyễn Hữu Nghĩa, Như Hoa, Vỹ Nga, ban hợp-ca gia đình Cỏ Lau tiếp tục hát những ca khúc khác của Phạm Duy.

"Ngày Võ Phiến" tại Santa Ana Cali

Chiều ngày 14/9/85, trung tâm Văn Bút VN và Hội báo chí Việt ngữ Nam Cali có tổ chức một cuộc họp mặt văn nghệ đánh dấu 30 năm cầm bút của nhà văn Võ Phiến tại quán LUP của cặp vợ chồng

nghệ sĩ Lê Uyên Phương. Buổi họp mặt qui tụ được những văn nghệ sĩ thế hệ Võ Phiến như Phạm Duy, Mai Thảo, Nguyên Sa, cùng thế hệ cầm bút trẻ hơn hiện định cư tại vùng Nam Cali. Những nhà văn, nhà thơ, nhạc sĩ cùng thế hệ Võ Phiến đã lên diễn đàn nhắc lại những kỷ niệm chung với Võ Phiến, nhà báo Đỗ Ngọc Yến đề cập đến vai trò của Võ Phiến trên tạp chí Bách Khoa và trong việc khám phá giới thiệu những cây bút trẻ. Võ Phiến cũng nói đến không khí thân ái trong sinh hoạt văn nghệ thời ông mới bắt đầu cầm bút, và nhắc nhở giới văn nghệ VN lưu vong nên tránh những sự đố kị bất đồng đưa tới các vụ phỉ báng chụp mũ thậm tệ trên báo chí.

Dù sao , vẫn còn có những sinh hoạt văn nghệ như *Đêm Phạm Duy, Ngày Võ Phiến:* các tổ chức ấy thấm đượm tình thân ái, mến yêu của giới văn nghệ đối với nhau. Từ xa xưa, nữ sĩ Hồ xuân Hương bật cười gởi về đám văn nghệ lưu vong một câu:

Yêu đêm chưa phỉ lại yêu ngày !

G.S. Nguyễn Đình Hòa tại Hội Nghị Ngữ-học Hán-Tạng.

Hội nghị Quốc tế lần thứ 18 về Ngôn ngữ học Hán-Tạng, họp ở Bangkok, Thái Lan, từ 27 đến 29 tháng 8 năm 1985. Bản tham luận của giáo sư Nguyễn Đình Hòa bàn đến những vấn đề phiên âm các ngôn ngữ thượng cũng như chương trình La-tinh-hóa một số các ngôn ngữ thiểu số như tiếng Thái, tiếng Tày-Nùng, tiếng Mường, ở miền Bắc Việt Nam và tiếng Khơme, tiếng Chàm, v.v... ở miền Trung và Nam Việt Nam.

Giáo sư Nguyễn Đình Hòa cũng đã được mời thuyết trình tại một buổi tọa-đàm về *"Vấn đề Kế hoạch hóa Ngôn-ngữ ở các nước Đông Nam Á" họp ngày mồng 6 tháng 9 năm 1985 ở Trung tâm Ngôn ngữ Địa phương ở Singapore (Regional Language Centre) do Tổ chức Các Vị Bộ trưởng Giáo dục ở Đông-nam Á* (SEAMEO) thiết lập.

Sách Mới Nhận Được

* *Miền Tâm Thức,* thơ của Nguyễn Đức Vinh do Văn Hoá Việt nam xuất bản năm 1982- 92 trang.

* *Thơ Phi Thi,* của Nguyễn Đức Vinh, in tại Saigon năm 1965 - 76 trang

* *Đời từng Mảnh,* truyện dài (cuốn thứ hai trong bộ *Cõi Mộng Du)* của Phạm Quốc Bảo, do ng Người Việt xuất bản - 200 trang, giá $8.

* *Văn chương và lưu đày,* biên khảo văn học của Đặng Phùng Quân, do Gió Việt (Texas) xuất bản, 292 trang, giá $10.

Cuối Đường, ký của Thanh Vinh, tựa Du Tử Lê, do Khai Sơn xuất bản. 123 trang, giá $6.

* *Bông Hồng cho Mẹ,* của Đức Chính, Ngàn Lau xuất bản 230 trang, giá $6.50

* *Vươn Lên từ đau thương,* thơ Huy Toàn, Ngàn Lau xuất bản giá $3.

Thơ Kiêm Thêm.

Nhà xuất bản Thuận Hóa, 114 trang.

Trong vòng chưa đầy nửa năm, VHNT hai lần điểm sách Kiêm Thêm. Đó chẳng qua là chỉ điểm những cuốn quan trọng, chứ không phải tất cả các tác phẩm của Kiêm Thêm trong thời gian nọ. Trong năm 1985, Kiêm Thêm hứa hẹn năm tác phẩm, đã xuất bản được ba. Đố ai theo kịp sức viết ấy.

Sách ra nhiều nhưng không phải là sách kém trân trọng. Trái lại, tìm cho được một tác giả chi chút tác phẩm của mình như Kiêm Thêm không phải là dễ: Thơ in trên giấy đặc biệt, nên đôi ba màu thay đổi nhau.

Tác phẩm Kiêm Thêm không phải chỉ được tác giả chi chút mà thôi, nó còn được một số đông danh gia trong giới văn nghệ tỏ bày lòng quí mến đặc biệt: Nguyên Sa viết tựa, Hà Thúc Như Kỷ vẽ bìa, Mai Thảo, Ngọc Dũng, Nguyên Khai, Phạm Công Thiện, Dm Faber góp phụ bản, Lê Uyên Phương phổ nhạc.

Sách ra đời mà được đông đảo bạn bè trân trọng đến thế, họa may chỉ có *Cát Vàng* của Vi Khuê. Giữa hai tác phẩm có lắm điều trùng hợp: Cùng là thi phẩm, cùng xuất bản trong năm 1985, cùng là của những thi sĩ Huế.

Chúng tôi không nhắc đến Huế một cách hững hờ. Cái gốc Huế trong thơ thi ca Kiêm Thêm không phải là một ngẫu nhiên. Huế là một tha thiết của Kiêm Thêm. Trong số hơn hai mươi tác phẩm của ông có ít nhất năm cuốn nói về Huế. *Đứng trước trường Đồng Khánh, Biến động trong thành phố chúng ta, Cố đô Huế, Huế vẫn*

ngàn năm, Thơ về Huế. Và trong bài tựa viết cho cuốn *Thơ Kiêm Thêm*, ông Nguyên Sa nhiều lần nói đến cái "triết lý rất Huế của Huế", nói đến rung động Huế, tình yêu Huế, đam mê Huế v.v..

Đam mê bất cứ cái gì, miễn là một đam mê mãnh liệt, đều có thể là nguồn cảm hứng của sáng tác, huống hồ niềm đam mê đối với chốn cố đô đẹp đẽ thi vị như Huế!

VĂN CHƯƠNG VÀ LƯU ĐÀY của Đặng Phùng Quân, do Gió Việt xuất bản. Sách dày 300 trang, giá $10.00.

Tác phẩm gồm hai phần. Phần thứ nhất gồm những suy tưởng về một số vấn đề văn học: chẳng hạn về mối quan hệ giữa con người và tác phẩm, giữa nhà văn và xã hội, giữa ngôn ngữ và văn tự v.v... Phần thứ hai nói về một số tác giả và tác phẩm của Văn học bí mật và lưu vong: về Milan Kundera, về Zamyatin, Zinoview, về G. Konrád

Phần thứ nhất đã được xuất bản thành sách *(Triết học và văn chương)* từ năm 1974 do nhà Lửa Thiêng ở Sàigòn. Phần thứ hai ra mắt lần đầu tiên hơn mười năm sau tại Hoa Kỳ. Không phải ngẫu nhiên mà hai phần ấy rốt cuộc kết hợp vào một tác phẩm: Thoạt tiên tác giả đặt ra những vấn đề tổng quát; sau đó ông đi vào những vấn đề của văn chương trong một hoàn cảnh đặc biệt, hoàn cảnh của chúng ta ngày nay, của những người cầm bút lưu vong.

Những người cầm bút Việt Nam hiện đang tiếp tục sáng tác ở nước ngoài không đến nỗi lạc loài. Về một phương diện họ thuộc vào cộng đồng Việt Kiều hải ngoại càng ngày càng đông đảo; về một phương diện khác họ thuộc vào cộng đồng trí thức quốc tế lưu vong, cũng lại ngày càng đông đảo, ngày càng tích cực, có ảnh hưởng rộng lớn.

Thực vậy, trong đôi ba thập niên gần đây, những phần tử ưu tú của rất nhiều dân tộc trên hoàn cầu; Nga, Nam Tư, Tiệp Khắc, Ba Lan, Hung Gia Lợi, Ba Tư, A Phú Hãn, nhiều nước Trung Nam Mỹ v.v... đã phải bỏ nước ra đi. Họ ra đi vì tự do cho chính họ, mà cũng vì tương lai của xứ sở họ, dân tộc họ. Họ tiếp tục hoạt động, tiếp tục viết ở nước ngoài, trong hoàn cảnh lưu vong. Họ đã gặp những khó khăn, trở ngại nào? Công việc của họ có ý nghĩa như thế nào? Họ là tả hay hữu? v.v... Tác giả đã suy nghĩ về những điều ấy qua trường hợp của một số nhà văn Nga, Tiệp...

Văn chương và lưu đày, làm văn chương trong hoàn cảnh lưu đày, đó là mối băn khoăn của tất cả giới cầm bút chúng ta. *Văn chương và lưu đày* của Đặng Phùng Quân lại là tác phẩm biên khảo về văn học đầu tiên của chúng ta sau mười năm lưu vong. Thật hợp cảnh và hợp lúc.

NGUYỄN ĐÌNH SỞ

Hai kiệt tác văn học Việt Nam dịch ra tiếng Nhật Bản.

Giáo sư TAKEUCHI Yonosuke, chuyên về ngôn ngữ và văn chương Việt Nam, vừa xuất bản hai bản dịch có giá trị của *Truyện Kiều* và *Chinh-phụ Ngâm-khúc:*

1/ Nguyễn Du: *Kim Vân Kiều Tân-truyện.* Takeuchi Yonosuke (Trúc-nội Dữ-chi-trợ) phiên dịch và chú giải. Tokyo: Đại-học Thư-lâm, 1985. 186 tr. 4.000 yen.

2/ *Chinh-phụ Ngâm-khúc:* Takeuchi Yonosuke (Trúc-nội Dữ-chi-trợ) phiên-dịch và chú-giải. Tokyo: Đại-học Thư-lâm, 1984. 182 tr., 3.500 yen.

Cuốn *Truyện Kiều* bằng tiếng Nhật này, sau lời Tựa, có phần giải thuyết công phu nói về tác giả Nguyễn Du và ngồn gốc cùng lược-truyện truyện Kim Vân Kiều sau đó trình bày bản Kiều bằng chữ quốc ngữ, với dị bản và lời chú thích từng tiếng một, tiếp theo là bản dịch của giáo sư Takeuchi sang Nhật-ngữ, từng đoạn mười câu. Phía sau sách lại có 164 lời chú giải điển tích, và sau cùng là bản Kiều bằng chữ Nôm khắc in rất rõ và đẹp, từ trang 134 đến trang 186 (đọc ngược theo lối in các sách chữ khối vuông thì có số từ trang 1 đến trang 53).

Cuốn sách cỡ nhỏ này thật là quí vì nó có kèm bản chữ Nôm. Phần giải thuyết không những bàn về tác phẩm của Thanh tâm Tài nhân *(Kim Vân Kiều truyện,* 3 quyển, 20 hồi) mà còn so sánh nhiều cách phiên âm, diễn nghĩa hoặc phiên dịch ra tiếng nước ngoài bốn câu thơ số 51-54 (Tà tà bóng ngả về tây... Lần xem phong-cảnh có bề thanh-thanh), như bản dẫn giải của Huyền-Mặc Đạo-nhân, 1952; bản dịch tiếng Pháp của René Crayssac, 1926; Nguyễn Văn Vĩnh, 1942 (Alexandre de Rhodes) và 1951 (Vĩnh-Bảo và Hoành-Sơn); Thu Giang, Paris, 1915; Xuân-Phúc và Xuân-Việt, Paris, 1961; Editions en Langues Etrangères, Hanoi, 1974; bản dịch tiếng Anh của Lê Xuân Thủy, Saigon, 1963; cùng hai bản dịch ra Hán-văn của Lý Văn Hùng (Saigon: Tân-Hoa Thư-cục, 1955) và Trương Cam Vũ (Saigon: Liên-hưng Thư-cục, 1961).

Chúng tôi chỉ thấy có một điểm lạ, là sách này không có hai câu cuối:

(3253) Lời quê chắp nhặt dông-dài
(3254) Mua vui cũng được một vài trống canh.

Trước khi về hưu, Giáo sư TAKEUCHI dạy ở Đại học Ngoại ngữ Đông kinh (Tokyo University of Foreign Studies), và cũng đã từng dạy học ở Saigon và hợp tác viết sách hội thoại Nhật-Việt với giáo sư Nguyễn Khắc Kham, cả trong thời gian G.s. Kham phụ trách môn Việt ngữ tại Đại học nói trên ở ngay thủ đô nước Nhật.

Cuốn *Chinh-phụ Ngâm-khúc*, mới ra lò năm ngoái, cũng là một

tài liệu giá trị về văn học cổ điển Việt Nam. Trong có hơn 180 trang sách, soạn giản cho biết bối cảnh của khúc ngâm, nói qua về cách cấu tạo chữ Nôm, rồi giới thiệu văn bản bằng chữ quốc ngữ, cứ hai câu thơ một, có cắt nghĩa từng từ hoặc từ-ngữ (tr. 1-103), và lời dịch sang thơ tiếng Nhật từ trang 64 đến trang 74 (tức tr. 104-119).

Cả đến những người như chúng tôi không đọc được chữ Nhật cũng rất biết ơn tác giả về phương diện văn bản: Giáo sư Trúc-nội đã cho in ở cuối sách cả phần *Chinh-phụ Ngâm* bằng chữ Hán của nhà thơ làng Nhân-mục Đặng Trần Côn, từ trang 20 đến trang 63 (tức tr. 120-163) lẫn 408 câu thơ *Chinh-phụ Ngâm-khúc* (diễn nôm), từ trang 1 đến trang 19 (tức tr. 164-182). Văn bản Nôm và Hán được sắp in lối xưa, tức là ngược số trang.

Bản diễn nôm được dùng trong sách này là bản dịch của Phan Huy-Ích (tham khảo Hoàng Xuân-Hãn, *Chinh-phụ-ngâm Bị-khảo*, Paris, Minh-Tân, 1952), nhưng cũng khảo-dị so với ba bản khác: của Tôn-thất-Lương, Saigon, Tân Việt, 1950, được gọi là bản "A"; của Lá Bối, Saigon, 1972, được gọi là bản "B"; của Nguyễn Khoa, Saigon, Sách đẹp văn hay, 1961, được gọi là bản "C"; và của Huỳnh Khắc Dụng, Saigon, 1960, được gọi là bản "D".

NGUYỄN ĐÌNH HÒA

Đã phát hành

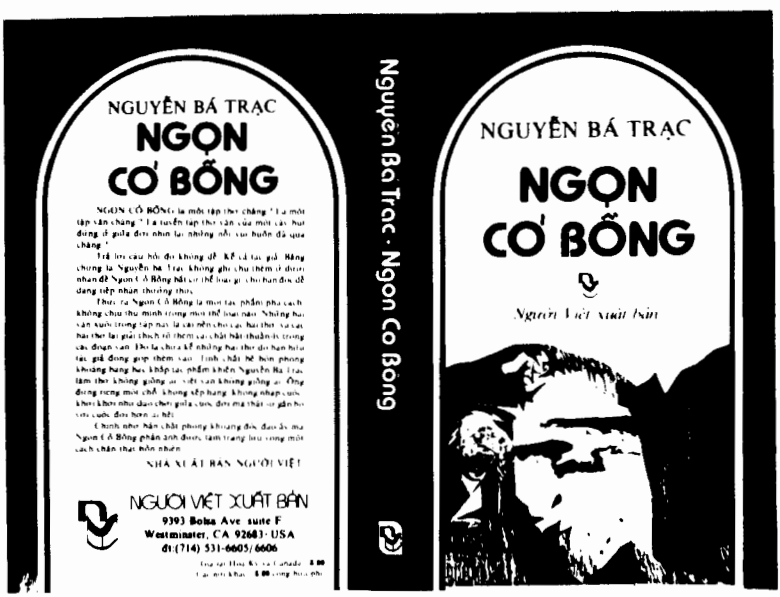

Hộp thư tòa soạn

Bài nhận được trong tháng

Nguồn sống bất tận (tham luận của NQS) ,Người Việt và tiếng Việt trên đất Mỹ (ý kiến của NHH) , Mặc Khải, Nụ cười (thơ truyện của TTT) , Ngày qua ngày còn, Tiễn biệt (thơ VLH) Mời gọi (thơ LTH) Mưa bong bóng, Lũ sống giả, Đông và xuân, Ngọn mồng tơi, Đắng cay, Ngồi xe đọc báo,Bão lòng, Những món thuốc VN đang thiếu (thơ NĐV), Tết trung thu cổ truyền (PMT), Bóng đêm cuối cùng (truyện ngắn của PTTT), Ở xa, Trần ai , Thu vàng, Phố cũ (thơ HXS), Thơ Thẩn (thơ LMH), Quê hương (thơ HTA), Cùng một giòng sông (kịch QN), Nhật Ca, Nguyệt ca, Cõi không (thơ NPN), Một mình uống rượu, Ngày qua ngày (thơ LH), Đưa vợ con về xứ (thơ KT).

Cùng quí bạn đọc mua báo dài hạn.

Từ số 5 (phát hành ngày 1.9.85) vừa qua, Văn Học Nghệ Thuật gửi báo đến các bạn định cư tại Hoa Kỳ theo bulk rate hạng ba. Do đó, báo đã đến quí vị có chậm hơn các số trước. Mong quí vị thông cảm cho tình cảnh eo hẹp về tài chánh của Văn Học Nghệ Thuật và chấp nhận việc báo đến tay quí vị trễ hơn thường lệ. Để bù lại , từ số 6, chúng tôi cố gắng cho in báo sớm để báo đến tay quí vị chậm nhất là ngày 10 mỗi tháng. Trường hợp quí vị muốn báo đến đúng ngày mồng 1 đầu tháng, xin cho ban quản lý chúng tôi biết để chúng tôi gửi theo bưu phí hạng nhất, với giá mỗi số là một Mỹ kim phụ trội.

Thông báo nội dung số VHNT sau:

Chủ đề Văn Học Nghệ Thuật số 7 , tháng 11 năm 1985 sẽ là *Chữ Việt, Tiếng Việt* gồm nhiều bài khảo cứu và nhận định công phu của nhiều nhà chuyên khảo ngữ học. Số tháng 12 và tháng 1.86 chúng tôi góp chung hai số 8 và 9 lại một số chiều dày gấp đôi để làm số Tết, và sẽ phát hành vào ngày 15.12.85. Ban biên tập VHNT tha thiết mong quí văn hữu và bạn đọc đóng góp bài vở cho số VHNT Tết 1986 này.

Cùng quí bạn gửi thơ về cho VHNT.

Đa số bài vở gửi về cho VHNT là thơ. Nhiều bạn hơi nóng ruột khi thấy qua hai số báo mà VHNT vẫn chưa đăng tải tác phẩm của mình. Chúng tôi xin trả lời chung là trong mỗi số báo, chúng tôi chỉ có thể cho đăng một số thơ hạn chế. Hơn thế nữa, có một số bài chúng tôi đã chọn để đăng vào số đặc biệt về thi ca.

Cùng các bạn đọc gửi ý kiến về " Chân dung người đọc sách hải ngoại".

Xin cảm ơn các bạn đã mau chóng đáp ứng cuộc thăm dò ý kiến bạn đọc về người đọc sách tại hải ngoại. Nhiều ý kiến của quí bạn rất thiết thực, chính xác, và quí giá. Hiện ban biên tập VHNT đang chờ thêm các bài góp ý khác để tổng kết thành một bài nhận định chung đăng trên VHNT số Tết sắp đến.

Đã Phát Hành:

THƠ VĂN VIỆT NAM HẢI NGOẠI

* *Đánh dấu 10 năm văn học lưu vong.*
* *Qui tụ 60 tác giả Việt Nam trên toàn thế giới.*
* *Dày trên 600 trang. Đầy đủ chân dung, và tiểu sử mới nhất của mỗi tác giả.*
* *Lần đầu tiên một tuyển tập Thơ Văn Việt Nam được ấn hành tuyệt hảo. Bìa chữ mạ vàng không thua kém tác phẩm ngoại quốc.*
* *Có bán tại các tiệm sách Việt Nam. Giá văn nghệ $20.00 một cuốn.*

thái tú hạp
thực hiện
sông thu
xuất bản

• *Địa chỉ liên lạc:*
Café Doanh Doanh
1498 W. Sunset Blvd.
Los Angeles, CA. 90026
Tel: (213) 250-5190

MỖI GIA-ĐÌNH VIỆT-NAM ĐỀU NÊN CÓ :

làng văn

Tạp-Chí Thông-Tin Văn-Học Nghệ-Thuật
Nguyễn Hữu Nghĩa chủ-trương
xuất-bản hàng tháng tại Gia-nã-đại

Mỗi tờ báo có giá-trị như một cuốn sách

với phần biên-khảo phong-phú, đa-dạng
mỗi kỳ đều có 5 truyện ngắn đặc-sắc
30 bài thơ giá-trị
1 bản nhạc mới sáng-tác

Bài vở thường-xuyên của Bắc Phong, Bạch Thái Hà, Bút Chì, Bùi Vĩnh Phúc, Chử Bá Anh, Cung Vũ, Cao Thế Dung, Cao Tiêu, Chu Vương Miện, Đỗ Quý Toàn, Hà Huyền Chi, Hạc Lý, Lãng Nhân, Lê Hữu Mục, Lê Thị Huệ, Lâm Hảo Dũng, Luân Hoán, Lưu Nguyễn, Nguyễn Ngọc Ngạn, Nguyễn Tất Nhiên, Nguyễn Văn Sâm, Đả Cẩu Nguyễn Mộng Giác, Ngô Nguyên Dũng, Nhất Hạnh, Phan Ni Tấn, Song Anh, Ta Tỵ, Trần Cao Lĩnh, Trần Quang Hải, Trọng Kim, Tự Tỉnh, Tưởng Năng Tiến, Thái Văn Kiểm, Thái Tú Hạp, Nguyễn Hy Vọng, Trần Diệu Hằng, Tử Vi Lang, Tỳ Tần, Võ Kỳ Điền, Vi Khuê, Võ Đình, Võ Phiến, Vũ Kiện, Hồ Trường An, Huyền Châu

ba truyện dài :
tiểu-thuyết xã-hội của Nguyễn Ngọc Ngạn
thiền-học kiếm-đạo Nhật-Bản của Tự Tỉnh
truyện đồng quê miền Nam của Hồ Trường An
và nhiều mục đặc-sắc khác.

Mua đọc thử : 6 mỹ-kim (3 số, 3 tháng, kể cả bưu-phí)
Mua dài hạn (một năm, 12 số) :
đường bộ : 20 mỹ-kim
máy bay : 24 mỹ-kim (Hoa-kỳ)—35 mỹ-kim (các nước khác)

Thư-từ, chi-phiếu :
LÀNG VĂN MAGAZINE
1346 Bloor St. West
Toronto, Ontario, Canada
M6H 1P2
ĐT: (416) 534-4857

Hoặc tại các hiệu sách :
— Văn Khoa
— Tú Quỳnh
— Tự Lực

VĂN ĐÀN

PUBLISHING & DISTRIBUTING CO.

14 S. ALMADEN AVENUE
SAN JOSE, CA 95113

(408) 297 - 8141

⊛BÁN ĐỦ LOẠI SÁCH, TỪ ĐIỂN, BÁO CHÍ, BĂNG NHẠC

⊛VỚI THƯ MỤC GẦN 1,000 LOẠI SÁCH ĐỂ THIẾT LẬP TỦ SÁCH VIỆT NGỮ CHO GIA ĐÌNH, THƯ VIỆN.

**** Tự điển đủ loại***

**** Sách do Văn Đàn phát hành:***

- Tiêu diệt chủ nghĩa cộng sản
- Thần Tháp Rùa
- Chim hót trong lồng
- Bông hồng cho Mẹ
- Thơ vươn lên từ đau thương
- Việt sử đại cương (Pháp)
- Thông sử công ty Liên Thanh (Pháp)
- Triết lý giáo dục
- Phong trào kháng chiến Trịnh Minh Thế
- Nước lại về nguồn
- Tình bạn
- Trong lòng địch

Và nhiều sách mới

**** Sách sắp phát hành:*** *Độc quyền phát hành các sách Ngàn Lau*

- Dưới bóng Lam Sơn
- Đường vào hoạt động
- Kỹ thuật đấu tranh nhập môn
- Cuộc chiến đấu vẫn còn đang tiếp diễn
- Thử tìm một hướng đi cho thanh niên Việt hải ngoại
- Những kỹ thuật truyền thông cơ bản (cho người muốn bước vào hoạt động)

**** BÁN NHẠC:***

- Dân Ca Việt Nam
- ***Các Tác Giả:*** Phạm Duy, Cung Tiến, Trịnh Công Sơn, Lê Uyên Phương, Hoàng thi thơ

⊛TỦ SÁCH ANH NGỮ:

Bán các loại sách, báo, tài liệu lịch sử văn hoá, chiến tranh Việt Nam

⊛CHUYỂN NHÀN:

- Phát hành cho hơn 40 nhà xuất bản sách báo Việt ngữ trên thế giới.
- Xuất bản các sáng tác thơ văn, sách huấn nghệ, khoa học, kỹ thuật.
- Dịch các tác phẩm văn học nghệ thuật Việt ngữ sang Anh Pháp ngữ.
- Phụ soạn hoà âm, phối khí, nhạc đệm cho các băng nhạc, video tapes.

GIÁ ĐẶC BIỆT: Cho các tủ sách gia đình, học giả, văn nghệ sĩ, dịch giả, nhà khảo cứu, sưu tầm.

In tại Printec (408) 998-8655

KHÓA HƯỚNG DẪN THI TOEFL & WPE

- *Người hướng dẫn tận tâm, hiện có kinh nghiệm dạy đại học Mỹ.*
- *Chuyên hướng dẫn thi TOEFL và WPE (Writing Proficiency Examination).*
- *Về TOEFL, chú trọng đến những kỹ năng*
  ***Nghe** (Listening Comprehension),*
  ***Mẫu câu** (Structure and Written Expression),*
  ***Đọc** và **Hiểu** (Reading comprehension and Vocabulary.)*
- *Về WPE, nhấn mạnh đến kỹ thuật **viết essay** (20 phút và 40 phút).*
- *Ôn những điểm thiết yếu về văn phạm Anh văn.*
- *Khóa hướng dẫn kéo dài 6 tuần (12 giờ).*
- *Lệ phí tham dự: $150.00.*
  Có giá đặc biệt cho những nhóm có sẵn từ 5 đến 10 người.
- *Người tham dự sẽ được trắc nghiệm trình độ Anh ngữ trước khi ghi danh.*
- *Người hướng dẫn:* ***BÙI VĨNH PHÚC***
  MA, Linguistics & Teaching ESL
- *Liên lạc: 1006 Mission Dr. #B, Costa Mesa, CA 92626*
  Điện thoại: (714) **557-4142** *hoặc (714)* **964-8954,**
  4:00 PM - 10:00 PM mỗi ngày.

Nhận dịch các tài liệu, luận án... từ Việt sang Anh, Pháp và ngược lại.

BÁC SĨ

TRẦN NGỌC NINH

Phòng mạch chữa bệnh và giải phẫu
tại Trung Tâm Y Khoa Bristol
2720 South Bristol, Suite 206
Santa Ana, CA 92704

(714) 549-2252

Làm việc theo hẹn
từ thứ hai đến thứ sáu

— *Nguyên Giáo sư Y Khoa đại học Saigon*
— *Thạc sĩ Y Khoa Pháp*
— *Hội viên hội Chỉnh trực và thương khoa Pháp*
— *Hội viên Hội Chỉnh trực và thương khoa quốc tế*
— *Nguyên giảng viên khoa giải phẫu tiểu nhi đại học Pittsburg, PA.*
— *American Board of Orthopedic Surgery*
— *Hội viên hội Giải phẫu Tiểu nhi Anh và Pháp quốc*
— *Hội viên Hội giải phẫu Pháp.*

Bác Sĩ
VƯƠNG ĐỨC HẬU,
M.D, F.A.C.O.G
Diplomate American Board of Obstetrics and Gynecology

CHUYÊN MÔN CHỮA TRỊ:

- THĂM THAI VÀ ĐỠ ĐẺ.
- BỆNH ĐÀN BÀ, HUYẾT TRẮNG - KẾ HOẠCH HOÁ GIA ĐÌNH: CỘT HOẶC ĐỐT ỐNG DẪN TRỨNG - KINH NGUYỆT BẤT THƯỜNG.
- HIẾM MUỘN VÀ GIẢI PHẪU HIẾM MUỘN
- GIẢI PHẪU BỆNH PHỤ NỮ, BỆNH SA TỬ CUNG, VÀ SỬA ÂM ĐẠO
- TRUY TÌM VÀ CHỮA TRỊ UNG THƯ CỔ TỬ CUNG, TỬ CUNG...

PHÒNG MẠCH:
TRUNG TÂM Y TẾ CHUYÊN KHOA
14536 Brookhurst St. (góc Hazard)
Phòng 101, Westminster, CA 92683

NGÀY GIỜ KHÁM BỆNH:
Thứ Hai đến Thứ Sáu: 10:00 đến 6:00
Thứ Bảy: 9:30 đến 2:00 P.M.
Nghỉ sáng thứ tư và chủ nhật

Điện Thoại: ***(714) 531-5505***

NHẬN MEDICAL VÀ BẢO HIỂM, XIN HẸN TRƯỚC

TUẦN BÁO THỜI SỰ NGHỆ THUẬT
XUẤT BẢN MỖI THỨ NĂM
CHỦ BIÊN HOÀI DIỆP TỬ

mai

ĐEM NGUỒN VUI SỐNG ĐẾN KHẮP CÁC GIA ĐÌNH VIỆT NAM

TÒA SOẠN:
10708 Westminster Ave. ☐ Garden Grove, CA 92643
714.638.8798

Y - NHA KHOA

14265 Brookhurst St.
(Giữa Westminster và Hazard)
Garden Grove, CA 92643

(714) 531-3263

Nữ Bác Sĩ Y Khoa
NGUYỄN THỊ NHUẬN

Tốt nghiệp chuyên môn Nhi Khoa tại UCI Medical Center
Bác Sĩ điều trị những bệnh viện lớn
vùng Long Beach và Orange County

CHUYÊN TRỊ BỆNH TRẺ EM
KHÁM BỆNH PHỤ NỮ

Giờ làm việc :
Thứ Hai đến Thứ Bảy : 10AM-6PM
Chủ Nhật : Theo hẹn

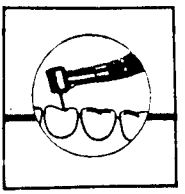

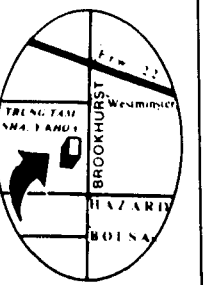

Nữ BAc Sĩ Nha Khoa
NGUYỄN THỊ NGỌC SƯƠNG

NHA KHOA TỔNG QUÁT
NHA KHOA NHI ĐỒNG
NHA KHOA THẨM MỸ
RĂNG GIẢ CÁC LOẠI

Ứng dụng máy móc kỹ thuật tối tân nhất

NHẬN BẢO HIỂM VÀ MEDI-CAL

Dành mọi điều kiện dễ dàng cho quý vị có bảo hiểm hoặc trả tiền mặt.

THAM KHẢO MIỄN PHÍ

Giờ làm việc:
Thứ Hai đến thứ Sáu : 10AM-7PM
Thứ Bảy : 10AM-5PM

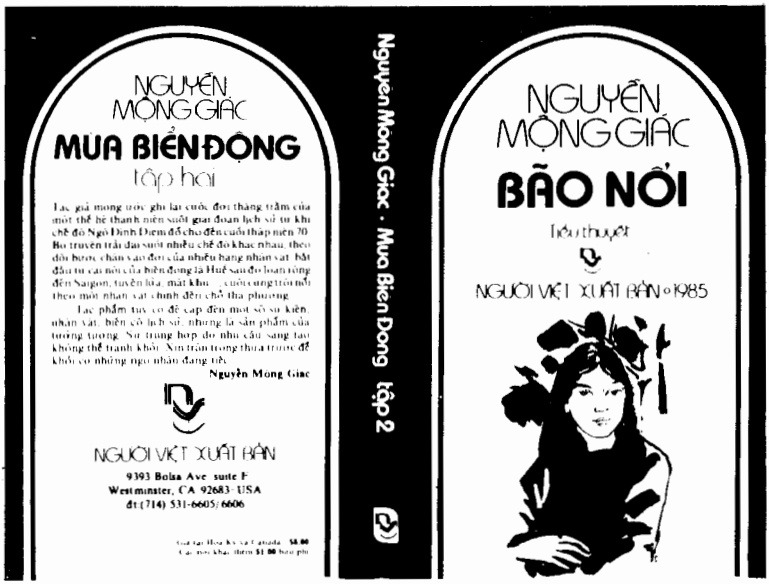

Quý độc giả có thể đặt mua tại tòa soạn V.H.N.T.
P.O. Box 486, Westminster, CA 92684 (USA)

TAM AUTO CENTER

1610 N. Fairview St. Santa Ana, CA 92706
(Góc Westminster và Fairview)

(714) 554-2314

LÀM ĐỒNG - SƠN
SỬA CHỮA VÀ BÁN TẤT CẢ CÁC LOẠI XE

Đặc biệt làm máy xăng, dầu, Tune-up
Làm thắng - Rebuild hộp số - Carburator

Mở cửa từ 7 giờ sáng đến 7 giờ chiều
Chủ nhật từ 7 giờ sáng đến 12 giờ trưa

Đọc và cổ động VĂN HỌC Nghệ thuật

BÁC-SĨ NHA-KHOA

NGUYỄN D. LIÊN HƯƠNG, DDS.

9251 Bolsa Ave.
Westminster, CA. 92683

(714) 895-1264
Giờ làm việc: Thứ Hai - Thứ Bảy 10am - 7pm

— Khám răng định kỳ, làm sạch, trám và nhổ răng.
— Giải phẫu răng khôn mọc lệch, giải phẫu nướu răng.
— Nha khoa thẩm mỹ với phương pháp Bonding.
— Nha khoa nhi đồng - Kiên nhẫn với trẻ khó tính nhất.
— Ngăn ngừa và điều trị răng mọc lệch lạc, chỉnh hàm.
— Răng giả các loại, gắn dính và tháo lắp - Bền và đẹp.

KINH NGHIỆM - TẬN TÂM - CHU ĐÁO
ỨNG DỤNG PHƯƠNG TIỆN VÀ KỸ THUẬT NHA KHOA MỚI NHẤT

Bác Sĩ HUỲNH HỮU CỬU
Diplomate, American Board of Ophthalmology
Trị bệnh mắt, Giải phẫu mắt, Làm kiếng, Soft Contact Lens

Nhận Medi-Cal và Bảo hiểm

9559 Bolsa Ave., Suite B, Westminster, CA 92683
(Góc Bushard, trên lầu Bolsa Mini Mall)
(714) 531-9401

Bác Sĩ BÙI ĐỒNG
Nguyên Giảng Huấn Trường Đại Học Y Khoa Saigon
Nguyên Sĩ chuyên môn Bệnh viện Bình Dân, Nhi Đồng và Sùng Chính
Hội viên Hội Hàn Lâm Viện Ngoài Da Hoa Kỳ

CHUYÊN TRỊ
— Bệnh ngoài da và hoa liễu (Skin Diseases & Veneral Diseases)
— Bệnh Dị ứng (Allergy)
— Giải phẫu da (Skin Surgery)

9559 Bolsa Ave, Suite A, Westminster, CA 92683
(714) 531-4616 / 4617

HOWARD ALLAN LIPTON
Luật Sư

NGUYỄN QUỲNH DUY
Phụ Tá

7215 Westminster Ave
Westminster, Ca 92683

Bus: (714) 891-1792
891-4293
891-9418
Res: (714) 538-4157

VIỆT NAM
AUTO BODY
AND PAINTING
408 N. Sullivan
Santa Ana, CA 92703
B. (714) 558-1980
R. (714) 543-5061

MỘT XƯỞNG ĐỒNG
LỚN VÀ
TỐI TÂN NHẤT
TẠI ORANGE COUNTY
Check và kéo xe miễn phí

TAILORING

Nhà May Áo Dài

Thiết Lập

SAIGON

Một địa chỉ duy nhất. Ngoài ra không còn chi nhánh nào khác.

14362 Brookhurst Street
Garden Grove, California 92643
(714) 839-9523

NVPrinting

Since 1976

COMPLETE PRINTING SERVICES

6922 Westminster Avenue
Westminster, California 92683
Tel. (714) 897-3628

Nhà in được mọi giới **chịu** nhất

Chủ đề các số sau

SỐ 7 THÁNG 11.85 : *Tiếng Việt , Chữ Việt.*
Với các bài của các nhà chuyên khảo ngữ học Việt Nam như Nguyễn đình Hoà, Nguyễn ngọc Bích, Phạm văn Hải, Nguyễn hải Hà...cùng sáng tác thơ văn mới nhất của nhiều cây bút hải ngoại. Phần tài liệu : Lời chứng của các nhà văn lưu vong Nga.

8,9 : VĂN HỌC NGHỆ THUẬT SỐ TẾT 1986.
Dày hơn hai trăm trang, bìa in màu, một tuyển tập những bài khảo cứu, nhận định và sáng tác phong phú của văn học Việt Nam lưu vong . Văn Học Nghệ Thuật số Tết sẽ phát hành vào ngày 15.12.1985.

SỐ 10 : SỐ ĐẶC BIỆT VỀ THI CA.

*

Chủ nhiệm VÕ PHIẾN
Chủ bút LÊ TẤT ĐIỀU
Thư ký tòa soạn NGUYỄN MỘNG GIÁC
Trị sự và kỹ thuật TRẦN ĐÌNH LONG

P. O. Box 486, Westminster, California 92684 USA.
Phone : (714) 838.8432
hoặc : (714) 897.3628